



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2019 | Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ



Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2019



Đại dương xanh và công cuộc tái chế chai nhựa

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THẾ KỶ

Trụ sở chính

Địa chỉ: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84.028 3790 7565 | Fax: +84.028 3790 7566

Chi nhánh

Địa chỉ: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại: +84.276 389 9537 | Fax: +84.276 389 9536

Văn phòng đại diện

Địa chỉ: 102-104-106 Bầu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh

NHỮNG GIẢI THƯỞNG STK ĐẠT ĐƯỢC TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2019



CSI 100:

Top 10 doanh nghiệp PTBV trong lĩnh vực sản xuất của Việt nam năm 2019, 4 năm liên tục trong top 100 Doanh nghiệp PTBV của VN giai đoạn 2016-2019.



ARA 2018 - 2019:

Top 10 doanh nghiệp có BCPTBV tốt nhất trong 2 năm liên tiếp 2018-2019.

Nội dung



TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

| | | |
|----------------|--|----|
| GRI 100 | THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT | 6 |
| | THÔNG TIN CƠ BẢN | 10 |
| | TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2019 | 12 |
| | TẦM NHÌN – SỨ MẠNG | 16 |
| | GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY | 17 |
| | CAM KẾT CỦA ĐỘI NGŨ STK | 17 |
| | CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN | 18 |
| | THAY ĐỔI TRONG BÁO CÁO | 22 |
| | GIẢI THƯỞNG VÀ CÁC DANH HIỆU ĐƯỢC TÔN VINH | 22 |
| | SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC | 24 |
| | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NHIỆM KỲ 2018 – 2023 | 30 |
| | VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG | 33 |
| | HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT | |
| | BAN ĐIỀU HÀNH | 34 |
| | BAN KIỂM SOÁT | 36 |
| | NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN | 37 |
| | BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG | 42 |
| | CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA CÔNG TY | 44 |
| | NGUYÊN TẮC ĐỐI XỬ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN | 44 |
| | CƠ CHẾ TƯ VẤN VÀ BÁO CÁO CÁC MỐI QUAN NGẠI VỀ BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ TẠI CÔNG TY | 44 |
| | NHẬN DIỆN VÀ LỰA CHỌN CÁC BÊN LIÊN QUAN | 45 |
| | NÂNG CAO SỰ GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN | 45 |
| | CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU | 46 |
| | DANH SÁCH CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU | 56 |
| | ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG VÀ DÀI HẠN GIAI ĐOẠN 2019-2025 | 58 |
| | DANH MỤC CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU | 64 |
| | HỆ THỐNG THU THẬP THÔNG TIN VÀ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN | 64 |
| | CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG | |
| | ĐẢM BẢO BÁO CÁO BỞI BÊN THỨ BA | 65 |

HIỆU QUẢ KINH TẾ

| | | |
|----------------|---------------------------------|----|
| GRI 200 | HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ 2019 | 68 |
| | SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG | 72 |
| | TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP | 74 |

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

| | | |
|----------------|---|-----|
| GRI 300 | VẬT LIỆU | 77 |
| | NGUỒN NƯỚC | 82 |
| | NĂNG LƯỢNG | 88 |
| | PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH | 94 |
| | PHÒNG CHỐNG Ô NHIỄM – TUÂN THỦ MÔI TRƯỜNG | 102 |

PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

| | | |
|----------------|--------------------------------|-----|
| GRI 400 | VIỆC LÀM | 105 |
| | GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | 114 |
| | AN TOÀN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP | 118 |
| | AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE KHÁCH HÀNG | 124 |
| | CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG | 128 |
| | VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG | 132 |
| | QUY CHUẨN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP | 133 |
| | THỊ TRƯỜNG VỐN XANH | 134 |
| | BẢNG TUÂN THỦ GRI | 137 |



Thông điệp Phát triển bền vững (GRI 102-14)

Quý cổ đông và Nhà đầu tư kính mến,

Tôi rất hân hạnh được chia sẻ với Quý vị báo cáo phát triển bền vững năm 2019 của STK. Chúng tôi hy vọng báo cáo này sẽ mang đến cho Quý vị những thông tin hữu ích về tình hình hoạt động kinh doanh của STK trong năm qua và chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Năm 2019 khép lại với những kết quả đáng khích lệ của ngành dệt may Việt Nam nói chung và của STK nói riêng. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2019 của dệt may trong nước ghi nhận 39 tỷ USD, tăng 7,5% so với năm 2018.

Sợi Thế Kỷ ghi nhận kết quả 2.229 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 7,4% và lợi nhuận sau thuế đạt 214,6 tỷ đồng, tăng 20,3% so với cùng kỳ, vượt kế hoạch lợi nhuận cả năm 7,9%. Mặc dù thị trường có yếu tố không thuận lợi như chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, Trung Quốc bán phá giá nhưng STK vẫn kiên định để duy trì và mở rộng mạng lưới khách hàng và thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, quản trị tốt nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2019 của dệt may trong nước đạt 39 tỷ USD, tăng 7,5% so với năm 2018.

Sợi Thế Kỷ ghi nhận kết quả 2.229 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 7,4% và lợi nhuận sau thuế đạt 214,6 tỷ đồng, tăng 20,3% so với cùng kỳ, vượt kế hoạch lợi nhuận cả năm 7,9%

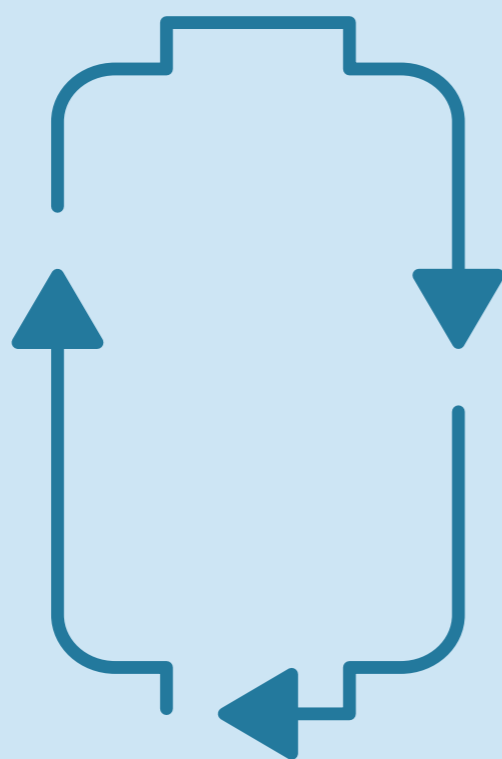
Công ty không ngừng cải thiện hệ thống quản trị Công ty, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty và đem lại lợi ích tối đa cho các bên liên quan. Trong năm 2019, STK cũng tiếp tục hợp tác với nhà cung ứng Oerlikon Barmag từng bước để triển khai dự án số hóa nhằm thiết lập nhà máy thông minh, xây dựng nền tảng cho việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Công ty cũng kiên định thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường, thúc đẩy việc sản xuất và tiêu thụ bền vững thông qua việc xây dựng chiến lược phát triển bền vững hướng tới thời trang xanh, STK đã thành công trong việc khai thác xu hướng sử dụng sợi tái chế của các thương hiệu thời trang quốc tế, nâng tỷ trọng dòng sản phẩm này trong tổng doanh thu từ 16,5% (2018) lên 35% (2019). Nhờ vào việc linh hoạt chuyển đổi sản xuất và nâng cao tỷ trọng các sản phẩm giá trị gia tăng, chất lượng sản phẩm ổn định và chính sách bán hàng linh hoạt, hiệu quả hoạt động của STK đã được cải thiện đáng kể trong năm 2019.

Chúng tôi mong rằng với sự nỗ lực vượt bậc của Ban điều hành và CBCNV cũng như sự ủng hộ mạnh mẽ của cổ đông Công ty, STK sẽ đạt được sự phát triển bền vững và tiến xa hơn nữa trong những năm tới.

Đặng Triệu Hoà

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

| | | |
|------|--|----|
| I.1 | Thông tin cơ bản | 10 |
| I.2 | Tổng quan về Báo cáo phát triển bền vững 2019 | 12 |
| I.3 | Tầm nhìn - sứ mạng của công ty | 16 |
| I.4 | Giá trị của công ty | 17 |
| I.5 | Cam kết của đội ngũ STK | 17 |
| I.6 | Cột mốc hình thành và phát triển | 18 |
| I.7 | Thay đổi trong báo cáo | 22 |
| I.8 | Giải thưởng và các danh hiệu được tôn vinh | 22 |
| I.9 | Sơ đồ cơ cấu tổ chức | 24 |
| I.10 | Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 | 30 |
| I.11 | Ban điều hành | 34 |
| I.12 | Ban kiểm soát | 36 |
| I.13 | Ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên có liên quan | 37 |

1.1 / Thông tin cơ bản

Tên công ty (GRI 102-1)

**Công ty
Cổ phần
Sợi Thế Kỳ**

Tên tiếng Anh (GRI 102-1)

Century Synthetic Fiber Corporation

Tên giao dịch

Century Corp

Mã chứng khoán

STK (HSX)

Lĩnh vực kinh doanh (GRI 102-2)

STK sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài polyester, bao gồm sợi DTY và FDY.

Hình thức pháp lý và quyền sở hữu (GRI 102-5)

Công ty cổ phần



Trụ sở chính (GRI 102-3)

B1-1, KCN Tây Bắc Củ Chi,
Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh (GRI 102-4)

Đường số 8, KCN Trảng Bàng,
Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

Văn phòng đại diện (GRI 102-4)

102-104-106 Bàu Cát, Phường 14,
Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh

Email

csf@century.vn

Website

www.thekey.vn

Điện thoại

+84.028 3790 7565 | +84.276 389 9537

Fax

+84.028 3790 7566 | +84.276 389 9536

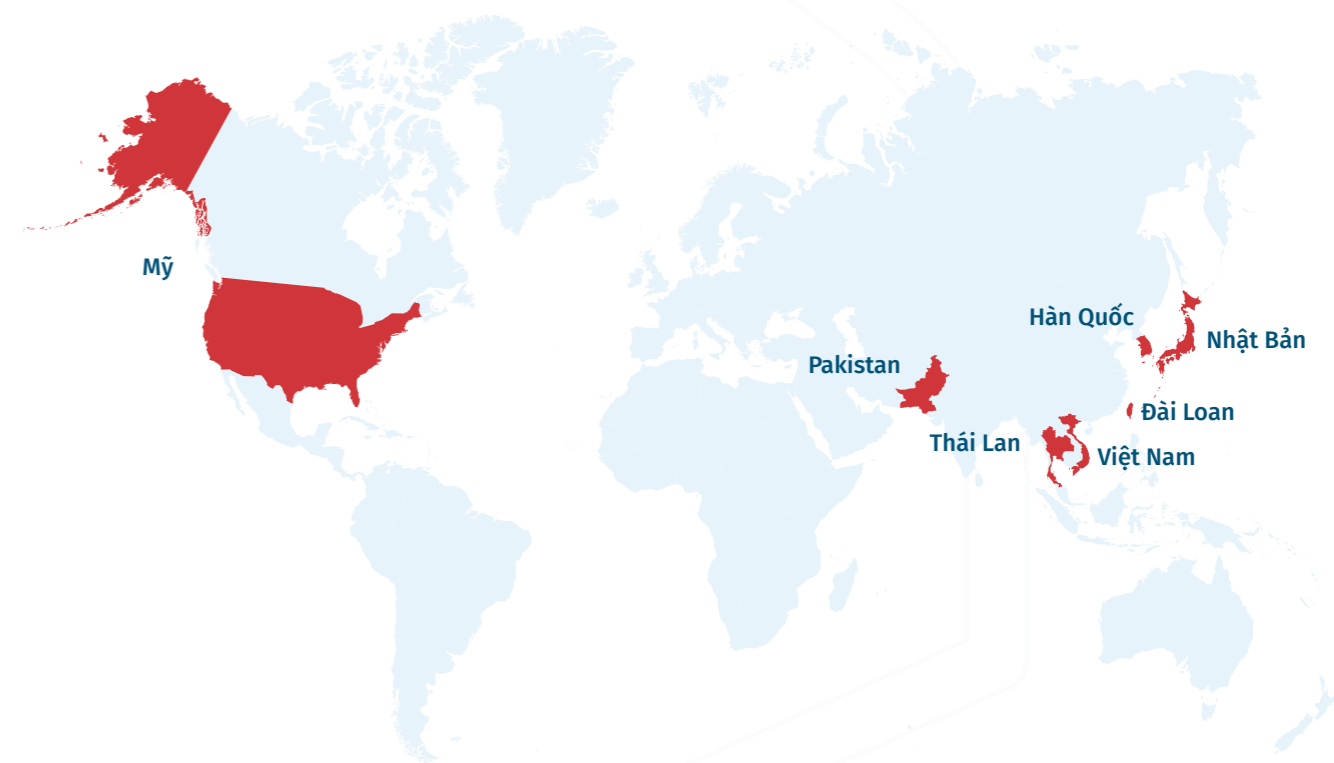
Mã số thuế doanh nghiệp (GRI 102-5)

0302018927

Vốn điều lệ

707.269.440.000 VNĐ

Sự hiện diện toàn cầu (GRI 102-6)



Địa bàn kinh doanh của Sợi Thế Kỳ trải rộng khắp thế giới, tập trung chủ yếu ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, bao gồm thị trường nội địa và xuất khẩu như: Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Pakistan...

Quy mô sản xuất (GRI 102-7)

- > Công ty có 2 nhà máy đặt tại Củ Chi và Trảng Bàng trên với tổng diện tích là 68.000 m² và tổng số lao động hiện tại là 963 người. Với việc không ngừng mở rộng và gia tăng công suất, ở thời điểm 31/12/2019, tổng công suất của Công ty là 63.300 tấn sợi DTY và FDY.
- > Ngoài ra, từ cuối năm 2018, Công ty cũng lắp đặt thêm dây chuyền sản xuất hạt nhựa tái chế (Recycled Chip) với công suất 1.500 tấn/năm.

I.2 / Tổng quan về Báo cáo phát triển bền vững 2019

Giá trị bền vững STK đã tạo ra cho các bên có liên quan

NGUỒN LỰC STK



MÔ HÌNH KINH DOANH STK

Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt.

Phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.

Giá trị

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

Mỗi người trong CENTURY phải phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới mục tiêu chung

Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

Gắn kết sự phát triển của CENTURY với cộng đồng và với mỗi người trong CENTURY.

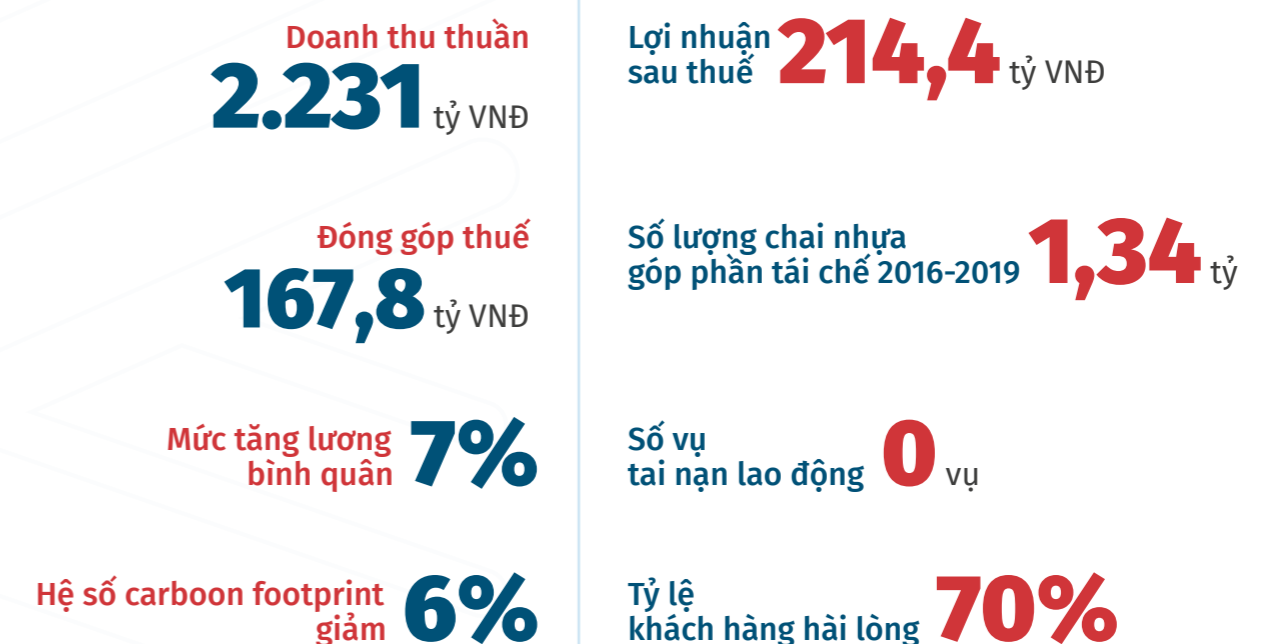
Sứ mệnh

Ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường thiên nhiên để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.

Mô hình 4Ms

- > **Máy móc:** Đầu tư vào máy móc thiết bị hiện đại (tiết kiệm năng lượng, đảm bảo chất lượng).
- > **Nguồn nhân lực:** Chú trọng chất lượng tuyển dụng, liên tục đào tạo chuyên môn, hoàn thiện chính sách nhân sự.
- > **Nguyên vật liệu:** Mua NVL chất lượng cao nhằm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng.
- > **Quản lý:** Áp dụng các hệ thống quản lý hiện đại nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa, dịch vụ và hạ giá thành.

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC



- > Báo Cáo Phát Triển Bền Vững (“BCPTBV”) của STK được lập hàng năm, nhằm trình bày và công bố các thông tin chính thức liên quan đến kết quả hoạt động cũng như đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đã đề ra trong năm của Công ty.
- > Công ty lập BCPTBV riêng biệt với Báo Cáo Thường Niên, nhằm cung cấp bức tranh tổng thể về hoạt động của toàn Công ty Sợi Thế Kỷ năm 2019 cũng như đưa ra những mục tiêu, trách nhiệm của doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững trong năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 của Công ty.
- > Thông qua việc chia sẻ các nội dung phát triển bền vững tới các bên liên quan của Công ty, chúng tôi hy vọng sẽ nhận được nhiều đóng góp tích cực để từ đó tiếp tục rà soát và cải tiến lại những lĩnh vực mà các bên quan tâm.
- > BCPTBV là một công cụ giúp Công ty có thể rà soát và đánh giá lại hiệu quả của các hoạt động phát triển bền vững trong năm của Công ty, cũng như góp phần hỗ trợ cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành Công ty kịp thời cập nhật những định hướng và chiến lược phát triển phù hợp nhất cho Công ty.

Phạm vi và ranh giới của báo cáo:

Báo cáo được lập tại Việt Nam, trong lĩnh vực ngành sợi, đối với hoạt động của toàn CTCP Sợi Thế Kỷ.

Tuyên bố lập báo cáo theo tiêu chuẩn GRI: (GRI 102-54)

- > Báo cáo này được lập dựa trên Tiêu chuẩn GRI – Tiêu chuẩn được công nhận quốc tế từ Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) dưới dạng cốt lõi. Báo cáo cũng được sự hỗ trợ từ Chương trình Thương mại Cạnh tranh (CSRCB) do GRI cung cấp trực tiếp để cải thiện khả năng cạnh tranh và chất lượng báo cáo của các doanh nghiệp ở Việt Nam, giúp các doanh nghiệp như chúng tôi có thể tham gia mạnh mẽ vào chuỗi giá trị toàn cầu).
- > Nội dung của báo cáo xoay quanh 4 chủ đề trọng yếu: GRI 100 Thông tin chung; GRI 200 Vấn đề kinh tế; GRI 300 Vấn đề môi trường; GRI 400 Vấn đề xã hội.
- > Trong Q2-2019, Công ty đã cử các cán bộ chuyên trách tham gia những buổi đào tạo từ GRI để thực hiện báo cáo theo tiêu chuẩn GRI.



This report is a result of the
CSRCB Program
in Vietnam

2019
2020

Kỳ báo cáo: Năm tài chính 2019. (GRI 102-50)

Ngày báo cáo gần nhất: ngày 31/12/2018. (GRI 102-51)

Chất lượng báo cáo:

Công ty cam kết cung cấp những thông tin và số liệu trong báo cáo một cách chính xác, rõ ràng, tin cậy và được cập nhật (xem thêm ở mục II.6.5).

Bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty sẽ tham gia vào BCPTBV của Công ty, thông qua việc đánh giá các nội dung về các tiêu chuẩn lao động, xã hội, môi trường của Công ty, nhằm đảm bảo tính chính xác và phù hợp của các kế hoạch và chiến lược phát triển bền vững của STK.

Các chỉ tiêu đánh giá bao gồm:

- GRI – 404:** Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm;
- GRI – 413:** Những hoạt động tham gia đóng góp vào Cộng đồng địa phương;
- GRI – 401:** Tỷ lệ mức lương bình quân của người lao động và lương tối thiểu vùng;
- GRI – 306:** Chỉ số kết quả quan trắc môi trường;

Chu kỳ báo cáo: 1 năm/lần

Đầu mối liên hệ cho các thắc mắc về báo cáo:

PHÒNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG – CTCP SỢI THẾ KỶ

Địa chỉ: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

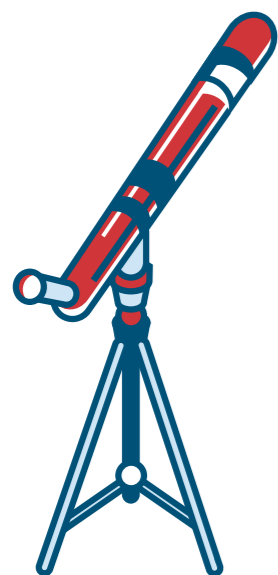
Chịu trách nhiệm nội dung: Nguyễn Phương Chi – Giám đốc chiến lược

Biên tập: Phạm Đăng Khoa – Chuyên viên IR

Email: ir@century.vn

Điện thoại: (+84.276) 388 7565 (máy lẻ: 113)

1.3 / Tầm nhìn - sứ mạng của công ty



TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.

SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường thiên nhiên để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.



1.4 / Giá trị của công ty

Phục vụ Khách hàng

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

Liên tục Cầu tiến

Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

Đồng tâm Hiệp lực

Mỗi người trong CENTURY phải phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới mục tiêu chung.

Cùng nhau Phát triển

Gắn kết sự phát triển của CENTURY với cộng đồng và với mỗi người trong CENTURY.

1.5 / Cam kết của đội ngũ STK

Chúng tôi luôn trân trọng khách hàng, có sự phân công hợp tác, chủ động, đảm đương trong thực thi công việc.



1.6 / Cột mốc Hình thành và Phát triển

Thành lập nhà máy kéo sợi đầu tiên tại Củ Chi

Thành lập ngày 01/06/2000.

Sản phẩm chính: DTY

Công suất ban đầu: 4.800 tấn sợi DTY/năm.

2000

Đầu tư mở rộng năng lực sản xuất

Tăng công suất sản xuất lên tương đương 9.600 tấn sợi DTY/năm để đáp ứng nhu cầu thị trường.

2003

Lần đầu tiên khép kín quy trình sản xuất

Mở rộng đầu tư và tăng tổng công suất lên 14.500 tấn POY/năm & 15.000 tấn DTY/năm.

2005

Cổ phần hóa – Sự thay đổi mang tính chiến lược

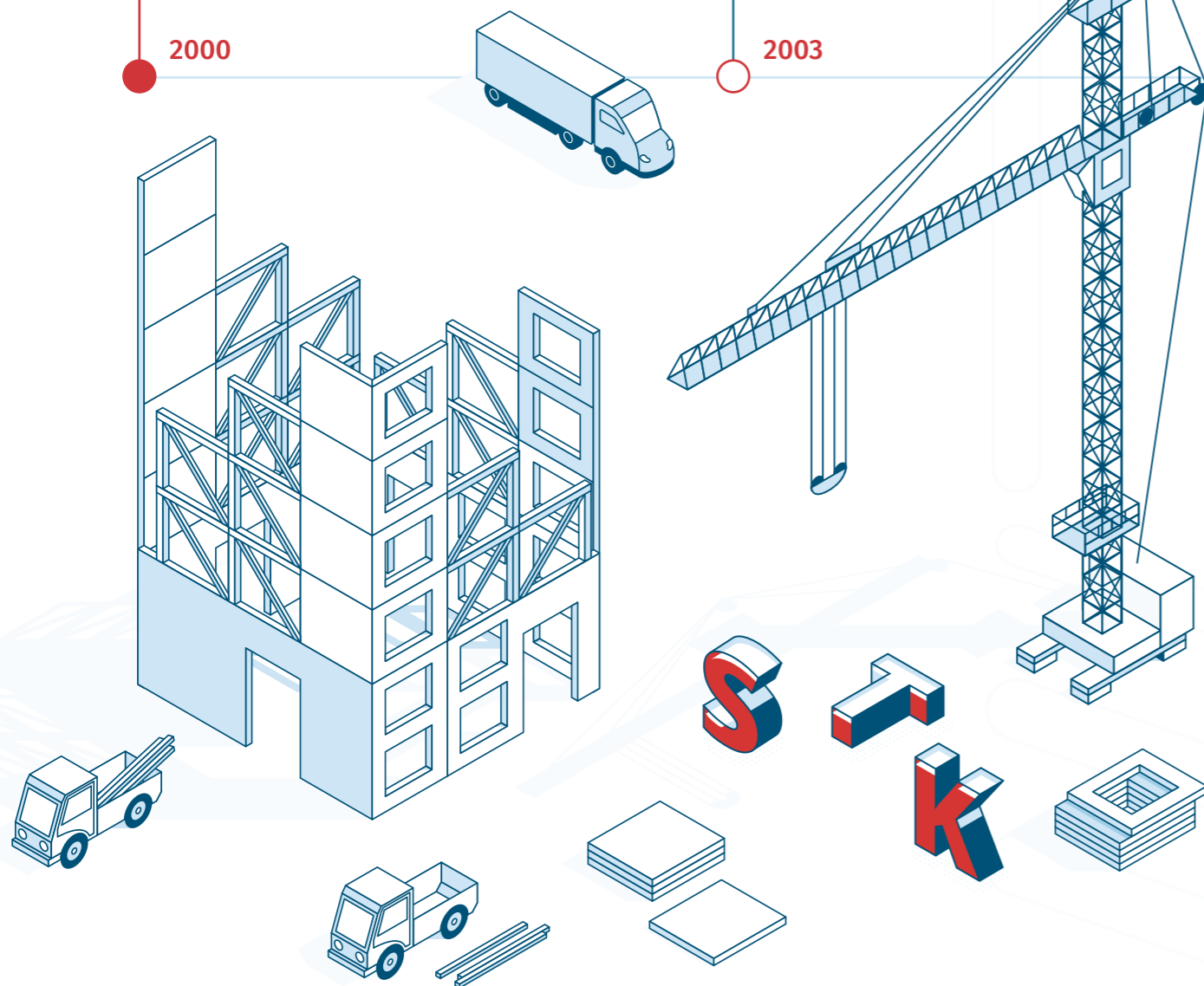
Công ty TNHH Sợi Thế Kỷ chính thức được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ.

2008

Phát triển sản phẩm mới FDY

Mở rộng công suất toàn công ty lên 29.500 tấn POY/năm và 37.000 tấn DTY & FDY/năm.

2011



I.6 / Cột mốc Hình thành và Phát triển (tiếp theo)

Đón đầu xu hướng,
nắm bắt cơ hội

Mở rộng nhà máy Trảng Bàng 3.
IPO thành công 3 triệu cổ phiếu.

2014

2015

Niêm yết trên HOSE,
phát triển thành công
sản phẩm mới sợi tái chế.

Tổng công suất đạt khoảng
52.000 tấn DTY & FDY/năm từ
nhà máy Trảng Bàng 3.

Bắt đầu sản xuất
sợi tái chế

Mở rộng nhà máy Trảng Bàng 4,
nâng tổng công suất của Công ty
lên 60.000 tấn DTY và FDY/năm.

2016

2017

Tận dụng cơ hội từ thị trường –
Gặt hái thành công

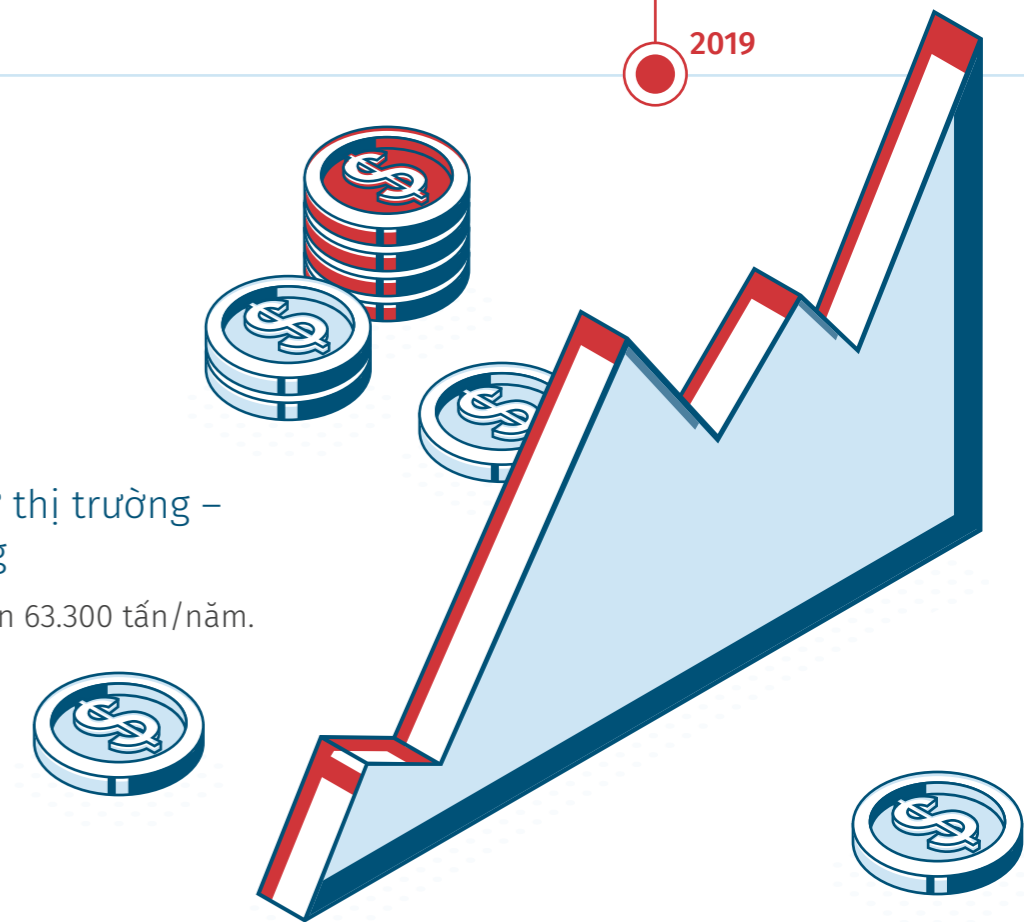
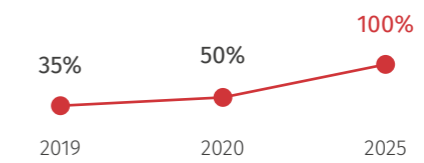
Nâng tổng công suất lên 63.300 tấn/năm.

2019

Kiên định
thực hiện mục tiêu

Lợi nhuận sau thuế tăng
trưởng 20% so với cùng kỳ.

Đưa ra lộ trình đạt 100% tỷ
lệ sợi tái chế năm 2025.



1.7 / Thay đổi trong báo cáo (GRI 102-49)

Rút kinh nghiệm từ Báo cáo phát triển bền vững 2018, trong báo cáo lần này Công ty đã có một số cải tiến như sau:

- (1) Hoàn thiện báo cáo theo bộ tiêu chuẩn GRI-Standards
- (2) Bổ sung sự tham gia của bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty
- (3) Bổ sung thông tin sự hiện diện trên thị trường của Công ty
- (4) Bổ sung thêm một số thông tin về việc đảm bảo bởi bên thứ ba
- (5) Bổ sung thông tin về tổng giá trị vốn hóa
- (6) Bổ sung thông tin sức khỏe và an toàn khách hàng
- (7) Bổ sung thông tin tuân thủ về kinh tế – xã hội
- (8) Bổ sung bối cảnh PTBV thế giới và ngành
- (9) Bổ sung cơ cấu quản trị PTBV tại Công ty
- (10) Bổ sung chuỗi giá trị bền vững Công ty

1.8 / Giải thưởng và các danh hiệu được tôn vinh

CHỨNG NHẬN VÀ GIẢI THƯỞNG

2019

- > Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2019 (CSI100) 4 năm liên tiếp.
- > Tổ chức trao giải: VCCI.
- > Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất trong nhóm Công ty có vốn hoá trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức
- > Top 10 Báo Cáo PTBV tốt nhất

2018

- > Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2018 (CSI100) 3 năm liên tiếp.
- > Tổ chức trao giải: VCCI.
- > Top 10 Báo Cáo PTBV
- > Top 90 Báo Cáo TN.

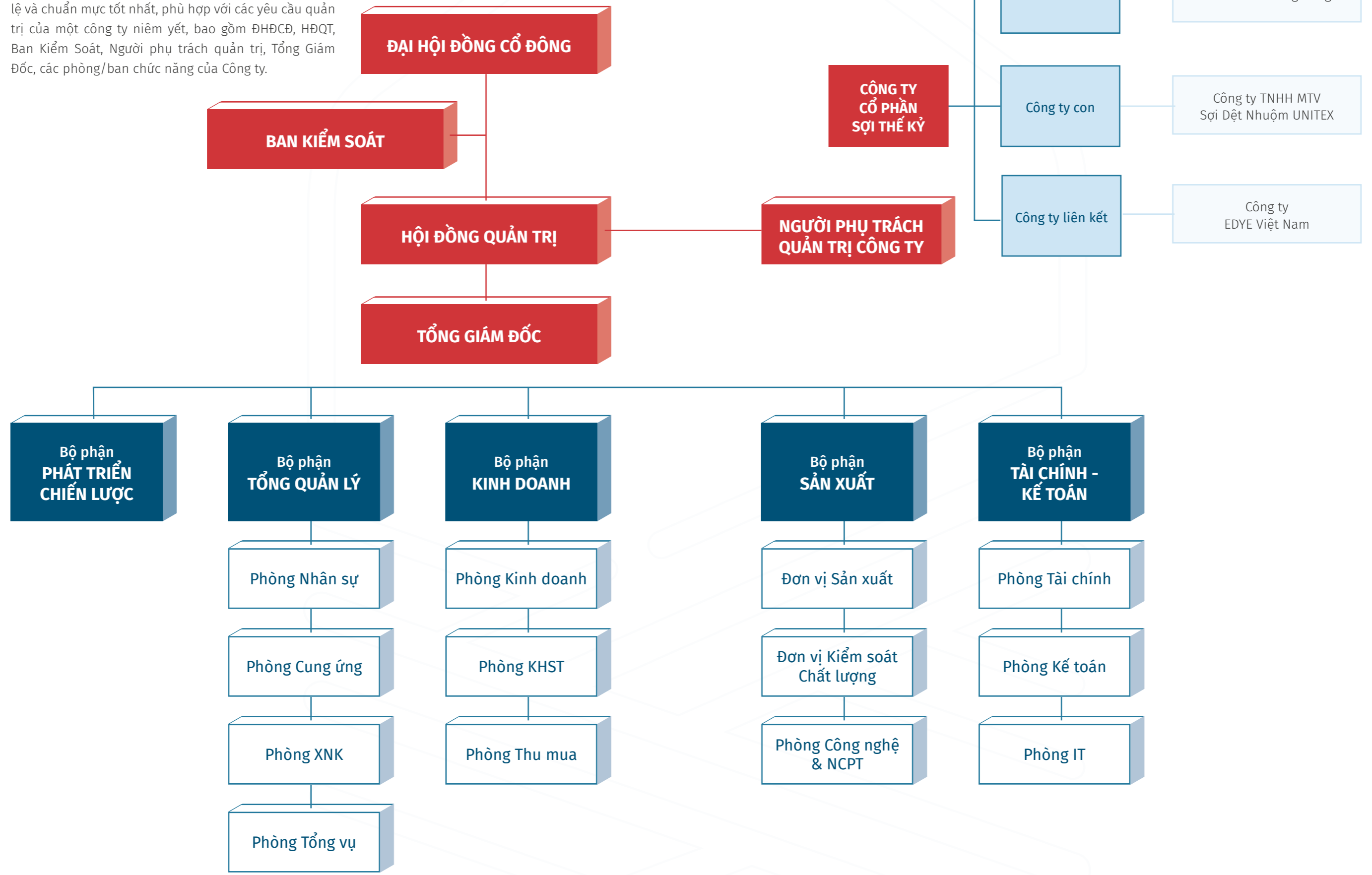
2017

- > Top 500 công ty lớn nhất Việt Nam (VNR500): xếp hạng 361 trên Bảng Doanh nghiệp tư nhân Việt Nam.
- > Tổ chức trao giải: Việt Nam Report và báo Vietnamnet.
- > Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2017 (CSI100)
- > Tổ chức trao giải: VCCI.
- > IR Award 2017 – Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin
- > Tổ chức trao giải: VAFE và CTCP Tài Việt (báo điện tử Vietstock).



1.9 / Sơ đồ cơ cấu tổ chức (GRI 102-18)

Mô hình quản trị của Công ty được xây dựng theo thông lệ và chuẩn mực tốt nhất, phù hợp với các yêu cầu quản trị của một công ty niêm yết, bao gồm ĐHCĐ, HĐQT, Ban Kiểm Soát, Người phụ trách quản trị, Tổng Giám Đốc, các phòng/ban chức năng của Công ty.



Cơ cấu tổ chức theo đơn vị trực thuộc, công ty con và công ty liên kết:

| | Bảo vệ môi trường | Phát triển kinh tế | Phát triển lao động-xã hội |
|---|--|---|--|
| <p>1</p> <p>Lập kế hoạch sản xuất</p> | <ul style="list-style-type: none"> > Xây dựng kế hoạch sản xuất chi tiết. > Thiết kế định mức tiêu hao nguyên vật liệu và năng lượng cho 1 đơn vị sản phẩm. > Lên kế hoạch tái sử dụng vật liệu. > Xây dựng kế hoạch tiết kiệm điện, nước và nhiên liệu sử dụng. | <ul style="list-style-type: none"> > Bố trí máy móc sản xuất hiệu quả. > Đảm bảo máy chạy ổn định, tránh ngưng máy, tiết kiệm chi phí. | <ul style="list-style-type: none"> > Lên kế hoạch đào tạo tay nghề, nâng cao kiến thức chuyên môn. > Sắp xếp nguồn nhân lực sản xuất ổn định. > Trang bị an toàn-lao động cho CBCNV. > Lên kế hoạch sử dụng nguồn cung ứng nguyên vật liệu địa phương. |
| <p>2</p> <p>Nhập nguyên vật liệu</p> | <ul style="list-style-type: none"> > Đánh giá nhà cung ứng theo tiêu chí trách nhiệm môi trường. > Nghiệm thu chất lượng và nguồn gốc của nguyên vật liệu. | <ul style="list-style-type: none"> > Đàm phán giá hiệu quả. > Kiểm tra và đảm bảo tỷ lệ hàng nhập không đạt chất lượng ở mức tối thiểu. | <ul style="list-style-type: none"> > Trang bị kiến thức cho nhân viên cung ứng. > Sử dụng dịch vụ vận tải địa phương. |
| <p>3</p> <p>Sản xuất</p> | <ul style="list-style-type: none"> > Tiết kiệm điện, nước sử dụng. > Sử dụng nguồn năng lượng hiệu quả. > Tránh lãng phí nguồn nguyên vật liệu sử dụng. | <ul style="list-style-type: none"> > Giảm tỷ lệ sợi phế. > Đảm bảo máy móc được bảo trì định kỳ. > Nâng cao tỷ lệ chất lượng sản phẩm. > Kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi tới khách hàng. | <ul style="list-style-type: none"> > Bố trí nguồn nhân sự phù hợp. > Tạo cơ hội thăng tiến trong công việc. > Xây dựng môi trường làm việc an toàn. > Xây dựng văn hóa ứng xử tốt. > Đảm bảo công bằng-bình đẳng. |
| <p>4</p> <p>Bán hàng và tiêu thụ sản phẩm</p> | <ul style="list-style-type: none"> > Cung cấp hướng dẫn sử dụng sản phẩm. > Kết hợp kế hoạch vận chuyển hàng, tránh sử dụng nhiều xe. > Tái sử dụng pallet để giao hàng. | <ul style="list-style-type: none"> > Linh hoạt trong chi phí xuất hàng. | <ul style="list-style-type: none"> > Đào tạo nghiệp vụ bán hàng, xuất nhập khẩu. > Xây dựng chính sách thưởng khích lệ khi đạt KPIs. > Tăng thu nhập cho lao động địa phương. |

BỘ PHẬN TỔNG QUẢN LÝ – PHÒNG NHÂN SỰ
CHỊU TRÁCH NHIỆM VÀ ĐƯA RA CÁC QUYẾT ĐỊNH VỀ CHỦ ĐỀ XÃ HỘI

- Chức năng chính của phòng nhân sự:**
- > Đề xuất về định biên nhân sự, nguồn nhân lực cho toàn Công ty;
 - > Thực hiện chấm công, tính lương và đảm bảo các chính sách phúc lợi cho người lao động;
 - > Thực hiện đào tạo, đề bạt và bồi dưỡng kỹ năng cho CBCNV;
 - > Đề xuất về tuyển dụng và lựa chọn ứng viên cho từng vị trí tại Công ty;
 - > Tham mưu cho HĐQT về ngân sách lương và hiệu quả thực hiện KPIs của từng phòng ban;
 - > Cập nhật và cải tiến các chính sách lao động tại Công ty theo pháp luật hiện hành;
 - > Xử lý khiếu nại và đảm bảo bình đẳng tại Công ty;
 - > Chịu trách nhiệm báo cáo trực tiếp với TGD và HĐQT về các vấn đề nhân sự – xã hội;

BỘ PHẬN TỔNG QUẢN LÝ – PHÒNG TỔNG VỤ
CHỊU TRÁCH NHIỆM VÀ ĐƯA RA CÁC QUYẾT ĐỊNH VỀ CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG

- Chức năng chính của phòng tổng vụ:**
- > Đề xuất và ban hành các chính sách đảm bảo an toàn – vệ sinh – môi trường tại Công ty;
 - > Thường xuyên giám sát, báo cáo tuân thủ về an toàn lao động và các tiêu chí về môi trường tại Công ty;
 - > Thực hiện huấn luyện nội dung an toàn – vệ sinh – môi trường hàng năm cho CBCNV;
 - > Định kỳ thực hiện việc đo kiểm môi trường tại nơi làm việc về khí thải, nước thải và chất thải;
 - > Cập nhật và lập các chính sách, quy trình bảo vệ môi trường, hướng dẫn an toàn - vệ sinh - môi trường tại nơi làm việc.
 - > Chịu trách nhiệm báo cáo trực tiếp với TGD về các vấn đề an toàn - vệ sinh - môi trường;

BỘ PHẬN KINH DOANH – PHÒNG KINH DOANH
CHỊU TRÁCH NHIỆM VÀ ĐƯA RA CÁC QUYẾT ĐỊNH VỀ CHỦ ĐỀ KINH TẾ

- Chức năng chính của phòng kinh doanh:**
- > Đề xuất tham mưu TGD lập kế hoạch kinh doanh cho Công ty;
 - > Tìm kiếm khách hàng tiềm năng, mở rộng mạng lưới khách hàng và thị trường;
 - > Đẩy mạnh công tác bán hàng, tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận cho Công ty;
 - > Đảm bảo chất lượng dịch vụ khách hàng và thực hiện chiến lược marketing;
 - > Cập nhật tình hình thị trường và tham mưu TGD để có chính sách bán hàng hợp lý;
 - > Chịu trách nhiệm báo cáo trực tiếp với TGD và HĐQT về tình hình phát triển kinh doanh của Công ty

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ CÁC THÀNH TỰU PTBV 2019 (GRI 102-28)

Quy trình đánh giá: Thông qua các báo cáo kết quả về hoạt động kinh doanh, báo cáo lao động – xã hội, tổng kết về việc tuân thủ bảo vệ môi trường và kết quả hoàn thành nhiệm vụ KPIs hàng tháng tại Công ty. HĐQT nhận xét và đưa ra những đánh giá về các thành tựu phát triển bền vững mà Công ty đã đạt được trong thời gian qua, đồng thời cũng đưa ra những định hướng phát triển mới cho giai đoạn tiếp theo (xem thêm mục II.4.7).

Tần suất đánh giá: giám sát kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững hàng tháng, hàng quý của các phòng ban và đưa ra đánh giá hàng năm.

Trong năm 2019, toàn bộ tập thể CBCNV của Công ty STK đã đồng lòng và cố gắng không ngừng nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh, cùng với việc nâng cao kết quả sản xuất, góp phần cắt giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng của Công ty. Kết quả đã mang lại kết quả rất khả quan và phù hợp với các mục tiêu PTBV của Công ty. Cụ thể:

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

- > Doanh thu thuần năm 2019 hoàn thành 85,6% so với kế hoạch năm 2019, tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu tăng mạnh chiếm 35% trong tổng doanh thu;
- > Lợi nhuận ròng năm 2019 tăng trưởng 20,6% so với 2018 và vượt mục tiêu năm 2019 7,9%, tạo ra nguồn lực tài chính vững mạnh để Công ty có thể tiếp tục đầu tư và phát triển trong thời gian tiếp theo;
- > Công ty nắm bắt cơ hội kịp thời và từng bước phát triển mở rộng thêm thị trường đặc biệt là thị trường Mỹ;
- > Tình hình tài chính của Công ty được cải thiện tốt hơn, góp phần xây dựng niềm tin cho các nhà đầu tư thông qua việc phát triển kinh doanh liên tục của STK. Ngoài ra, Công ty cũng có nguồn lực mạnh hơn để tiếp tục thực hiện các mục tiêu lớn hơn và bền vững hơn trong thời gian tới ;

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ XÃ HỘI BỀN VỮNG

- > Thu nhập của người lao động năm 2019 tăng bình quân 7% so với 2018.
- > Chế độ phúc lợi của người lao động cũng được cải thiện rất nhiều so với năm 2018 dựa vào các chính sách chăm lo người lao động mới và sự quan tâm tích cực từ ban lãnh đạo Công ty.
- > STK tiếp tục duy trì các thông lệ tốt của doanh nghiệp thông qua việc tổ chức các sự kiện chăm lo tới đời sống người lao động: phát quà 1/6, phát thưởng cho học sinh giỏi là con/em của CBCNV Công ty, tặng quà tết, quyên góp các quỹ nhằm giúp đỡ các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn.
- > Thưởng tăng hơn 1 tháng lương cho người lao động vào dịp tết nguyên đán.
- > Công ty phối hợp cùng các chuyên gia nước ngoài (Đức, Đài Loan...) tổ chức các khóa đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng tay nghề và kiến thức chuyên môn cho người lao động. Định kỳ áp dụng chính sách đánh giá bậc tay nghề để đề bạt và tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động, góp phần giúp họ nâng cao mức thu nhập và tạo cơ hội đóng góp cho Công ty.
- > Công ty tạo thêm nhiều công ăn việc làm trực tiếp cho lao động địa phương và gián tiếp cho các nhà thầu cung cấp thông qua: dự án Trảng Bàng 5, dự án sợi màu, kế hoạch nâng tỷ trọng sợi recycle...
- > Nhằm tạo môi trường lao động an toàn, thân thiện và bình đẳng, Công ty đã tiếp tục cải thiện cơ chế khiếu nại và phản hồi dựa trên cơ sở Bộ quy tắc ứng xử tại Công ty.
- > Định kỳ thực hiện việc kiểm định và bảo dưỡng máy móc thiết bị, nhằm đảm bảo an toàn lao động cho nhân viên khi đang làm việc tại Công ty.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- > Phát triển sản phẩm sợi thân thiện với môi trường: tỷ trọng sợi tái chế đã tăng lên vượt bậc chiếm 35% trong cơ cấu doanh thu, vượt 7,5% so với kế hoạch 2019.
- > Triển khai dự án sản xuất sợi màu và đưa vào sản xuất từ tháng 8/2019 (đây là một giải pháp tiết kiệm nước sạch và hạn chế xả hóa chất độc hại ra môi trường).
- > Dự án tái chế sợi phế trong khuôn khổ dự án TB5, góp phần giúp Công ty phát triển và mở rộng thị trường sản phẩm thân thiện với môi trường.
- > Công ty thực hiện tái sử dụng ống giấy POY nhiều lần, hạn chế việc khai thác và bảo vệ rừng giúp chống sạt lở và xói mòn. Trong năm 2019, số lượng ống giấy POY sử dụng là 870.087 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3,56 lần nên số lượng ống giấy POY được tiết kiệm là 3,097,511 ống (nếu không áp dụng việc tái sử dụng, số lượng ống giấy POY cần có là 3,967,598 ống).
- > Chỉ số cacbon footprint về điện giảm 6% so với năm 2018.
- > Chỉ số cacbon footprint về dầu Diesel giảm 75% so với năm 2018.
- > Tính từ khi bắt đầu sản xuất sợi tái chế đến hết 2019, Công ty đã gián tiếp tái sử dụng khoảng 1,34 tỷ chai nhựa PET nhờ vào việc sản xuất sợi Recycle, góp phần giảm thiểu tác động tới môi trường đặc biệt là giảm nguồn rác thải chai nhựa trên đại dương.

I.10 / Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 (GRI 102-22,23,24,27)

Ông Đặng Triệu Hòa là người sáng lập Công ty từ năm 2000 và đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của STK.

Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp sản xuất sợi, dệt may và am hiểu sâu sắc về công nghệ sản xuất và xu hướng ngành nghề sợi nói riêng và dệt may nói chung.

Ông đã từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc tại Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á và Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú trước khi sáng lập STK.

Với vai trò Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) kiêm Tổng Giám đốc, Ông là người đóng vai trò quyết định trong công tác điều hành và định hướng phát triển của Công ty. Ông đã nhận được bằng khen của Bộ công thương vì thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007.

Trình độ chuyên môn: **Quản trị kinh doanh**

Vị trí*: **Chủ tịch HĐQT kiêm TGD**

Thời gian bổ nhiệm: **Năm 2005**



Ông **ĐẶNG TRIỆU HÒA** (51 tuổi)



Ông **ĐẶNG HƯỜNG CƯỜNG** (44 tuổi)

Ông Đặng Hường Cường cũng là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, Ông Cường đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty TNHH P.A.N Châu Á, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi.

Trình độ chuyên môn: **Quản trị kinh doanh**

Vị trí*: **Thành viên HĐQT không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: **Năm 2005**

Bà Đặng Mỹ Linh là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, bà đang đảm nhận chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An từ năm 2001.

Trước đó, bà Linh đã công tác với thời gian 10 năm tại Công ty Worldtex Enterprise, một công ty dệt may của Đài Loan.

Trình độ chuyên môn: **Quản trị kinh doanh**

Vị trí*: **Thành viên HĐQT không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: **Năm 2005**



Bà **ĐẶNG MỸ LINH** (48 tuổi)



Bà **CAO THỊ QUẾ ANH** (54 tuổi)

Hiện tại Bà Quế Anh đang đảm nhiệm vị trí Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Xanh. Trước đó, Bà Quế Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và tài chính tại Cộng hòa Ba Lan và Việt Nam.

Vị trí*: **Thành viên HĐQT độc lập không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: **12/01/2015**

Ông là đại diện sở hữu vốn của Công ty cổ phần đầu tư vốn Hường Việt – cổ đông lớn của Công ty.

Trình độ chuyên môn: **Quản trị kinh doanh**

Vị trí*: **Thành viên HĐQT không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: **17/04/2018**



Ông **VÕ QUANG LONG** (41 tuổi)

Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành sợi và may mặc.

Trình độ chuyên môn: **Kỹ thuật**

Vị trí*: **Thành viên HĐQT độc lập không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: **17/04/2018**



Ông **CHEN CHE JEN** (57 tuổi)

Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành tài chính.

Trình độ chuyên môn: **Tài chính**

Vị trí*: **Thành viên HĐQT không điều hành**

Thời gian bổ nhiệm: **17/04/2018**



Ông **NGUYỄN QUỐC HƯƠNG** (48 tuổi)

I.10.1 **VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT VỀ CÁC CHỦ ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 102-20,32)**

HĐQT của Công ty có vai trò chính trong việc hoạch định mục tiêu và định hướng phát triển bền vững cho Công ty. Tại STK, định hướng phát triển bền vững được cụ thể hóa theo từng mục tiêu cho các bộ phận, phòng ban và các đơn vị cơ sở khác.

Tầng sau hơn, các mục tiêu của từng bộ phận, phòng ban sẽ được lượng hóa thành các chỉ tiêu (KPI) nhằm đánh giá và đo lường một cách chính xác và hiệu quả kết quả thực thi định hướng phát triển bền vững của từng phòng, ban theo mục tiêu chung của Công ty.

HĐQT Công ty duy trì họp định kỳ hàng quý, nhằm trao đổi và kịp thời đưa ra các chỉ đạo cho các hoạt động kinh doanh và sản xuất của STK. Trong các buổi họp, từng khía cạnh về kinh tế - xã hội - môi trường đều được các đại diện của Ban Điều Hành trình bày trực tiếp trước HĐQT và sau đó các thành viên HĐQT sẽ đánh giá và đưa ra các định hướng để cải thiện kết quả hoạt động của Công ty.

HĐQT giao Ban Điều Hành và bộ phận Quan Hệ Cổ Đông chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo nội dung báo cáo được xây dựng dựa trên thông lệ quốc tế, quy định của Việt Nam và phù hợp với tình trạng thực tế của Công ty.



I.11 / Ban điều hành (GRI 102-22,23,24,27)

Năm sinh: 1969
 Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán
 Quá trình làm việc:
Tháng 06/2000 - nay Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, STK.
1995 - 2000 Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Ấ.
1991 - 1995 Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: **13,78%**



Ông **ĐẶNG TRIỆU HÒA**
 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1970
 Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán Kiểm toán

Quá trình làm việc:
Tháng 10/2016 Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng STK
Tháng 11/2010 Kế toán trưởng, STK.
03/2004 - 03/2010 Kế toán, Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dệt May – Đầu tư – Thương Mại Thành Công.
1997 - 03/2004 Kế toán tại Điện Lực tỉnh Bình Phước.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: **0,14%**



Ông **PHAN NHƯ BÍCH**
 Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh: 1972
 Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng
 Quá trình làm việc:
1/2015 - nay Giám đốc Chiến lược, STK
03/2008 - 12/2014 Giám đốc Tư vấn Đầu tư, Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tín.
04/2005 - 02/2008 Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd.
10/2004 - 02/2005 Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát Triển Dự án Mê Kông ("MPDF").
10/2002 - 10/2004 Chuyên viên Tài chính Cao cấp, Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) Ltd.
03/1997 - 03/2000 Trợ lý Luật sư, Công ty Luật Deacons Graham & James, chi nhánh Hà Nội.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: **0,01%**



Bà **NGUYỄN PHƯƠNG CHI**
 Giám đốc Chiến lược

Năm sinh: 1956
 Trình độ học vấn: Cử nhân Vật lý
 Quá trình làm việc:
Tháng 02/2017 - nay Giám đốc Tổng quản lý
2011 - 2016 Công ty CP KVVY: Giám Đốc Sản xuất.
2008 - 2010 Công ty CP Sợi Thế Kỷ: Phó Tổng Giám Đốc.
2002 - 2008 Công ty CP Tập đoàn Dệt May Thái Tuấn: Giám Đốc Nhà Máy Dệt 1 và Nhà Máy Dệt 2.
2001 Công Ty TNHH SX - TM Thế Kỷ: Xưởng Trưởng.
1998 - 2000 Công Ty TNHH Dệt May Thái Tuấn: Giám Đốc Nhà Máy Dệt.
1994 - 1998 Công ty Sợi Liên Minh (Đài Loan, KCX Tân Thuận): Xưởng trưởng.
1982 - 1993 Công ty Dệt Việt Thắng (Thủ Đức): Trưởng phòng Thí nghiệm Sợi.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: **0,04%**



Ông **NGUYỄN THÁI HÙNG**
 Giám đốc Tổng Quản lý

Thay đổi nhân sự Ban điều hành trong năm 2019: Không có.

I.12 / Ban kiểm soát (GRI 102-22,23,24,27)



Ông NGUYỄN TỰ LỰC

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh 1952, Nam

Trình độ học vấn Cử nhân Kế toán

Quá trình làm việc 1/2015 – nay: Kế toán trưởng, Công ty TNHH Mai Hoàng Vũ
2007 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát, STK
2006 - nay: Trợ lý Tổng Giám đốc, STK
2000 - 2006: Kế toán trưởng, STK
1984 - 2000: Kế toán trưởng, Công ty XNK Giày dép Nam Á
1979 - 1984: Kế toán tổng hợp Công ty Khách sạn TP.HCM,
Kế toán trưởng Khách sạn Sài Gòn



Bà HOÀNG NỮ MỘNG TUYỀN

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh 1990, Nữ

Trình độ học vấn Cử nhân

Quá trình làm việc 2018 – 02/2020: Trợ lý TGD, STK
2012 – 2018: Trưởng nhóm kinh doanh, STK



Bà ĐINH NGỌC HOA

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh 1979, Nữ

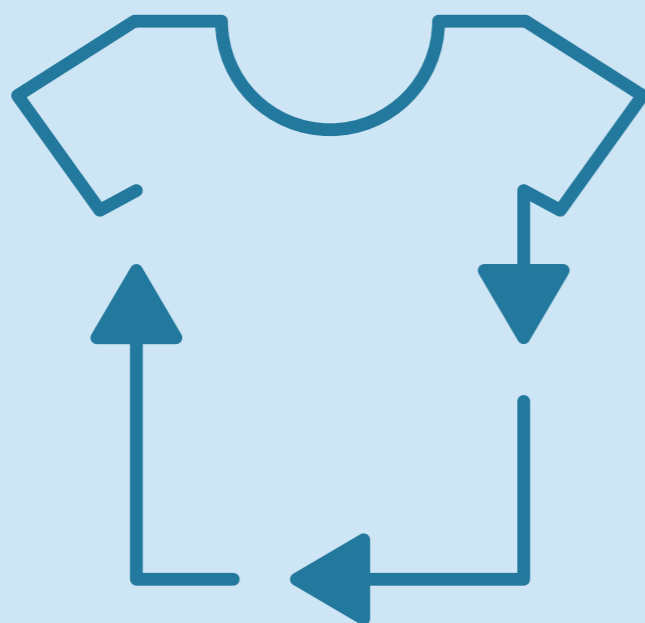
Trình độ học vấn Cử nhân ngành Kinh doanh tiền tệ

Quá trình làm việc 2005 - nay: Trưởng Phòng Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, STK
2002 - 2004: Nhân viên kế toán CTY TNHH Vĩ Hợp

I.13 / Ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên có liên quan (GRI 102-25)

Xem thêm mục [X. Ngăn ngừa xung đột lợi ích và Giao dịch với các bên có liên quan](#) - BCTN 2019.





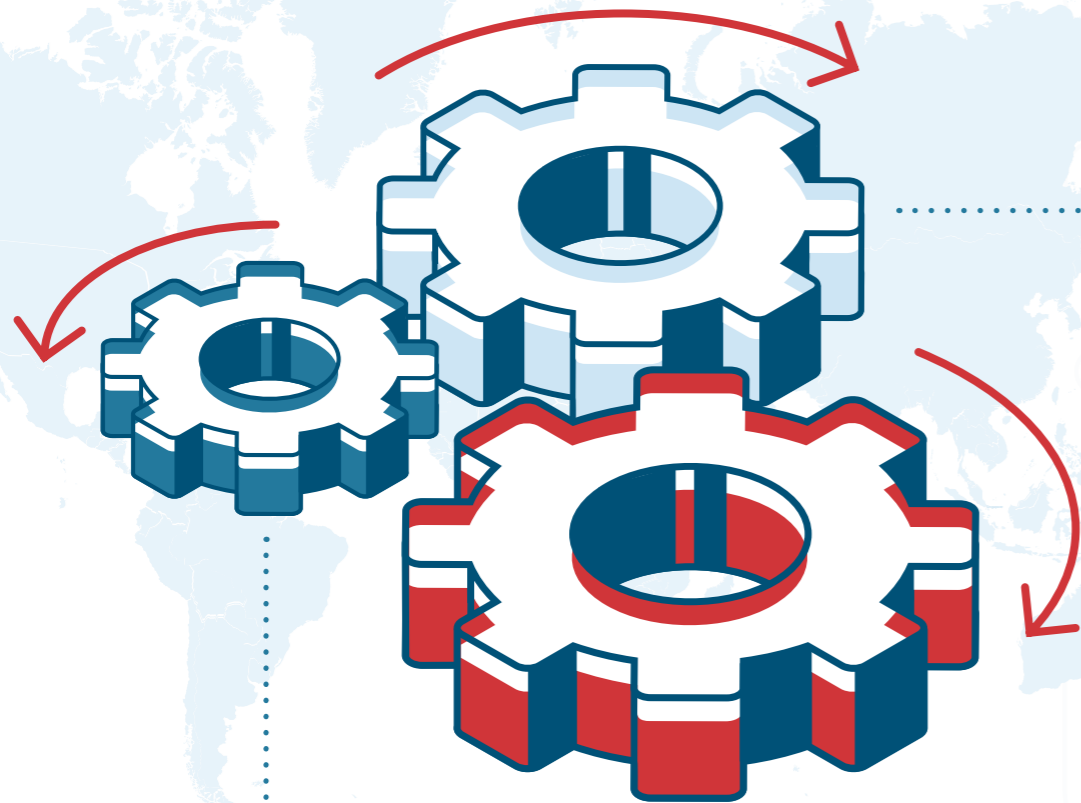
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2019

| | | |
|------|---|----|
| II.1 | Bối cảnh phát triển bền vững trên thế giới | 40 |
| II.2 | Bối cảnh phát triển bền vững của ngành dệt may | 42 |
| II.3 | Các giá trị đạo đức của Công ty | 45 |
| II.4 | Nguyên tắc đối xử với các bên liên quan | 45 |
| II.5 | Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về bộ quy tắc ứng xử tại Công ty | 45 |
| II.6 | Sự tham gia của các bên liên quan | 45 |

II.1 / **Bối cảnh phát triển bền vững trên thế giới**

Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững được Đại hội đồng liên hợp quốc thông qua tại kỳ họp lần thứ 70 diễn ra từ ngày 25-27/09/2015, New York mở ra một tương lai mới cho toàn thế giới. Trong đó, chương trình xây dựng một kế hoạch hành động vì con người, hành tinh và sự thịnh vượng, giúp tăng cường hoà bình trên toàn thế giới, xoá đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Nội dung chương trình được cụ thể hóa thành 17 mục tiêu phát triển bền vững với 169 chỉ tiêu, nhằm hướng dẫn các nước thành viên từng bước thực hiện và đạt được các mục tiêu phát triển bền vững cho đến 2030.

Theo báo cáo mục tiêu phát triển bền vững 2019 của Liên Hợp Quốc “The future is now” về tình hình triển khai thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững thì bối cảnh phát triển bền vững của thế giới có những tiến bộ nhất định và thử thách trong thời gian tiếp theo.



Về Con Người- Xã Hội

- > Châu Phi và vùng cận Sahara vẫn là khu vực có tỷ lệ đói cao nhất, với tỷ lệ tăng từ 20,7% trong năm 2014 lên 23,2% vào năm 2017.
- > Tỷ lệ tử vong của bà mẹ đã giảm 37% kể từ năm 2000
- > Nhiều phụ nữ đang được chăm sóc sức khỏe hơn. Ở các khu vực đang phát triển, chăm sóc sức khỏe đã tăng từ 65% vào năm 1990 lên 83% vào năm 2012.
- > Tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi giảm 45% từ 2000 đến 2017

Về Kinh Tế

- > Mức tăng trưởng GDP đầu người toàn thế giới đạt 4,8% (2010-2017)
- > Các nước kém phát triển có mức tăng trưởng GDP bình quân 4,5% (2017) và dự kiến 5,7% (2020)
- > Năm 2018, năng suất lao động bình quân đầu người tăng 2,1% so với năm 2017: mức tăng trưởng hàng năm cao nhất kể từ năm 2010
- > Lương trung bình mỗi giờ của nam cao hơn 12% so với nữ trên toàn cầu.
- > Tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu năm 2017 là 5,6%, giảm từ mức 6,4% năm 2000.
- > Dự kiến sẽ có thêm 470 triệu việc làm trên toàn cầu cho những người mới tham gia thị trường lao động từ năm 2016 đến 2030
- > Đầu tư toàn cầu vào nghiên cứu và phát triển là 2 nghìn tỷ đô la (năm 2016), tăng từ 739 tỷ đô la (năm 2000)

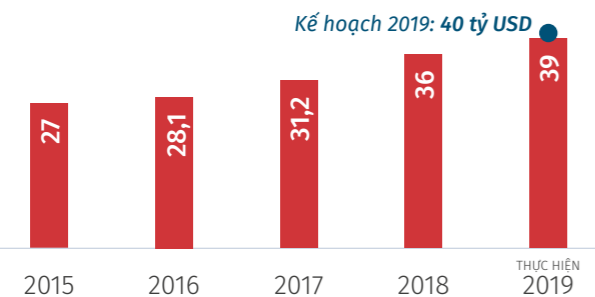
Về Môi Trường

- > Tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng năng lượng tiêu thụ đã đạt 17,5% trong năm 2015.
- > Gần 100 quốc gia đang tích cực áp dụng các chính sách và biện pháp để thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ bền vững
- > 93% trong số 250 công ty lớn nhất thế giới hiện đang báo cáo về tính bền vững.
- > Nhiệt độ trung bình toàn cầu năm 2018 cao hơn khoảng 1 ° C so với đường cơ sở tiền công nghiệp.
- > Nồng độ CO2 trong khí quyển là 146% mức trước công nghiệp (2017)
- > Tháng 4 năm 2018, 10 quốc gia đang phát triển đã hoàn thành và đệ trình về kế hoạch thích ứng quốc gia của họ để ứng phó với biến đổi khí hậu.
- > Tính đến 2018, gần 8.300 giống động vật được biết đến, 8% bị tuyệt chủng và 22% có nguy cơ tuyệt chủng.
- > Độ axit của đại dương đã tăng lên 26% kể từ thời kỳ bắt đầu nền công nghiệp

II.2 / Bối cảnh phát triển bền vững của ngành dệt may

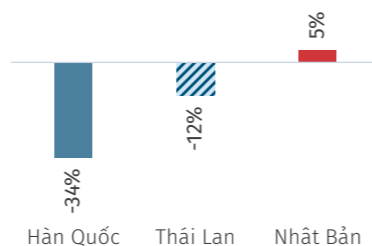
Việt Nam là một trong 10 nước xuất khẩu hàng dệt may lớn nhất thế giới. Với kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may hơn 30 tỷ USD/năm, ngành dệt may đóng góp đáng kể vào kinh tế của cả nước. Năm 2019, tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam ước đạt 39 tỷ USD, tăng trưởng khoảng 7,55% so với năm 2018.

Kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam (tỷ USD)



Nguồn: Hiệp hội bông sợi Việt Nam

Sản lượng xuất khẩu sợi Polyester Filament của Việt Nam tới các thị trường năm 2019



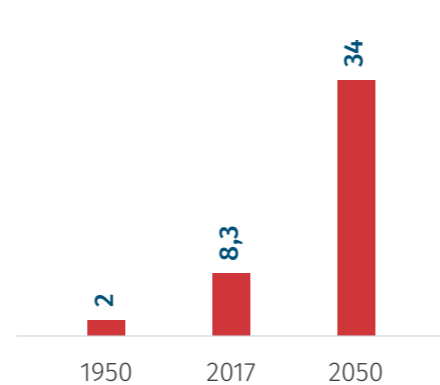
Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Tuy nhiên, chất thải hóa chất đã khiến ngành công nghiệp dệt may trở thành nguồn gây ô nhiễm nước lớn thứ hai tại Việt Nam. Các nhà máy dệt may của Việt Nam cũng nằm trong số những nhà máy sử dụng năng lượng nhiều nhất trên thế giới, sử dụng đến một phần mười tổng tiêu dùng năng lượng của tất cả các ngành công nghiệp trong cả nước. Vì vậy, phát triển bền vững được xem là nền tảng để doanh nghiệp dệt may tiến nhanh và xa hơn trong hành trình chinh phục thị trường hiện nay. Định hướng phát triển bền vững đã trở thành một yếu tố cốt lõi quan trọng đối với chiến lược duy trì sự thịnh vượng và lâu dài của doanh nghiệp. Trên thực tế, phát triển bền vững giúp doanh nghiệp khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên, sử dụng năng lượng hợp lý, hướng đến nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và tối ưu hóa chi phí.

Theo số liệu thống kê cho thấy, có hơn 8,3 tỷ tấn nhựa được sản xuất ra từ năm 1950 và có hơn 300 triệu tấn rác thải nhựa được sản xuất mỗi năm. Số lượng chai nhựa (481 tỷ chai) được thải ra mỗi năm cao hơn tòa tháp cao nhất thế giới Burj Khalifa ở Dubai.

(Nguồn: unenvironment.org)

Khối lượng nhựa tích lũy trên toàn thế giới từ 1950 đến 2050

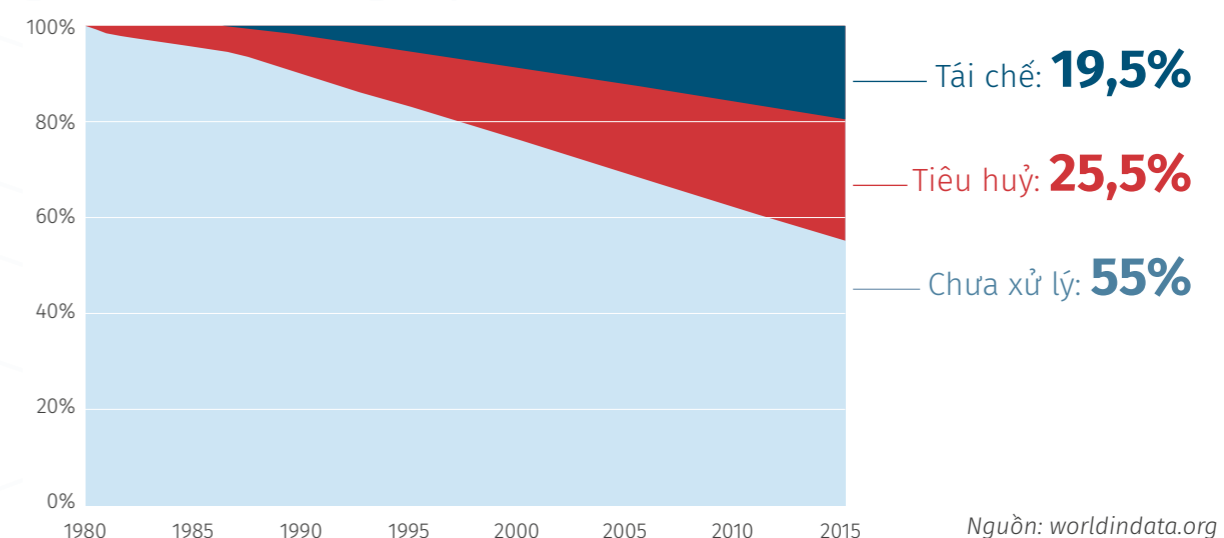


Nguồn: statista.com



Trong đó:

Cho đến năm 2015, chỉ có khoảng 19,5% rác thải nhựa được tái chế, 25,5% là tiêu hủy và 55% là rác thải nhựa chưa xử lý ngoài môi trường.



Nguồn: worldindata.org



Để bảo vệ môi trường và góp phần giảm thiểu lượng rác thải chai nhựa ngoài môi trường, các thương hiệu thời trang lớn như Nike, Adidas, Puma, H&M... đã xây dựng chiến lược thời trang bền vững thông qua việc sử dụng nguồn nguyên vật liệu tái chế như sợi recycle.

STK là một doanh nghiệp sản xuất sợi và nằm trong chuỗi cung ứng của ngành dệt may, STK đã chủ động đầu tư và định hướng xây dựng chiến lược phát triển bền vững cho Công ty từ những ngày đầu. Công ty cân bằng các yếu tố phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và đảm bảo lao động-xã hội và đang từng bước nâng cao tỷ trọng cung ứng sợi recycle cho khách hàng.

Lộ trình cam kết sử dụng nguyên liệu tái chế của các nhãn hàng thời trang



II.3 / Các giá trị đạo đức của Công ty (GRI 102-16)

Xem thêm mục VIII. Báo cáo quản trị - BCTN 2019.

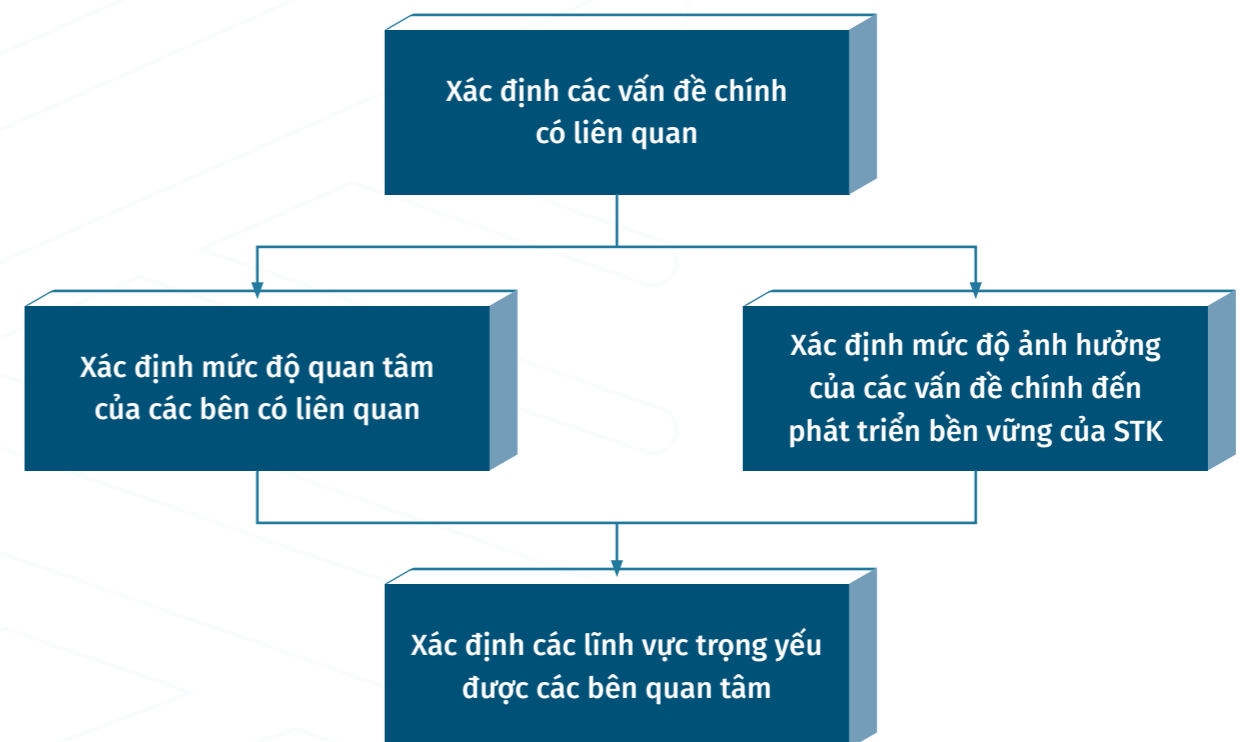
II.4 / Nguyên tắc đối xử với các bên liên quan (GRI 102-16)

Xem thêm mục VIII. Báo cáo quản trị - BCTN 2019.

II.5 / Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về bộ quy tắc ứng xử tại Công ty (GRI 102-17)

Công ty đưa ra hướng dẫn cụ thể để xác định một cá nhân có vi phạm quy tắc ứng xử của Công ty hay không, đồng thời thiết lập nên cơ chế kiểm soát tuân thủ, thực hiện cải tiến và phản hồi thông tin đối với những vấn đề liên quan đến Bộ quy tắc ứng xử. Tại STK, **bộ phận nhân sự và phòng phát triển doanh nghiệp** là những đơn vị chủ trì trực tiếp đến các báo cáo và những quan ngại về Bộ quy tắc ứng xử.

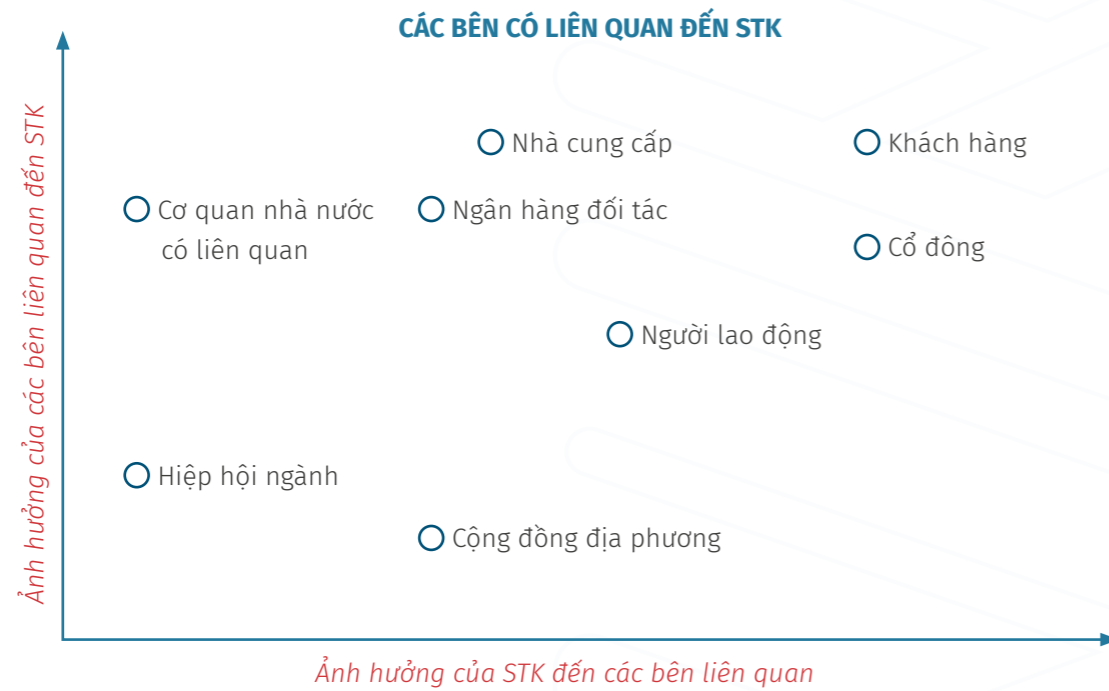
II.6 / Sự tham gia của các bên liên quan





II.6.1..... NHẬN DIỆN VÀ LỰA CHỌN CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 102 – 42)

Các bên liên quan trọng yếu của STK được xác định dựa trên nguyên tắc xác định mức ảnh hưởng của có thể có được từ hoạt động kinh doanh của STK đến các bên và những mối quan tâm, sức ảnh hưởng của các bên đến STK. Theo đó, 8 bên liên quan trọng yếu của STK bao gồm:



II.6.2..... NÂNG CAO SỰ GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 102 – 43,44)

- > Hiệu quả gắn kết các bên liên quan của STK được nâng cao thông qua việc liên tục đa dạng hóa các kênh tiếp xúc và tương tác với các bên liên quan.
- > Các vấn đề trọng yếu trong mục tiêu Phát Triển Bền Vững của Công ty được tiếp cận một cách sâu hơn.
- > STK sử dụng các kênh tiếp cận các bên liên quan khác nhau phụ thuộc vào tính chất đặc thù của mỗi nhóm đối tượng.
- > STK cam kết việc ghi nhận các ý kiến đóng góp và mối quan tâm của các bên liên quan một cách đầy đủ.
- > Công ty sẽ chủ động xem xét và đánh giá những phản hồi từ các bên liên quan để cập nhật vào các chính sách và hoạt động của Công ty một cách phù hợp.

II.6.3 CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU TẠI STK (GRI 103, GRI 102-47)

Thông qua đánh giá tính quan trọng trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên liên quan và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, STK đã xác định các lĩnh vực trọng yếu trong mối quan hệ giữa kinh tế, môi trường, xã hội và các hoạt động của Công ty trong năm 2019:

| CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN | CÁCH THỨC TIẾP CẬN CÁC BÊN LIÊN QUAN | CHỦ ĐỀ QUAN TÂM TỪ CÁC BÊN LIÊN QUAN | HÀNH ĐỘNG CỦA STK ĐÃ THỰC HIỆN ĐỂ ĐÁP LẠI MONG ĐỢI VÀ MANG LẠI GIÁ TRỊ CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN |
|----------------------|---|---|---|
| Cổ đông | <ul style="list-style-type: none"> Thông qua các cuộc họp ĐHĐCĐ. Buổi gặp mặt trực tiếp với nhà đầu tư. Chương trình hội thảo và tham quan nhà máy. Khảo sát ý kiến cổ đông bằng văn bản, điện thoại và emails. Bản tin IR, Investor day, Analysts meetings. | <ul style="list-style-type: none"> Minh bạch thông tin. Bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư/cổ đông. Quản trị doanh nghiệp tốt. Định hướng phát triển lâu dài. Hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư. Định hướng phát triển bền vững. Sự quan tâm của doanh nghiệp đối với các vấn đề xã hội, môi trường, cộng đồng. Chính sách cổ tức. Thù lao cho HĐQT, BKS, BDH. Giá trị của doanh nghiệp. Tính thanh khoản và cơ hội đầu tư. | <ul style="list-style-type: none"> Doanh thu đạt 2.231 tỷ, lợi nhuận sau thuế 214,5 tỷ, vượt 7,9% so với kế hoạch đề ra. Mở rộng thị trường mới: thị trường Mỹ. Nâng cao tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu lên 35%. Phát triển các loại sản phẩm mới có nhiều tính năng và thân thiện với môi trường. Tuân thủ đúng và chặt chẽ về quy định công bố thông tin. Bổ nhiệm người quản trị Công. Cam kết trả cổ tức tối thiểu 15%/năm. Chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 15% bằng tiền mặt cho năm tài chính 2018. Đa dạng các kênh thông tin. |
| Khách hàng | <ul style="list-style-type: none"> Trao đổi trực tiếp với khách hàng. Các buổi gặp mặt, đến thăm công ty khách hàng. Gửi phiếu khảo sát cho khách hàng Website của công ty Hội thảo, diễn đàn hiệp hội ngành. Email, điện thoại. | <ul style="list-style-type: none"> Công ty hoạt động bền vững-an toàn và uy tín. Chất lượng sản phẩm- dịch vụ. Giá cả cạnh tranh. Các điều khoản hợp đồng hấp dẫn. Dịch vụ khách hàng vượt trội. Công nghệ, năng lực hoạt động tốt. Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ cung ứng. Các sản phẩm mang đến giá trị gia tăng cao. Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại. | <ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu và sản xuất các loại sợi có độ nhuyển cao. Đảm bảo chất lượng của sản phẩm, củng cố lòng tin của khách hàng. Củng cố nghiệp vụ bán hàng đội ngũ kinh doanh và quản lý chất lượng. Bổ sung một nhân sự người nước ngoài có kinh nghiệm và nghiệp vụ giỏi để hỗ trợ mảng kinh doanh của Công ty. Gia tăng nguồn lực đội ngũ bán hàng nội địa và xuất khẩu. Nâng cao chất lượng các tiêu chí phục vụ khách hàng. Sản phẩm được chứng nhận không sử dụng các chất độc hại (REACH 168). Đạt chứng nhận OEKO –TEX 100 chứng minh thành phần trong sợi không chứa chất độc gây hại cho sức khỏe. Đạt chứng chỉ GRS (Global Recycle Standard). Được khách hàng trong nước và quốc tế đánh giá cao về chất lượng và dịch vụ. |

II.6.3 CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU TẠI STK (tiếp theo)

| CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN | CÁCH THỨC TIẾP CẬN CÁC BÊN LIÊN QUAN | CHỦ ĐỀ QUAN TÂM TỪ CÁC BÊN LIÊN QUAN | HÀNH ĐỘNG CỦA STK ĐÃ THỰC HIỆN ĐỂ ĐÁP LẠI MONG ĐỢI VÀ MANG LẠI GIÁ TRỊ CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN |
|-----------------------|---|---|--|
| Người lao động | <ul style="list-style-type: none"> > Chương trình Tôn chỉ. > Các cuộc họp giao ban. > Đối thoại định kỳ với người lao động. > Hội nghị người lao động hàng năm. > Trực tiếp trao đổi với người quản lý. > Trực tiếp trao đổi với phòng nhân sự. > Phiên họp thương lượng tập thể. | <ul style="list-style-type: none"> > Môi trường làm việc thoải mái an toàn. > Đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp. > Cân bằng giữa công việc và cuộc sống. > Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao. > Cơ hội học tập, đào tạo, phát triển nâng cao tay nghề. > Cơ hội thăng tiến trong công việc > Tầm nhìn của người lãnh đạo. > Sự công bằng và dân chủ. > Không phân biệt đối xử. | <ul style="list-style-type: none"> > Cải thiện chính sách lương thưởng, phúc lợi, đào tạo, thăng tiến và môi trường làm việc cho người lao động. > Tăng lương bình quân 7% tùy vào vị trí công việc. > Số lượng người được đề bạt lên vị trí cao hơn là 6 người. > Ban Điều Hành cam kết về quyền dân chủ, quyền được đối xử công bằng, tôn trọng của người lao động. > Đảm bảo tỷ lệ mức lương cho người lao động cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng và lương bình quân của ngành. > Thực hiện cơ chế 5s. > Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, người lao động được chăm lo sức > Tuân thủ quy định trách nhiệm xã hội. > Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm - 05/12/2019. |
| Nhà cung ứng | <ul style="list-style-type: none"> > Gặp gỡ trực tiếp. > Tham quan nhà máy. > Thông qua email, điện thoại. > Thu thập thông tin qua khảo sát. | <ul style="list-style-type: none"> > Uy tín, cộng tác dài lâu. > Hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, cùng nhau phát triển. > Xây dựng chuỗi giá trị bền vững. | <ul style="list-style-type: none"> > Hợp tác với nhà cung ứng trong việc cùng nhau phát triển. > Nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại lợi ích cho cả hai bên. > Bình đẳng trong việc lựa chọn nhà cung ứng trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh. > Đánh giá nhà cung ứng để đảm bảo duy trì tính hiệu quả hợp tác. > Thương lượng và đưa ra các biện pháp cải thiện mối quan hệ giữa Công ty và nhà cung ứng. > Đảm bảo lợi ích tối thiểu của đôi bên. |
| Nhà nước | <ul style="list-style-type: none"> > Thông qua các cuộc họp, các đợt thanh tra. > Thông qua các báo cáo định kỳ của HEPZA, TANIZA. > Các văn bản hành chính của nhà nước. | <ul style="list-style-type: none"> > Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật. > Đáp ứng đầy đủ các chứng chỉ, giấy phép theo quy định. > Hỗ trợ phát triển cộng đồng. > Triển khai và ủng hộ các chủ trương của nhà nước. | <ul style="list-style-type: none"> > Tuân thủ chính sách và quy định pháp luật của nhà nước. > Không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ pháp luật. > Thực hiện và gửi báo cáo về HEPZA và TANIZA về tình hình hoạt động, AT-MT-SK của Công ty. > Ủng hộ chủ trương của nhà nước. > Nộp thuế đầy đủ. > Hỗ trợ phát triển địa phương. |

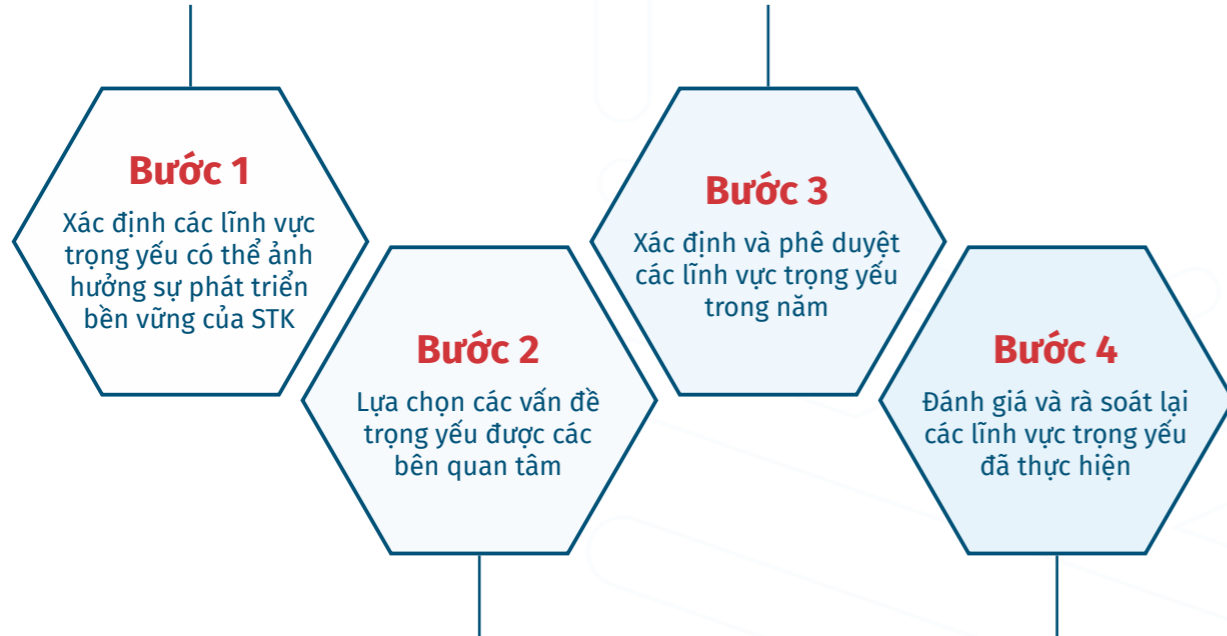
II.6.3 CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU TẠI STK (tiếp theo)

| CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN | CÁCH THỨC TIẾP CẬN CÁC BÊN LIÊN QUAN | CHỦ ĐỀ QUAN TÂM TỪ CÁC BÊN LIÊN QUAN | HÀNH ĐỘNG CỦA STK ĐÃ THỰC HIỆN ĐỂ ĐÁP LẠI MONG ĐỢI VÀ MANG LẠI GIÁ TRỊ CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN |
|-------------------------------|---|---|--|
| Ngân hàng đối tác | <ul style="list-style-type: none">> Thông qua các cuộc gặp mặt trực tiếp.> Trao đổi qua điện thoại và email. | <ul style="list-style-type: none">> Công ty hoạt động bền vững và uy tín.> Minh bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp.> Hệ thống quản lý tài chính chuyên nghiệp.> Gắn kết và hợp tác lâu dài cùng nhau phát triển | <ul style="list-style-type: none">> Hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty.> Thực hiện chi trả lãi vay đúng hạn quy định.> Kiểm tra hợp đồng vay tín dụng thường xuyên. |
| Cộng đồng địa phương | <ul style="list-style-type: none">> Qua các buổi gặp mặt trao đổi định kỳ.> Các văn bản hành chính với các cơ quan đoàn thể tại địa phương.> Các hoạt động xã hội cộng đồng. | <ul style="list-style-type: none">> Có trách nhiệm, chia sẻ, chung tay phát triển cộng đồng.> Hỗ trợ địa phương nâng cao chất lượng đời sống cho người dân.> Cải thiện chất lượng, nâng cao và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho địa phương. | <ul style="list-style-type: none">> Nâng cao mức thu nhập bình quân hàng năm của người lao động địa phương.> Xây dựng các quỹ trao học bổng cho con em người lao động.> Trao học bổng cho các trường cao đẳng tại địa phương.> Hỗ trợ cải thiện kinh tế địa phương.> Phát triển đô thị hóa nông thôn. |
| Hiệp hội ngành (VCOSA) | <ul style="list-style-type: none">> Thông qua các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc, văn bản hành chính, email trao đổi. | <ul style="list-style-type: none">> Trở thành thành viên có đóng góp tích cực trong việc chia sẻ thông tin, xây dựng phát triển ngành. | <ul style="list-style-type: none">> Hỗ trợ và hợp tác tích cực với hiệp hội ngành. |



QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

- > Khảo sát và nghiên cứu thông tin thị trường.
- > Phân tích các bản khảo sát khách hàng.
- > Thu thập thông tin hiệp hội ngành dệt may và bông sợi (VCOSA và VITAS).
- > Tiếp nhận và phân tích các đóng góp từ các kênh tiếp xúc với các bên có liên quan.

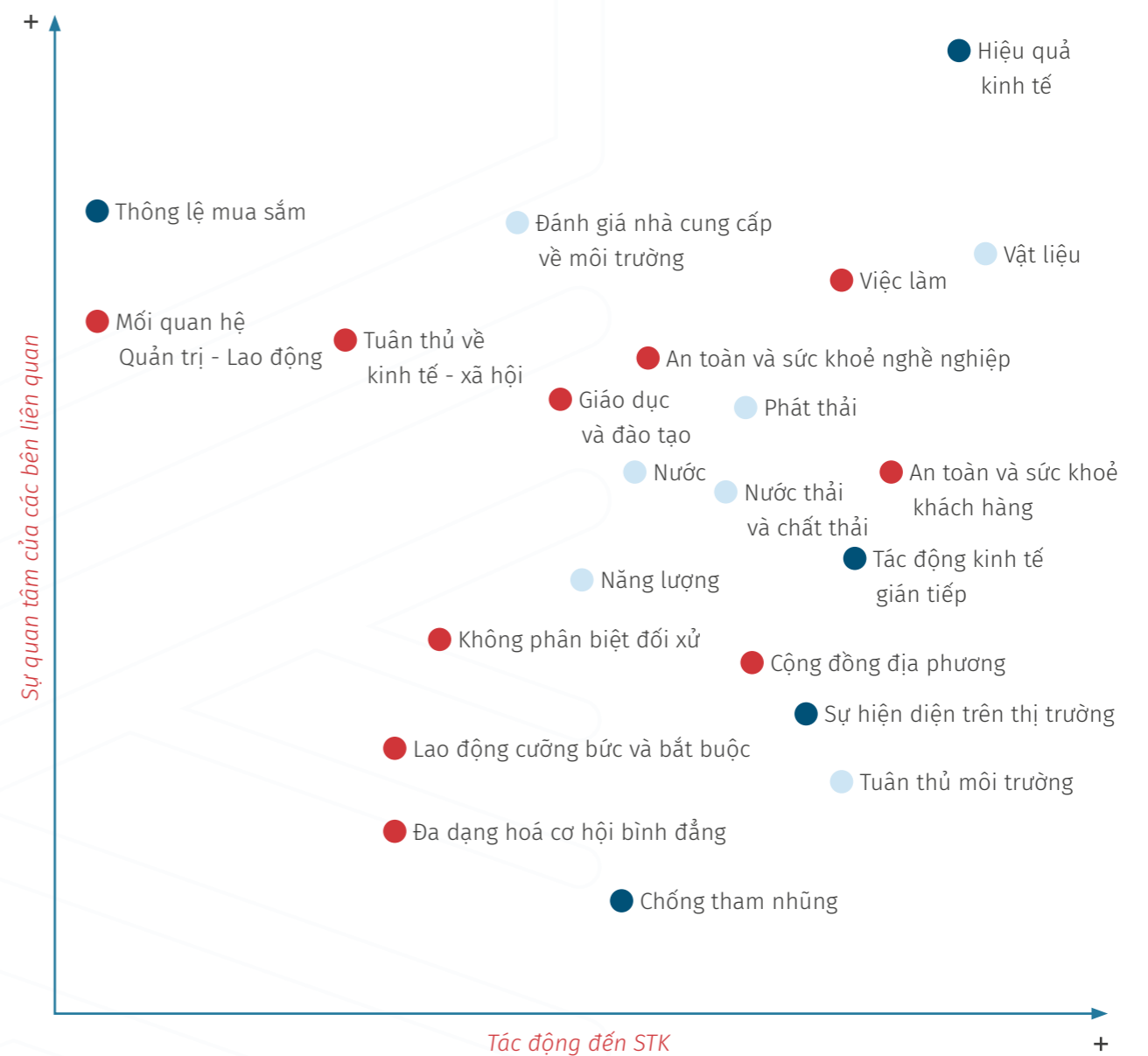


- > Tổng hợp các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm.
- > Tham khảo ý kiến từ Ban Điều Hành và các thành viên Hội Đồng Quản Trị về các vấn đề trọng yếu.
- > Cân bằng và đảm bảo lợi ích của các bên liên quan.
- > Xác định các vấn đề trọng yếu phù hợp với mục tiêu phát triển và những chiến lược của Công ty.
- > Các vấn đề trọng yếu được chia ra theo ba lĩnh vực: Kinh tế, Môi trường và Xã hội.

- > Xây dựng ma trận các vấn đề trọng yếu.
- > Xác định các vấn đề có mức quan tâm và mức độ ảnh hưởng cao nhất.
- > Xác định mức độ ưu tiên thực hiện các vấn đề trọng yếu.

- > Tiếp tục rà soát các lĩnh vực trọng yếu sau khi thực hiện.
- > Tiếp nhận những đóng góp của các bên liên quan.
- > Cải thiện hệ thống các lĩnh vực trọng yếu chính xác hơn.

MA TRẬN CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU



- Chủ đề phát triển kinh tế
- Chủ đề con người - xã hội
- Chủ đề bảo vệ môi trường

II.6.4..... DANH SÁCH CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU 2019 (GRI 102-47)

Các vấn đề trọng yếu được xác định dựa trên tham chiếu các môi quan tâm của các bên liên quan phù hợp với mục tiêu phát triển và chiến lược của công ty, các nội dung trọng yếu được xác định theo từng nhóm khía cạnh sau:

KINH TẾ



Vấn đề trọng tâm

Duy trì mức tăng trưởng kinh tế ổn định.
Mở rộng thị trường và hợp tác cùng có lợi với các bên liên quan.
Phát triển kinh tế cho người lao động và cộng đồng địa phương

Lĩnh vực trọng yếu

- > Hiệu quả kinh tế 2019
- > Sự hiện diện trên thị trường
- > Tác động kinh tế gián tiếp

MÔI TRƯỜNG



Sử dụng năng lượng và nguồn nguyên vật liệu hiệu quả.
Tiết kiệm điện, nước sử dụng trong các hoạt động sản xuất-kinh doanh.
Giảm phát thải, khí thải, tăng cường tái chế và tái sử dụng.
Đảm bảo sức khỏe và môi trường làm việc an toàn-vệ sinh-môi trường.

- > Vật liệu
- > Nước
- > Năng lượng
- > Phát thải
- > Nước thải và chất thải
- > Tuân thủ môi trường

LAO ĐỘNG - XÃ HỘI



Đảm bảo quyền lợi lao động.
Đảm bảo chính sách phúc lợi và sức khỏe người lao động.
Môi trường làm việc an toàn, minh bạch và công bằng.
Tạo cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp.

- > Việc làm
- > Giáo dục đào tạo
- > An toàn sức khỏe nghề nghiệp
- > An toàn và sức khỏe khách hàng
- > Cộng đồng địa phương

Để đảm bảo tính hiệu quả trong các hoạt động của Công ty trong năm tài chính tiếp theo 2020. STK sẽ tiến hành rà soát các lĩnh vực trọng yếu đã xác định cũng như hiệu quả việc thực hiện trong năm 2019 để kịp thời cập nhật và bổ sung những cải tiến trong năm tiếp theo nhằm duy trì lợi ích cao nhất của các bên liên quan.

II.6.5.....ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG VÀ DÀI HẠN GIAI ĐOẠN 2020-2025

STK quan tâm chú trọng phát triển kinh tế doanh nghiệp song song với bảo vệ các mục tiêu môi trường, đảm bảo quyền lợi đến cộng đồng xã hội. Gắn kết các mục tiêu phát triển kinh tế, môi trường và xã hội vào định hướng phát triển bền vững của Công ty.

Với tầm nhìn “Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.” STK đã và đang từng bước xây dựng mô hình kinh doanh bền vững dựa theo việc tạo ra các giá trị ảnh hưởng tích cực đến nhóm liên quan : Công ty, xã hội và môi trường.



Để thực hiện gắn kết mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGs) trong hoạt động của Công ty, STK đã lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2020-2025 của doanh nghiệp bao gồm:

| | | |
|--|---|---|
| | Xóa nghèo | Tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế địa phương |
| | Sức khỏe và cuộc sống tốt | Đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động |
| | Bình đẳng giới | Đảm bảo công bằng và đối xử bình đẳng giữa nam và nữ |
| | Nước sạch và vệ sinh | Sử dụng nước tiết kiệm và an toàn, không sử dụng hóa chất độc hại; phát triển sản phẩm sợi màu, giúp ngành dệt nhuộm hạn chế sử dụng nước sạch và thải hóa chất độc hại |
| | Năng lượng sạch với giá thành hợp lý | Sử dụng năng lượng hợp lý và tiết kiệm năng lượng |
| | Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế | Tạo môi trường làm việc thân thiện, an toàn cho người lao động, công bằng và không phân biệt đối xử cho người lao động |
| | Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm | Sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế |
| | Hành động về khí hậu | Sử dụng điện tiết kiệm và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo |
| | Hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ | Hành động minh bạch, chính trực, nói không với tham nhũng, trốn thuế và vi phạm pháp luật |
| | Quan hệ đối tác vì các mục tiêu | Tích cực hợp tác với các tổ chức khác nhằm thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tuần hoàn |



Mục tiêu phát triển bền vững trung - dài hạn 2020-2025

- > Công ty tiếp tục mở rộng sản xuất nhằm đạt lợi thế về qui mô.
- > Nâng cao tỷ trọng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản xuất và kinh doanh.
- > Tăng tỷ trọng sợi tái chế theo mục tiêu năm 2019 từ 27,5% lên 100% vào năm 2025.
- > Phát triển chuỗi sản xuất theo chiều dọc nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động thông qua dự án liên minh dệt/nhuộm.
- > Không ngừng cải tiến qui trình quản lý sản xuất, nâng cao trình độ nhân viên và đội ngũ kinh doanh giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành và tăng lợi nhuận.
- > Tiếp tục nghiên cứu và phát triển các loại sợi có độ nhuyển cao cùng với các loại sợi có tính năng đặc biệt đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tối đa hóa lợi nhuận.

Mục tiêu phát triển bền vững ngắn hạn 2020 -2021

- > Tập trung đẩy mạnh việc quảng bá và bán hàng sản phẩm sợi Recycled và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- > Nâng tỷ trọng sợi recycle mục tiêu cho đến năm 2021 đạt 50% trên tổng doanh thu của Công ty.
- > Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có tính năng vượt trội như sợi recycle plus, quick dry (hút ẩm), sợi CD, soft package.
- > Phát triển sợi màu dope dyed và từng bước cung ứng sản phẩm này ra thị trường và mở rộng thêm mạng lưới tiêu thụ sản phẩm này.
- > Triệt để tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất của REACH 168 và OEKO-TEX 100, GRS nhằm vệ sức khỏe khách hàng tiêu dùng.
- > Đa dạng hóa danh mục khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro phải lệ thuộc vào một vài khách hàng.



Sợi Recycle



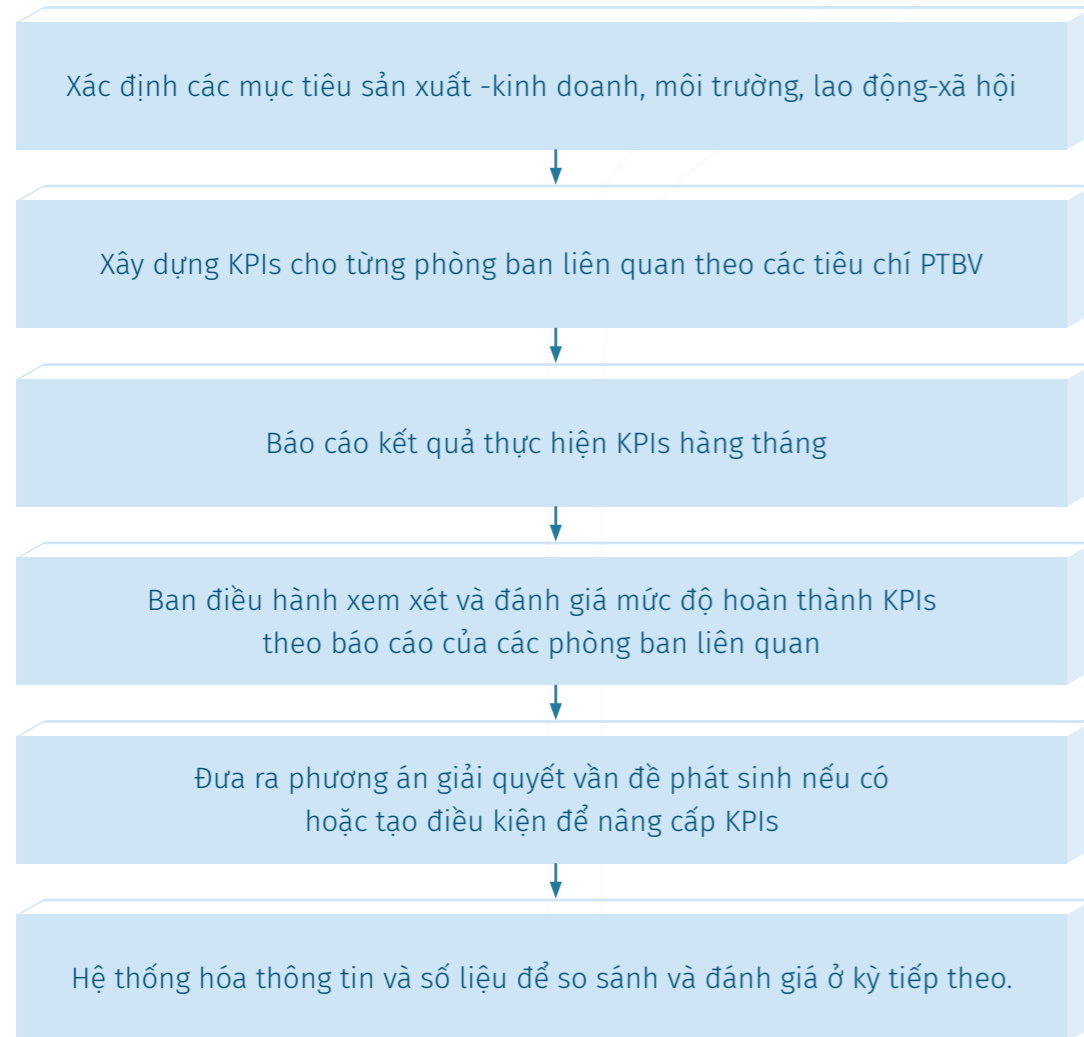
Sợi màu dope dyed



Các loại sợi có giá trị gia tăng cao: sợi hút ẩm, sợi co giãn cao, sợi CD, sợi Dope Dyed Melange, sợi Dope Dyed

Cách thức triển khai và thực hiện định hướng/kế hoạch các mục tiêu phát triển bền vững:

Dựa trên định hướng PTBV, Ban điều hành xác định các mục tiêu PTBV và cụ thể hóa thành các kế hoạch hành động như sau:



Bên cạnh việc giám sát các SOP (Standard Operation Procedures), các bộ phận còn phải thu thập, báo cáo và giả trình các biến động liên quan đến KPIs liên quan tới hoạt động của đơn vị mình.

Đối với đơn vị sản xuất: chú ý đến các chỉ tiêu chất lượng, tiêu hao nguyên vật liệu, sử dụng linh kiện, năng lượng, điện, nước, nước thải và các sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tiết kiệm chi phí;

Đối với đơn vị nhân sự: chú ý đến các chỉ tiêu về biến động nhân sự, mức độ đảm bảo nhân sự, số lượng nhân viên được đào tạo và việc sử dụng ngân sách đào tạo, thu nhập bình quân các cấp.

Số liệu được kiểm tra chéo bởi bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo độ chính xác.

Số liệu và báo cáo về hoạt động kinh doanh- sản xuất, môi trường và xã hội còn được trình bày và đánh giá trong các cuộc họp HĐQT và các thành viên HĐQT để kịp thời nắm bắt và đề ra các định hướng tiếp theo cho Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ theo định hướng phát triển bền vững Công ty đặt ra.

Cụ thể, các dữ liệu và thông tin được đảm bảo như sau:

| TIÊU CHÍ | BỘ PHẬN LIÊN QUAN | KPIS | NGƯỜI PHỤ TRÁCH GIÁM SÁT |
|---|-------------------------|---|---|
| Kinh tế | Kinh Doanh | > Kết quả bán hàng trong tháng về doanh thu, lợi nhuận. | > Tổng Giám Đốc Công ty. |
| | | > Mở rộng mạng lưới khách hàng. | > Trợ lý TGD về kinh doanh. |
| Trách nhiệm sản phẩm | Kinh Doanh | > Thời gian giao hàng. | > Tổng Giám Đốc Công ty. |
| | | > Chất lượng sản phẩm. | > Trưởng nhóm QA. |
| | Quality Assessment Team | > Tốc độ phản hồi khách hàng. | > Phó Giám Đốc sản xuất phụ trách QC. |
| | Quality Control Team | > Thái độ phục vụ. | |
| | | > Thời gian giải quyết khiếu nại. | |
| | | > Giá cả cạnh tranh hợp lý. | |
| | | > Chỉ tiêu chất lượng sản phẩm | |
| Môi trường | Tổng vụ | > Mức tiêu hao điện sử dụng. | > Tổng Giám Đốc Công ty. |
| | ISO team | > Mức tiêu hao nước sử dụng. | > Giám đốc tổng quản lý. |
| | Utility | > Lựa chọn nhà cung ứng đạt chuẩn. | > Trưởng bộ phận Thu mua. |
| | Thu mua | > Khối lượng nguyên/vật liệu sử dụng. | > Trợ lý TGD về thu mua. |
| | | > Chi phí điện, nước. | > Trưởng bộ phận Utility. |
| | | > Thực hiện tiết kiệm điện, nước. | > Cán bộ chuyên trách AT-VS-LĐ của phòng Tổng Vụ. |
| | | > Mức xả thải rác thải, nước thải, khí thải. | > Nhân viên ISO. |
| | | > Chi phí xử lý nước thải, rác thải. | |
| Quyền con người tại nơi làm việc, Lao động - xã hội | Nhân sự | > Kết quả tuyển dụng. | > Tổng Giám Đốc Công ty. |
| | Đào Tạo | > Tỷ lệ đáp ứng lao động. | > Giám Đốc tổng quản lý. |
| | ISO team | > Kết quả thực hiện đào tạo. | > Trưởng bộ phận nhân sự. |
| | Tổng Vụ | > Quản lý chi phí đào tạo. | > Trưởng nhóm đào tạo. |
| | | > Tỷ lệ biến động nhân sự. | > Cán bộ chuyên trách AT-VS-LĐ, trách nhiệm xã hội của phòng Tổng Vụ. |
| | | > Tỷ lệ nhân viên được đề bạt. | > Nhân viên ISO. |
| | | > Quản lý chi phí lương, phúc lợi. | |
| | | > Quản lý tuân thủ các chính sách an toàn -vệ sinh. | |
| | | > Quản lý tuân thủ các chính sách về lao động. | |
| | | > Quản lý chi phí xây dựng quỹ học bổng, phúc lợi. | |

II.6.6 DANH MỤC CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU (GRI 102-15,30)

Tham khảo thêm [V.Báo cáo quản trị rủi ro - BCTN 2019](#).

II.6.7 HỆ THỐNG THU THẬP THÔNG TIN VÀ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

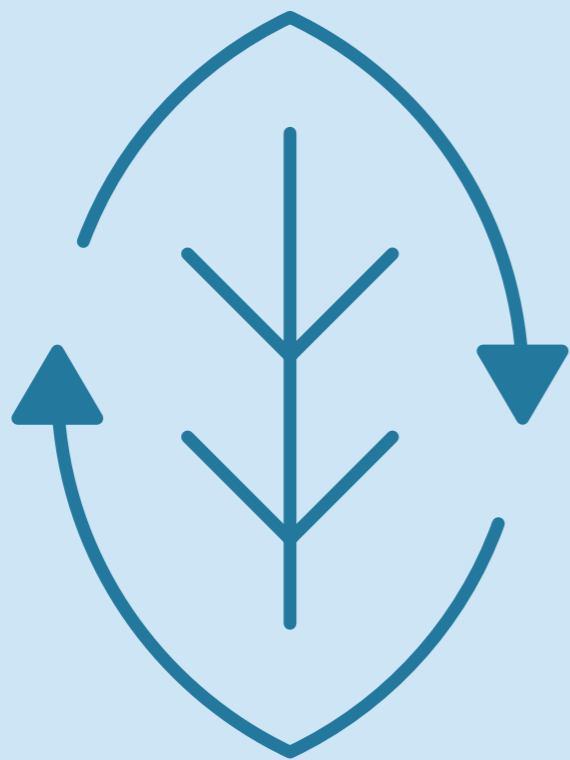
PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN DỮ LIỆU:

Tất cả dữ liệu được trình bày trong báo cáo PTBV 2019 đều được thu thập và phân tích dựa trên số liệu thực tế mà Công ty ghi nhận hàng tháng và trong suốt quá trình hoạt động của Công ty trong năm 2019 (như nêu ở mục II.6.5).

II.6.8 ĐẢM BẢO BÁO CÁO BỞI BÊN THỨ BA (GRI 102-56)

STK tuân thủ nguyên tắc trung thực, chính xác và minh bạch khi công bố các số liệu trong báo cáo. Ngoài ra, một số dữ liệu về hoạt động của STK sau còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu:

- > Thông tin về quy trình tác nghiệp, việc tuân thủ các quy định về môi trường lao động, chỉ số hoạt động (chính sách tuân thủ môi trường – an toàn – lao động, chính sách lao động, phúc lợi, lương thưởng và các cam kết về trách nhiệm xã hội, số lượng recycle chip sử dụng, sản lượng recycle được sản xuất) được đảm bảo bởi đơn vị đánh giá GRS.
- > Thông tin về sản phẩm và quy trình sản xuất không độc hại như nguồn gốc nguyên, vật liệu, hệ số phát thải nhà kính CO₂, số lượng nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất được đảm bảo bởi đơn vị đánh giá Oekotex100 và REACH.
- > Thông tin về Xử lý chất thải (khối lượng nước thải, rác thải và chi phí xử lý) được xác nhận bởi các Công ty dịch vụ xử lý nước thải và chất thải nguy hại.
- > Thông tin về tiết kiệm năng lượng (điện, nước và chi phí sử dụng) được kiểm toán bởi Trung Tâm Tiết Kiệm Năng Lượng TP.HCM.
- > Thông tin về Kết quả đo kiểm tra môi trường lao động (chỉ số vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, nồng độ bụi, hơi khí độc) được đảm bảo bởi Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động.
- > Thông tin về Kết quả đo kiểm Môi trường bởi Trung tâm Nghiên Cứu Dịch Vụ Công Nghệ và Môi Trường.
- > Thông tin tài chính (doanh thu, lợi nhuận, thuế, quỹ khen thưởng phúc lợi) được kiểm toán bởi Ernst & Young.
- > Thông tin tiêu chuẩn lao động - xã hội (tỷ lệ nam/nữ, trình độ lao động, tuổi, thu nhập bình quân, lương thưởng, tỷ lệ biến động nhân sự, các khóa đào tạo và ngân sách chi phí đào tạo, ngân sách chi phí tặng quỹ học bổng, số lượng cá nhân được đề bạt, ngân sách kinh phí trao tặng quà cho lao động có hoàn cảnh khó khăn) được đánh giá bởi kiểm toán nội bộ.



NỘI DUNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

| | | |
|--------|---------------------------------------|-----|
| III.1 | Trách nhiệm nâng cao hiệu quả kinh tế | 68 |
| III.2 | Sự hiện diện trên thị trường | 72 |
| III.3 | Tác động kinh tế gián tiếp | 74 |
| III.4 | Vật liệu | 77 |
| III.5 | Nước | 82 |
| III.6 | Năng lượng | 88 |
| III.7 | Phát thải | 94 |
| III.8 | Nước thải và chất thải | 98 |
| III.9 | Tuân thủ về môi trường | 102 |
| III.10 | Việc làm | 105 |
| III.11 | Giáo dục và đào tạo | 114 |
| III.12 | An toàn và sức khỏe nghề nghiệp | 118 |
| III.13 | An toàn và sức khỏe khách hàng | 124 |
| III.14 | Cộng đồng địa phương | 128 |
| III.15 | Văn hoá và truyền thống tại STK | 132 |
| III.16 | Quy chuẩn văn hoá doanh nghiệp | 133 |
| III.17 | Thị trường vốn xanh | 134 |

TRÁCH NHIỆM PHÁT TRIỂN KINH TẾ – GRI 200



III.1 / Trách nhiệm nâng cao hiệu quả kinh tế (GRI 201)

Mục tiêu 2019:

- > Đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2019;
- > Đảm bảo chế độ lương-phúc lợi cho người lao động;

Kết quả 2019:

- > Hoàn thành 85,6% kế hoạch doanh thu;
- > Vượt 7,9% kế hoạch lợi nhuận;
- > Tỷ lệ tham gia đóng BHXH 100%;

Phương pháp quản trị (GRI 103)

1. Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề (GRI 103-1)

Hiệu quả hoạt động kinh tế được xem là một trong những yếu tố nền tảng quan trọng giúp STK có thể hoạt động và phát triển kinh doanh một cách bền vững. Sự tăng trưởng kinh tế của doanh nghiệp giúp tạo nguồn thu nhập ổn định cho toàn thể CBCNV Công ty, mang đến lợi ích lâu bền cho cổ đông, khách hàng, cộng đồng và xã hội. Ngoài ra, hiệu quả kinh tế đóng vai trò rất quan trọng đối với các nhà đầu tư tiềm năng của Công ty vì nó cho thấy hiệu quả phát triển doanh thu, lợi nhuận của Công ty, từ đó xây dựng niềm tin cho các nhà đầu tư tiềm năng nếu họ muốn đầu tư vào Công ty.

Phạm vi của chủ đề trọng yếu:

- + Giá trị kinh tế trực tiếp tạo ra và phân phối;
- + Chế độ lương và phúc lợi gắn kết người lao động;

2. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

Hiệu quả hoạt động kinh tế tại Công ty được giám sát và theo dõi thường xuyên thông qua các cuộc họp hàng tuần và báo cáo kết quả kinh doanh hàng tháng từ bộ phận kinh doanh và tài chính. Các mục tiêu phát triển doanh thu và lợi nhuận đều được căn cứ dựa trên kế hoạch kinh doanh được thông qua bởi HĐQT và ĐHCĐ hàng năm.

Mục đích phương pháp quản trị: nhằm đảm bảo sự tăng trưởng kinh tế bền vững cho doanh nghiệp.

| | |
|---|---|
| Chính sách | Hàng năm, Công ty đều lập kế hoạch kinh doanh, chính sách bán hàng, chính sách marketing phù hợp với tình hình thực tế của thị trường năm đó. |
| Cam kết | Công ty cam kết cạnh tranh lành mạnh, mọi hoạt động kinh doanh và phát triển kinh tế đều tuân thủ theo pháp luật hiện hành. |
| Mục tiêu và chỉ tiêu | Tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận theo ngân sách đặt ra. |
| Trách nhiệm | Tổng Giám Đốc |
| Nguồn lực | Ban Điều Hành, bộ phận kinh doanh và marketing, bộ phận tài chính... |
| Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại | Quy trình giải quyết khiếu nại khách hàng QA-QT-01 |
| Các biện pháp hành động cụ thể như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến | Công ty có chính sách bán hàng linh hoạt phù hợp với yêu cầu của khách hàng. |

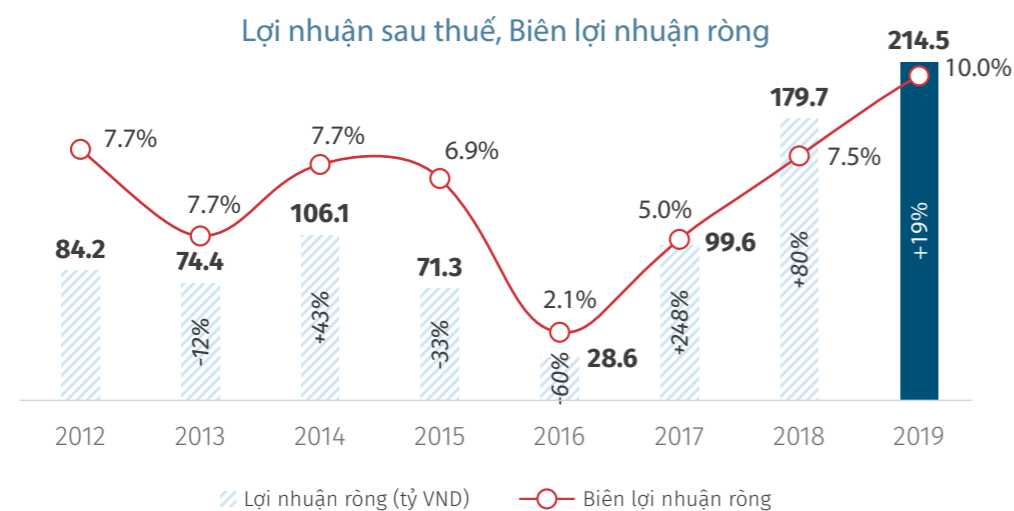
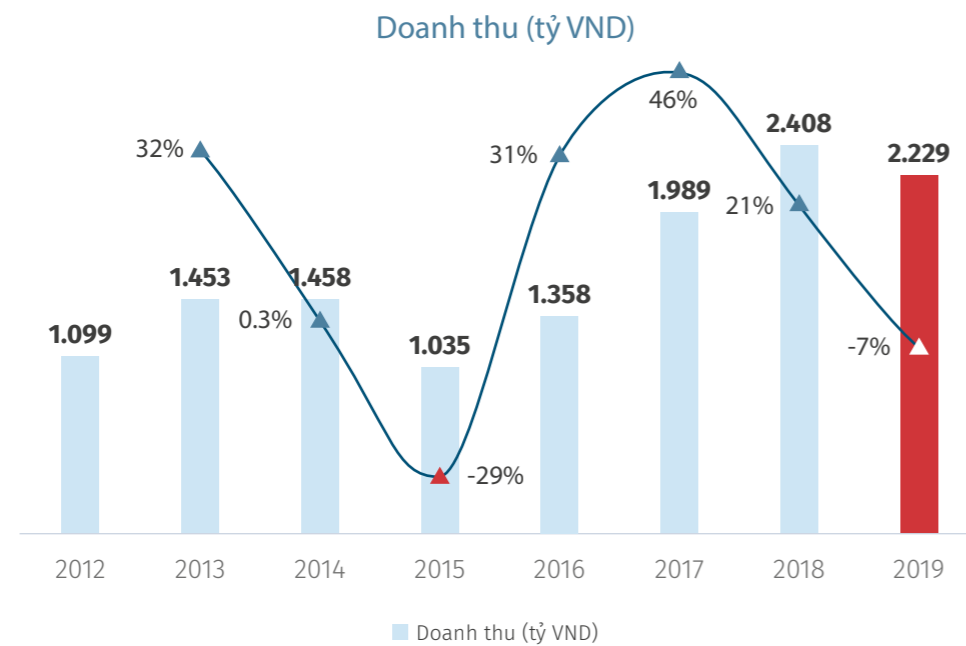
3. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

Với phương pháp quản trị được áp dụng, định kỳ hàng quý HĐQT sẽ đánh giá kết quả đạt được và đưa ra định hướng tiếp theo cho Công ty. Năm 2019, STK đã đạt được kết quả doanh thu và lợi nhuận rất khả quan và tích cực. Kết quả hoạt động được HĐQT và Ban Điều Hành đánh giá cao.

III.1.1 GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP TẠO RA VÀ PHÂN PHỐI (GRI 201-1)

Trong năm 2019, STK đã xuất sắc hoàn thành kế hoạch kinh doanh của năm, vượt kế hoạch lợi nhuận, nâng cao thu nhập cho người lao động, thu nhập cho cổ đông, đóng góp nhiều hơn cho ngân sách nhà nước và cho xã hội (tạo nhiều công ăn việc làm hơn).

Công ty đã đạt được 2.231 tỷ đồng doanh thu thuần, hoàn thành 85,6% mục tiêu doanh thu kế hoạch 2019, vượt mục tiêu lợi nhuận là 7,9% so với kế hoạch năm 2019. Với phương châm không ngừng cải tiến và phát triển, STK đã mở rộng mạng lưới khách hàng trong nước và quốc tế lượng khách hàng đã giao dịch đạt 259 đối tượng.



III.1.2 CHẾ ĐỘ LƯƠNG VÀ PHÚC LỢI GẮN KẾT NGƯỜI LAO ĐỘNG (GRI 201-1)

Sự tăng trưởng về kinh tế cũng giúp STK gia tăng các đóng góp cho xã hội và cộng đồng thông qua các đóng góp:

- > Đảm bảo chế độ phúc lợi cho toàn thể CBCNV với tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội là 100%, giá trị ước tính 19,5 tỷ đồng;
- > Đóng góp Ngân sách Nhà nước thông qua việc tuân thủ nộp thuế trong năm;
- > Chi trả cổ tức: 15% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông Công ty cho năm tài chính 2019, so với năm 2018 là 7% cổ tức bằng cổ phiếu và 8% là cổ tức bằng tiền mặt;
- > Tái đầu tư và mở rộng sản xuất góp phần tạo ra thêm nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương với dự án TB 5 đã chính thức đi vào hoạt động đầu năm 2019;
- > Chi trả lương-thưởng cho người lao động năm 2019 ước tính 107 tỷ đồng;
- > Thưởng với hơn 2 tháng lương vào Tết Nguyên Đán;
- > Chính sách bảo hiểm 24h cho toàn thể CBCNV
- > Chính sách bồi dưỡng độc hại tại chỗ hàng tháng cho CBCNV bằng hiện vật, chế độ đưa đón CBCNV miễn phí, hỗ trợ miễn phí nhà trọ, phụ cấp điện thoại, chế độ nghỉ mát, tặng quà lễ, tết cho CBCNV.
- > Tổ chức phát thưởng học sinh giỏi, phát quà thiếu nhi hàng năm.
- > Hỗ trợ cho các chương trình giáo dục thông qua việc tặng các xuất học bổng cho các trường trung cấp nghề nhằm nâng cao trình độ cho người dân địa phương và chung tay xây dựng một cộng đồng tốt đẹp hơn.



III.2 / Sự hiện diện trên thị trường (GRI 202)

Mục tiêu 2019:

> Đảm bảo mức lương khởi điểm cao hơn mức lương tối thiểu vùng;

Kết quả 2019:

> Mức lương khởi điểm cao hơn lương tối thiểu vùng từ 25% -41%;

Phương pháp quản trị (GRI 103)

1. Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề (GRI 103-1)

Nguồn nhân lực của Công ty đóng góp vai trò quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Nhằm gắn kết sự gắn bó lâu dài đối với người lao động, Công ty duy trì và liên tục cải thiện chính sách trả lương nhằm hướng đến sự công bằng cho người lao động, đồng thời tạo lợi thế cạnh tranh cho Công ty trong việc tuyển dụng từ nguồn nhân lực địa phương. Thông qua đó, Công ty cũng góp phần nâng cao thu nhập và điều kiện sống cho người lao động địa phương.

Phạm vi của chủ đề trọng yếu:

- + Tỷ lệ mức lương khởi điểm theo giới tính;
- + Tỷ lệ mức lương khởi điểm so với mức lương tối thiểu vùng;

2. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

Tại Công ty, bộ phận nhân sự sẽ định kỳ giám sát và theo dõi sự thay đổi trong chính sách về tiền lương và quy định về mức lương tối thiểu vùng của nhà nước. Từ đó bộ phận nhân sự kịp thời tham mưu đến Ban Điều Hành và Tổng Giám Đốc để thực hiện cập nhật hệ thống thang lương/bảng lương phù hợp với những quy định của luật lao động Việt Nam.

| | |
|---|---|
| Chính sách | Áp dụng theo chính sách lương thưởng và cam kết của Công ty số CS-06 (01/03/2016); Thông báo thang lương bảng lương mới nhất số 282- 18/CV –TK. |
| Cam kết | Công ty cam kết chính sách chi trả tiền lương, phúc lợi tuân thủ theo Nghị định 157/2018/NĐ-CP quy định về mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. |
| Mục tiêu và chỉ tiêu | Chi trả đúng theo thang lương/bảng lương cho người lao động. |
| Trách nhiệm | Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành |
| Nguồn lực | Ban Điều Hành, phòng nhân sự. |
| Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại | Phòng nhân sự |
| Các biện pháp hành động cụ thể như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến | Công ty xây dựng hệ thống tính lương thông qua cơ chế KPI cho từng phòng/ban. |

3. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

Với phương pháp quản trị được áp dụng, HĐQT Công ty nhận thấy STK đã áp dụng hệ thống lương thưởng một cách hiệu quả trong năm 2019. Đảm bảo chế độ lương, thưởng, phúc lợi được chi trả đúng hạn và đúng theo cam kết với người lao động.

III.2.1..... TỶ LỆ CỦA MỨC LƯƠNG KHỞI ĐIỂM THEO GIỚI TÍNH SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU CỦA VÙNG (GRI 202-1)

Công ty xem xét tỷ lệ của mức lương khởi điểm so với mức lương tối thiểu vùng dựa trên địa bàn hoạt động của Công ty tại nhà máy Củ Chi (TP.HCM) và Trảng Bàng (Tây Ninh).

| | KHU VỰC TP.HCM (VND) | KHU VỰC TÂY NINH (VND) |
|---------------------------------------|----------------------|------------------------|
| Lương tối thiểu vùng | 4.180.000 đồng/tháng | 3.710.000 đồng/tháng |
| Mức lương bình quân thấp nhất tại STK | 5.224.000 đồng/tháng | 5.224.000 đồng/tháng |

| TÊN ĐỊA ĐIỂM | TỶ LỆ THEO NAM GIỚI (%) | TỶ LỆ THEO NỮ GIỚI (%) |
|--------------|-------------------------|------------------------|
| TP.HCM | 76% | 24% |
| Tây Ninh | 85% | 15% |

III.3 / Tác động kinh tế gián tiếp (GRI 203)

Mục tiêu 2019:

> Tăng đóng góp cho xã hội và địa phương;

Kết quả 2019:

- > Chi trả cổ tức tăng 121% so với năm 2018,
- > Hoàn thành nghĩa vụ thuế tăng 34% so với 2018;

Phương pháp quản trị (GRI 103)

1. Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề (GRI 103-1)

Để hướng tới mục tiêu phát triển bền vững dài hạn, STK luôn chú trọng đến các đóng góp gián tiếp của mình đối với cộng đồng địa phương và xã hội. Công ty nhận thấy sự phát triển bền vững lâu dài của mình luôn luôn đồng hành cùng sự phát triển thịnh vượng của cộng đồng địa phương và xã hội. Công ty không chỉ tập trung phát triển kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh tế mà còn đảm bảo cân cân lợi ích đối với các nhóm liên quan trong hệ sinh thái của mình.

Phạm vi của chủ đề trọng yếu:

- + Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu;

2. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

Công ty thực hiện tác động kinh tế gián tiếp thông qua việc liên tục mở rộng sản xuất theo mục tiêu phát triển bền vững trung - dài hạn, góp phần tạo thêm nhiều công ăn, việc làm cho người lao động địa phương. Ngoài ra, Công ty còn góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện trình độ của người lao động địa phương qua các khóa đào tạo nội bộ cũng như các chương trình xây dựng quỹ học bổng trao tặng cho sinh viên các trường cao đẳng nằm trên địa bàn hoạt động của Công ty và chi nhánh.

| | |
|-----------------------------|--|
| Chính sách | Thực hiện các dự án mở rộng sản xuất của Công ty, xây dựng ngân sách đào tạo hàng năm và quỹ trao học bổng cho các trường cao đẳng nghề tại Tây Ninh và Củ Chi. |
| Cam kết | Công ty cam kết tạo thu nhập ổn định cho người lao động địa phương và liên tục tổ chức các khóa đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ người lao động địa phương. |
| Mục tiêu và chỉ tiêu | Tạo thu nhập, cải thiện mức sống và nâng cao trình độ cho cộng đồng địa phương. |
| Trách nhiệm | Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành |
| Nguồn lực | Ban Điều Hành, phòng phận nhân sự, bộ phận đào tạo. |

Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại

Phòng nhân sự

Các biện pháp hành động cụ thể như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Xây dựng các chương trình/khóa đào tạo nâng cao trình độ tại Công ty.
Phát triển các dự án mở rộng sản xuất.
Xây dựng các quỹ trao học bổng tại các trường học trên địa bàn địa phương.

3. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

Với phương pháp quản trị được áp dụng, Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy STK luôn duy trì và đẩy mạnh các hoạt động phát triển cộng đồng địa phương, được

NHỮNG ĐÓNG GÓP GIÁN TIẾP CỦA STK CHO NỀN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG VÀ XÃ HỘI TRONG NĂM 2019

| KHOẢN MỤC | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | TĂNG/GIẢM % (+/-) 2019/2018 |
|---|-------|-------|-------|-------|-----------------------------|
| Số tiền chi trả cổ tức năm cho cổ đông (tỷ VND) | 23,1 | 16,3 | 46,2 | 102,2 | 121% |
| Tổng số tiền lương-thưởng đã chi trả cho người lao động (tỷ VND) | 99,8 | 95,9 | 117,7 | 107,7 | -8% |
| Doanh thu bán hàng năm (tỷ VND) | 1.358 | 1.990 | 2.407 | 2.231 | -7% |
| Tổng giá trị giao dịch với nhà cung cấp (tỷ VND) | 1.988 | 1.437 | 1.855 | 1.484 | -20% |
| + Trong đó giá trị giao dịch với nhà cung cấp nội địa là | 276,4 | 184,4 | 237,6 | 197,4 | -17% |
| Tổng tiền thuế đã đóng trong năm (bao gồm thuế GTGT, thuế XNK, Thuế TNDN, Thuế TNCN, Thuế Tài nguyên và các loại thuế khác...) (tỷ VND) | 231,6 | 136,1 | 125,4 | 167,8 | 34% |

TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG – GRI 300



III.4 / **Vật liệu (GRI 301)**

Mục tiêu 2019:

- > Sử dụng nguồn nguyên vật liệu hợp lý;
- > Nâng tỷ trọng vật liệu tái chế được sử dụng;
- > Nâng cao tỷ trọng tái sử dụng vật liệu đóng gói;

Kết quả 2019:

- > Tỷ trọng Chip recycle được tăng lên trong tổng lượng chip đầu vào;
- > Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY tăng lên 23% (2018: 21,7%)

Phương pháp quản trị (GRI 103)

1. Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề (GRI 103-1)

Nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm tại STK được duy trì một cách ổn định và luôn đạt chất lượng cao để cung cấp cho khách hàng, ngay từ khâu lựa chọn nguồn nguyên liệu đầu vào, Công ty luôn ưu tiên nhập nguồn nguyên liệu, linh phụ kiện đầu vào từ các nhà cung cấp lớn ở Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Đức để luôn đảm bảo về uy tín chất lượng cũng như tuân thủ các qui định về bảo vệ môi trường từ những khâu đầu tiên của quá trình sản xuất. Ngoài ra, để đảm bảo việc lựa chọn nhà cung ứng nguyên vật liệu chính phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng cam kết cũng như tính tuân thủ trách nhiệm xã hội của nhà cung ứng đối với sản phẩm.

Phạm vi của chủ đề trọng yếu:

- + **Vật liệu được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng;**
- + **Vật liệu tái chế được sử dụng;**
- + **Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm;**

2. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

Định kỳ, trong năm bộ phận thu mua sẽ tiến hành thực hiện 2 lần đánh giá nhà cung ứng (đợt 1: 01/01 → 15/02, đợt 2: 01/07 → 15/08) và lưu hồ sơ dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể về chất lượng nguồn nguyên liệu và tính tuân thủ trách nhiệm xã hội của nhà cung ứng thông qua các bảng câu hỏi đánh giá được xây dựng trên sự kết hợp các tiêu chuẩn áp dụng mới nhất của GRS, ISO, SA 8000..., và tiêu chí liên quan tới các tiêu chuẩn lao động, an toàn và sức khỏe người lao động, đạo đức kinh doanh và bảo vệ môi trường theo các quy định và luật pháp hiện hành.

| | |
|---|--|
| Chính sách | Chính sách đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng nguyên vật liệu tại Công ty theo MM- QT- 02 Quy trình đánh giá và kiểm soát nhà cung ứng |
| Cam kết | Công ty cam kết nguồn nguyên liệu đầu vào, Công ty luôn ưu tiên nhập nguồn nguyên liệu, linh phụ kiện đảm bảo về uy tín chất lượng cũng như tuân thủ các qui định về bảo vệ môi trường |
| Mục tiêu và chỉ tiêu | Duy trì sản phẩm một cách ổn định và luôn đạt chất lượng cao |
| Trách nhiệm | Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành |
| Nguồn lực | Ban Điều Hành, phòng thu mua, bộ phận ISO |
| Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại | Phòng thu mua |
| Các biện pháp hành động cụ thể như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến | Xây dựng quy trình mua hàng, quy trình đánh giá và kiểm soát nhà cung ứng tại Công ty. |

3. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

Trong năm 2019, Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy khối lượng nguyên vật liệu sử dụng có tăng so với năm 2018, chủ yếu do Công ty tối đa công suất và sản xuất các sản phẩm chất lượng cao tiêu hao nguyên liệu nhiều hơn. Tuy nhiên, số lượng thùng carton được sử dụng trong năm 2019 có giảm so với năm 2018, nhờ vào Công ty chủ động thay thế loại thùng carton để đóng gói sản phẩm truyền thống (6 cối/thùng) sang thùng Jambo (100 cối/thùng).



III.4.1... VẬT LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO TRỌNG LƯỢNG HOẶC KHỐI LƯỢNG (GRI 301-1)

Nguồn nguyên, vật liệu đầu vào của Công ty được nhập khẩu từ các nước Hàn Quốc, Nhật, Đài Loan, Đức, Thụy Sĩ với quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường, góp phần giảm lượng phát thải nhà kính ra môi trường

| PHÂN LOẠI VẬT LIỆU | STT | CHUNG LOẠI NGUYÊN VẬT LIỆU | NGUỒN GỐC VẬT LIỆU | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | TĂNG/GIẢM % 2019/2018 |
|----------------------------|-----|----------------------------|--------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------------------|
| Vật liệu không thể tái tạo | 1 | Polyester Chip (tấn) | Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật | 31.153 | 39.891 | 53.495 | 54.393 | 49.558 | -9% |
| | 2 | Dầu (tấn) | Đài Loan, Nhật, Đức | 709,6 | 886,6 | 713,4 | 1.026,6 | 903,6 | -18% |
| Vật liệu có thể tái tạo | 3 | Ống giấy (tấn) | Việt Nam, Đài Loan | 2.723,6 tấn | 2.121 tấn | 3.906,6 tấn | 4.456,9 tấn | 3.224,1 tấn | -28% |
| | 4 | Thùng Carton (tấn) | Việt Nam | 1.585,7 tấn | 1.509,8 tấn | 2.301,3 tấn | 2.054,3 tấn | 1.705,1 tấn | -17% |

III.4.2... VẬT LIỆU TÁI CHẾ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG CÔNG TY (GRI 301-2)

Ngoài hiệu quả sử dụng nguồn nguyên vật liệu chính, Công ty đã ký kết với các đối tác uy tín, chất lượng để cung cấp ống giấy sản xuất, với chất lượng ống giấy tốt thì bình quân hiện nay ống giấy POY sau khi sử dụng có thể tái sử dụng lại hơn 3 lần, góp phần giảm thiểu sự tác động tới môi trường thông qua việc giảm số lượng ống giấy sử dụng trong sản xuất.

Trong năm 2019, số lượng ống giấy POY sử dụng là 870.087 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3,56 lần; do đó tỷ lệ tái sử dụng nguyên vật liệu (ống giấy) năm 2019 là:

$$\begin{aligned}
 \text{Tỷ lệ tái sử dụng} &= \frac{\text{Số lượng vật liệu tái sử dụng}}{\text{Tổng số lượng vật liệu được sử dụng trong năm}} \\
 &= \frac{\text{Số lượng ống giấy POY} \times \text{số lần tái sử dụng}}{\text{Số lượng ống giấy POY} \times (\text{số lần tái sử dụng}) + \text{số ống giấy DTY} + \text{số ống giấy FDY}} \\
 &= \frac{870.087 \times 3,56}{870.087 \times (3,56) + 10.378.366} = 23\%
 \end{aligned}$$

Tỷ lệ sản phẩm thu hồi để tái chế hoặc nguyên vật liệu thu hồi tái chế năm 2019 là 23%.



III.5 / Nước (GRI 303)

Mục tiêu 2019:

- > Sử dụng nguồn nước hợp lý và tiết kiệm;
- > Tái sử dụng nước trong sản xuất;

Kết quả 2019:

- > Tổng lượng nước sử dụng giảm 5%; chi phí tiền nước giảm 15%;
- > Tỷ lệ nước được tuần hoàn và tái sử dụng: 1,2%;

Phương pháp quản trị (GRI 103)

1. Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề (GRI 103-1)

Nguồn nước đóng vai trò rất quan trọng trong việc duy trì sự sống của hành tinh. Nguồn nước tại Công ty phần lớn được phục vụ cho mục đích sản xuất và sinh hoạt tại nhà máy, STK đảm bảo sử dụng nguồn nước sạch được kiểm định chất lượng và cung cấp bởi Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp (KCN), đồng thời Công ty cũng cam kết không sử dụng nguồn nước ngầm để bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên nước ngầm.

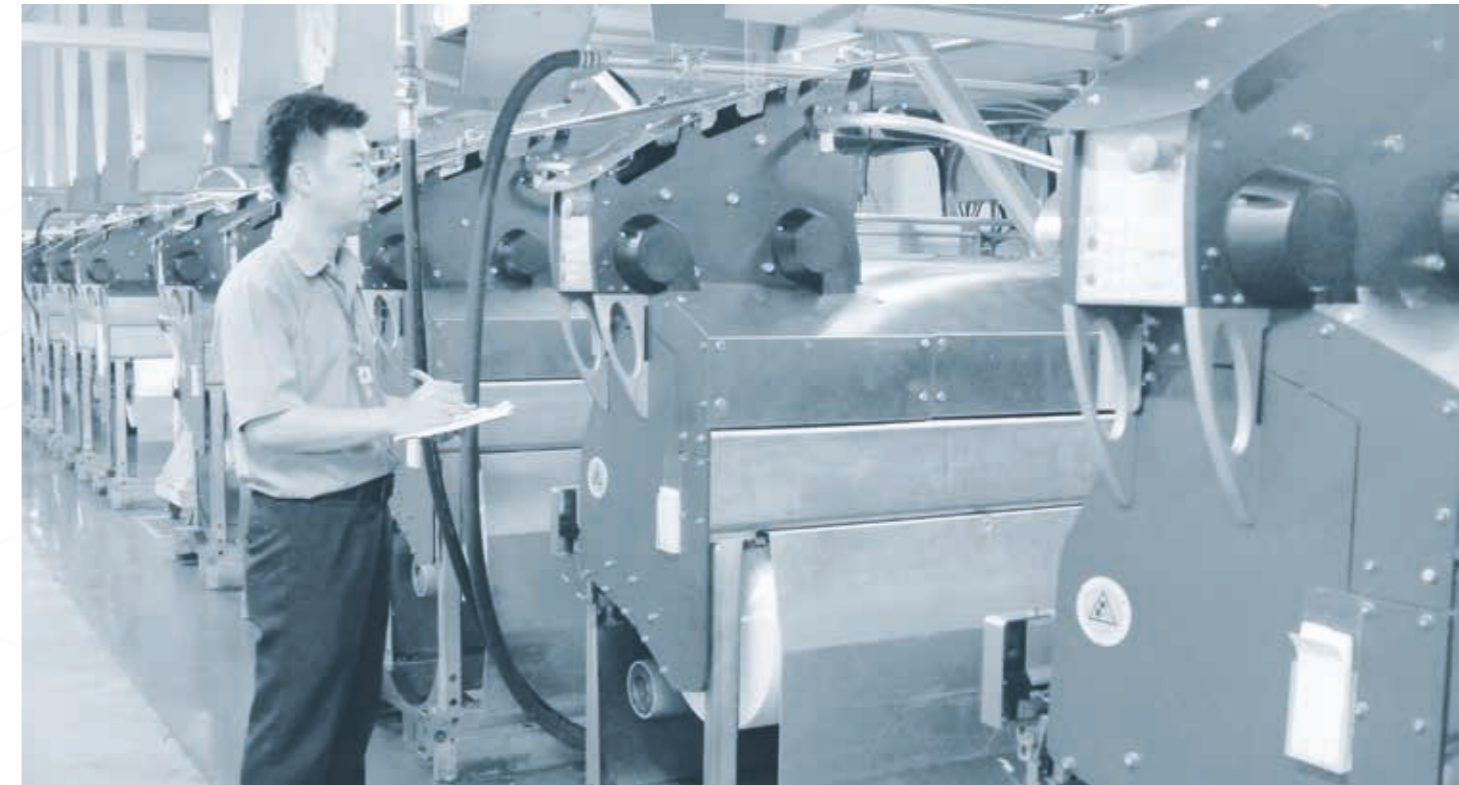
Phạm vi của chủ đề trọng yếu:

- + Lượng nước đầu vào theo nguồn;
- + Tuần hoàn và tái sử dụng nước;

2. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

Tại STK, chất lượng nước đầu vào được bộ phận tổng vụ kiểm soát và đánh giá hàng tháng. Ngoài ra, định kỳ hàng quý Công ty tiến hành thực hiện báo cáo quan trắc môi trường, trong đó nguồn nước sử dụng tại Công ty được lấy mẫu và kiểm tra chất lượng để đảm bảo cho các hoạt động sinh hoạt và sản xuất tại Công ty. Bên cạnh đó, nhằm tiết giảm tiêu hao nguồn nước sử dụng thì bộ phận Utility và bộ phận tài chính thường xuyên giám sát mức tiêu thụ nước trong sản xuất và sinh hoạt, kịp thời báo động nhằm giảm thiểu lãng phí nguồn nước sạch và tối ưu hóa chi phí sản xuất.

| | |
|-----------------------------|--|
| Chính sách | Quy định đảm bảo chất lượng nước đầu vào từ khu công nghiệp QCVN -02- 2009/BYT. Báo cáo quan trắc chất lượng nước định kỳ và báo cáo đánh giá tác động môi trường. |
| Cam kết | Công ty cam kết đảm bảo nguồn nước sạch cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt, tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên nước thông qua các biện pháp và sáng kiến tiết kiệm nước. |
| Mục tiêu và chỉ tiêu | Cung cấp nguồn nước đạt chất lượng phục vụ sản xuất sản phẩm và đảm bảo sức cho khỏe người lao động làm việc tại Công ty. |
| Trách nhiệm | Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành |

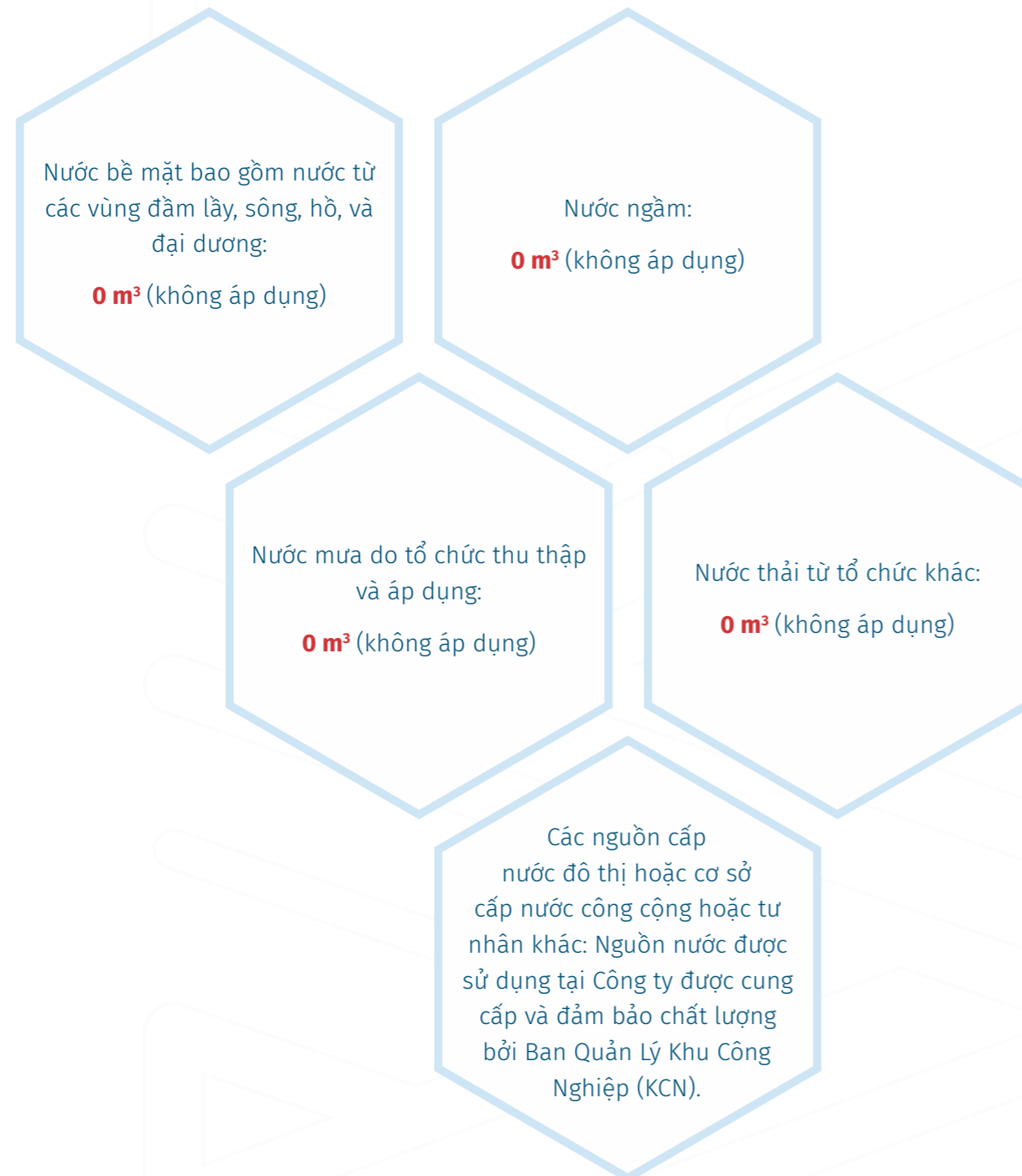


| | |
|---|---|
| Nguồn lực | Ban Điều Hành, bộ phận Tổng Vụ, bộ phận Utility, bộ phận ISO. |
| Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại | Bộ phận Utility, bộ phận Tổng Vụ. |
| Các biện pháp hành động cụ thể như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến | Xây dựng hệ thống đồng hồ đo đặc lượng nước sử dụng tại Công ty. Thực hiện các báo cáo môi trường (báo cáo quan trắc môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường và chất lượng nước tại nơi làm việc). Thường xuyên giám sát và kiểm tra hệ thống cung cấp nước với Ban quản lý khu công nghiệp. |

3. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

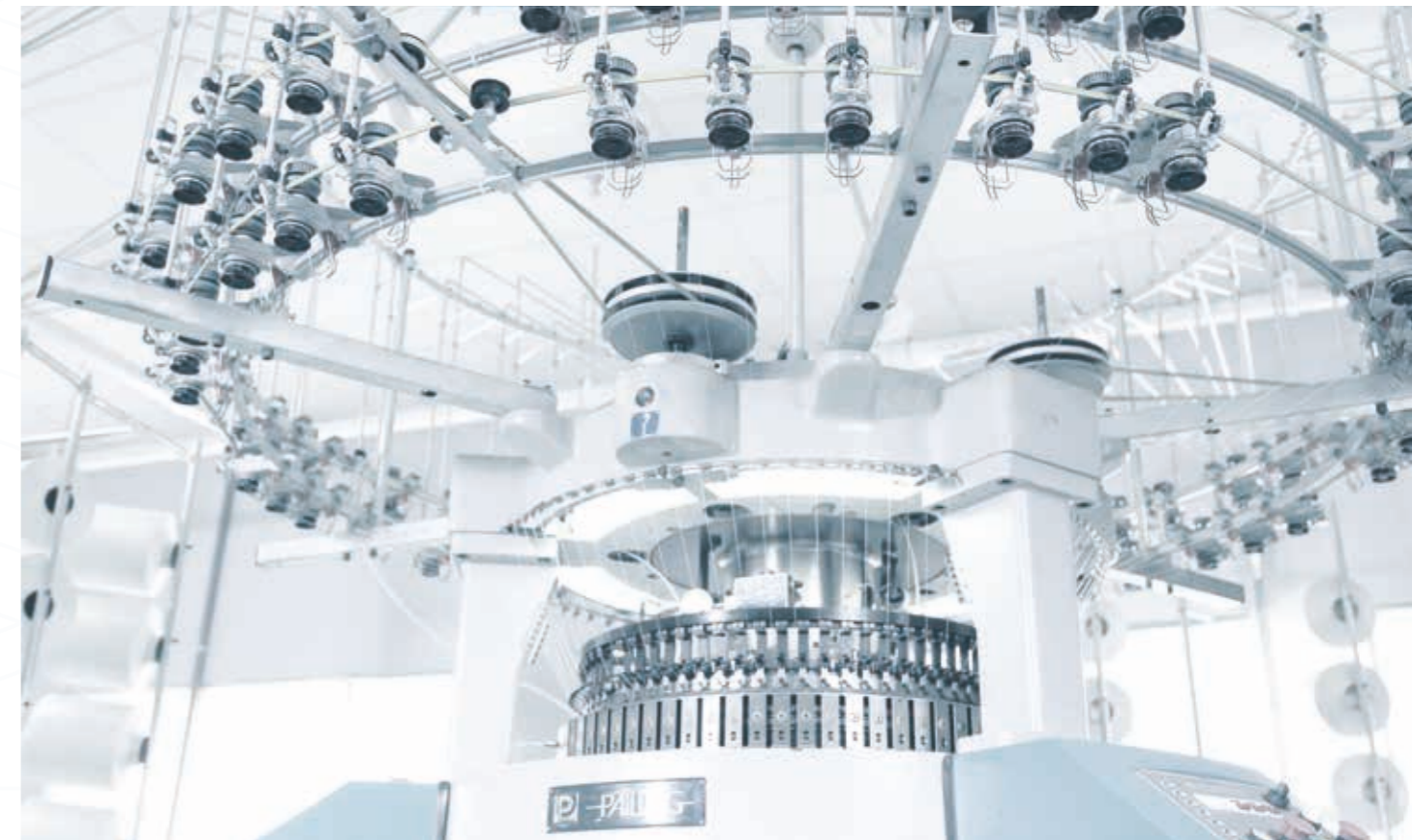
Với phương pháp quản trị được áp dụng, Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy Công ty đã hoàn thành tốt các mục tiêu sử dụng hiệu quả và tiết kiệm lượng nước sử dụng tại Công ty trong năm 2019. Kết quả ghi nhận tổng lượng nước sử dụng trong năm có giảm 224.956 m3 so với năm trước.

III.5.1 ... LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO THEO NGUỒN (GRI 303-1)



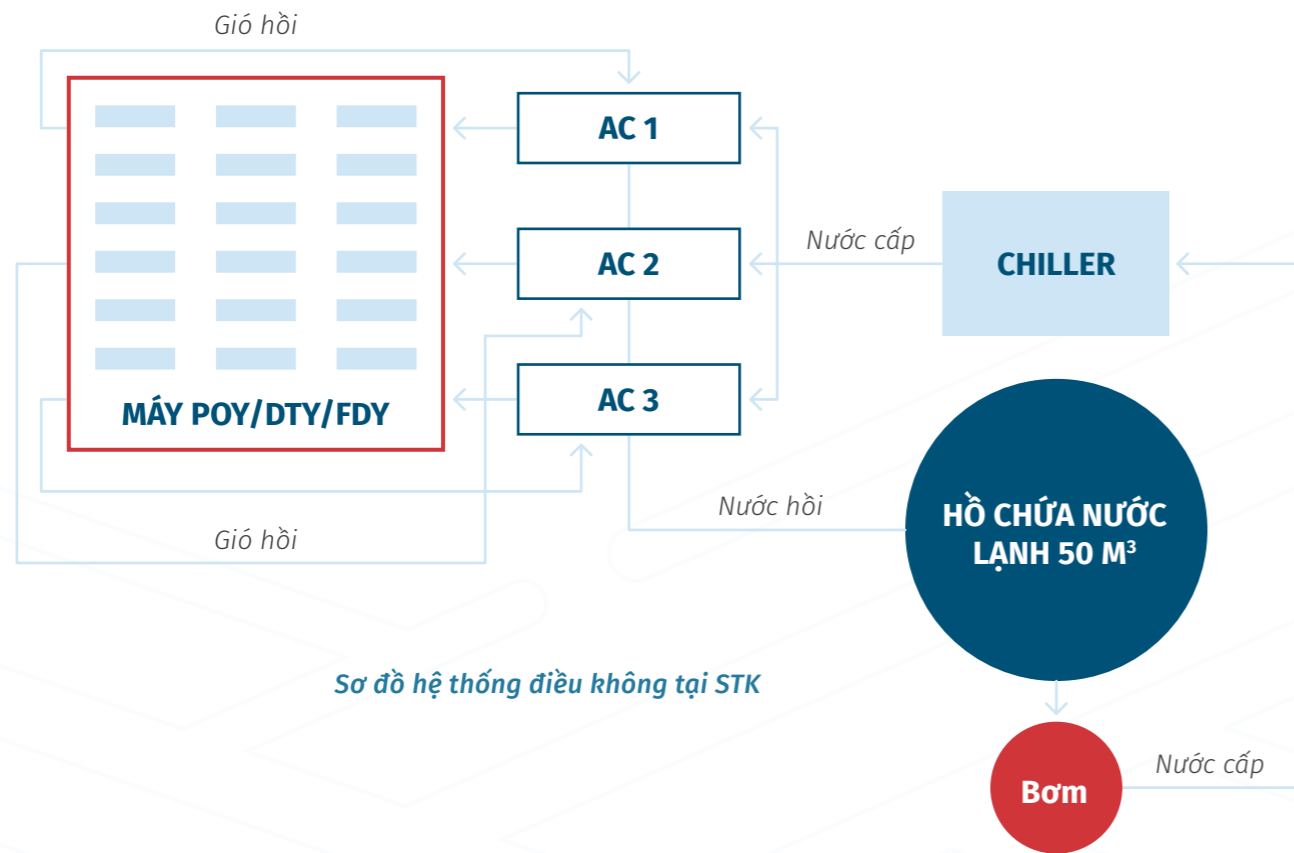
| | ĐVT | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2019 /2018 |
|--------------------|------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|------------|
| Lượng nước sử dụng | m ³ | 161.901 | 212.481 | 245.936 | 252.050 | 235.892 | 224.956 | -5% |
| Chi phí tiền nước | triệu VNĐ | 1.095,3 | 1.643,7 | 1.964,3 | 2.009,9 | 1.890,6 | 1.615 | -15% |
| Mức tiêu hao nước | m ³ /kg sợi | 0,003 | 0,004 | 0,003 | 0,0026 | 0,0028 | 0,0023 | -18% |

Trong năm 2019, mức tiêu hao nước sử dụng giảm so với năm 2018. Cụ thể, lượng nước sử dụng đã giảm 10.936 m³ so với năm 2018, tiết kiệm được 275,5 triệu đồng nhờ vào nỗ lực quản lý chặt chẽ việc thực hiện các biện pháp tiết kiệm sử dụng nước. Ngoài ra, lượng nước tiêu hao trên 1 kg sợi cũng giảm 18% so với năm 2018 thông qua nỗ lực liên tục thực hiện và cải tiến các kế hoạch tiết kiệm nước sử dụng trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.



III.5.2... TUẦN HOÀN VÀ TÁI SỬ DỤNG NƯỚC (GRI 303-3)

Tại STK, Công ty có hệ thống điều không khép kín, nước cấp sau khi đi qua Chiller để đến phòng AC sẽ được hồi về hồ chứa nước lạnh để tái sử dụng. Nhờ hệ thống này, mỗi năm STK tiết kiệm được 875 m³ nước.



Định kỳ đầu năm, Công ty sẽ thiết lập định mức sử dụng nước dựa theo kế hoạch khối lượng sợi sản xuất, chu kỳ cúp điện, chu kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị và chu kỳ thay nước các hồ AC, tháp giải nhiệt trong năm. Mục tiêu này được theo dõi và cập nhật hàng tháng đến các bộ phận sản xuất và các bộ phận liên quan để giám sát và theo dõi tình hình thực hiện.

Năm 2019, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp tái sử dụng và tiết kiệm nước:

| STT | GIẢI PHÁP | HIỆU QUẢ |
|-----|--|---|
| 1 | Tại nhà máy Củ Chi: Tái sử dụng nước ngưng tụ từ AC1,2 cấp cho tháp giải nhiệt số 3 | > Đánh giá kết quả thực hiện tiết kiệm tiết kiệm được 875m ³ , số tiền tiết kiệm được 7.140.000VND/năm. |
| 2 | Tại nhà máy Trảng Bàng: Thu hồi nước thải ra từ hệ thống bơm RO nước siêu tinh khiết. | > Đánh giá kết quả thực hiện tiết kiệm được 3m ³ ngày. Tổng nước tiết kiệm 1.095 m ³ , với số tiền 7.665.000 VND/năm. |
| 3 | Tại nhà máy Trảng Bàng: Thu hồi nước xả của máy sấy cấp lại cho tháp giải nhiệt | > Đánh giá kết quả thực hiện tiết kiệm được 2 m ³ ngày. Tổng nước tiết kiệm 730 m ³ , với số tiền 5.110.000 VND/năm. |

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ phần trăm của nước tuần hoàn và tái sử dụng} &= \frac{\text{Khối lượng nước tuần hoàn và tái sử dụng}}{\text{Tổng khối lượng nước đầu vào}} \times 100 \\ &= \frac{2.700}{224.956} \times 100 = 1,2\% \end{aligned}$$



III.6 / Năng lượng (GRI 302)

Mục tiêu 2019:

- > Sử dụng nguồn năng lượng hợp lý và tiết kiệm;
- > Tiết giảm chi phí điện;

Kết quả 2019:

- > Lượng điện năng tiêu thụ giảm 6%;
- > Chi phí tiền điện giảm 1%;

Phương pháp quản trị (GRI 103)

1. Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề (GRI 103-1)

Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và giảm thiểu tối đa việc sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên để bảo tồn môi trường tự nhiên. STK đã đề ra những mục tiêu tiết kiệm năng lượng thông qua việc kiểm soát, theo dõi và sử dụng hợp lý nguồn năng lượng tại Công ty.

Phạm vi của chủ đề trọng yếu:

- + Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức;
- + Cường độ sử dụng năng lượng;

2. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

Tại STK, do đặc thù doanh nghiệp phải vận hành máy sản xuất liên tục 24 tiếng, nên Công ty đã không ngừng đưa ra những cải tiến thiết thực để có thể giảm thiểu tối đa năng lượng sử dụng tại đơn vị:

- > Quản lý một cách chặt chẽ việc sử dụng năng lượng theo đúng tất cả các yêu cầu của pháp luật và quy định của Công ty.
- > Chủ động thực hiện kiểm toán năng lượng (3 năm/lần): việc kiểm toán năng lượng do cơ quan chức năng có đủ năng lực để đánh giá hiện trạng sử dụng năng lượng của Công ty: điện, dầu DO, xăng; đưa ra các giải pháp khả thi để giảm thiểu tiết kiệm năng lượng, giảm tác hại đến môi trường một cách tối đa nhất.
- > Bộ phận chuyên trách Utility lập kế hoạch và báo cáo việc quản lý năng lượng hàng năm và 5 năm: mục đích là đưa các giải pháp tiết kiệm năng lượng, triển khai kế hoạch thực hiện và đánh giá hiệu quả sau khi thực hiện kế hoạch.
- > Định kỳ hàng tháng theo dõi và lưu trữ hồ sơ tiêu thụ năng lượng để kịp thời đưa ra các kế hoạch hành động tiết giảm sử dụng nguồn năng lượng tại Công ty.

Để nâng cao hiệu quả quản lý và ý thức tiết kiệm nguồn năng lượng thì Công ty đã tăng cường công tác truyền thông nội bộ để luôn nhắc nhở toàn thể CBCNV thực hiện đúng quy định về sử dụng năng lượng trong đơn vị của mình như: sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, tắt khi không sử dụng, áp dụng khoa học kỹ thuật điều chỉnh lượng tiêu thụ năng lượng phù hợp các hoạt động sản xuất, vận chuyển tại nhà xưởng nói riêng và toàn khu vực hoạt động của Công ty nói chung.

| | |
|---|---|
| Chính sách | Chính sách tiết kiệm năng lượng, quy định tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, chính sách phát triển các biện pháp tiết kiệm điện, kế hoạch thực hiện tiết kiệm năng lượng 5 năm. |
| Cam kết | Công ty cam kết sử dụng nguồn năng lượng một cách hiệu quả và tiết kiệm, tích cực thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường. |
| Mục tiêu và chỉ tiêu | Tiết kiệm tối đa việc sử dụng nguồn tài nguyên năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, hạn chế việc làm trái đất nóng lên, bảo vệ môi trường và tối ưu hóa chi phí. |
| Trách nhiệm | Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành |
| Nguồn lực | Ban Điều Hành, bộ phận Tổng Vụ, bộ phận Utility, bộ phận sản xuất, bộ phận tài chính. |
| Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại | Bộ phận Utility, bộ phận Tổng Vụ. |
| Các biện pháp hành động cụ thể như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến | Xây dựng hệ thống đo lường năng lượng sử dụng tại Công ty. Tiết kiệm năng lượng thông qua áp dụng các sáng kiến thay đổi máy móc và thiết bị tiêu hao nhiều điện năng trong sản xuất. Xây dựng kế hoạch tiết kiệm năng lượng theo lộ trình 5 năm và thực hiện kiểm toán năng lượng. |

3. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

Với phương pháp quản trị được áp dụng, trong năm 2019, Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy Công ty đã hoàn thành tốt các hành động để tiết kiệm năng lượng theo kế hoạch đề ra. Kết quả, mức tiêu hao năng lượng trên từng kilogram sợi có giảm rõ rệt so với năm trước.



III.6.1 ... TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG TỔ CHỨC (GRI 302-1)

Để nâng cao hiệu quả quản lý và ý thức tiết kiệm nguồn năng lượng thì Công ty đã tăng cường công tác truyền thông nội bộ để luôn nhắc nhở toàn thể CBCNV thực hiện đúng quy định về sử dụng năng lượng trong đơn vị của mình như: sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, tắt khi không sử dụng, áp dụng khoa học kỹ thuật điều chỉnh lượng tiêu thụ năng lượng phù hợp các hoạt động sản xuất, vận chuyển tại nhà xưởng nói riêng và toàn khu vực hoạt động của Công ty nói chung.

Công ty chỉ sử dụng nguồn nhiên liệu điện năng và dầu DO trong các hoạt động sản xuất của mình. Trong đó:

Nguồn nhiên liệu không tái tạo: **dầu DO**. Khối lượng dầu do sử dụng trong năm: **1,1 tấn**.

Nguồn nhiên liệu tái tạo: **điện**;

Khối lượng điện tiêu thụ trong năm 2019

| | ĐƠN VỊ | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | TĂNG/GIẢM % 2019/2018 |
|--------------------|--------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-----------------------|
| Lượng điện sử dụng | kwh | 101.936.337 | 120.743.839 | 145.585.920 | 152.778.626 | 143.977.963 | -6% |
| Chi phí tiền điện | tỷ VNĐ | 149,8 | 180,8 | 219,9 | 234,5 | 232,2 | -1% |



Chú thích:

<https://bachhopsc.com.vn/dac-tinh-co-ban-cua-gas/> (quy đổi 1 kg dầu DO về 1 kcal);

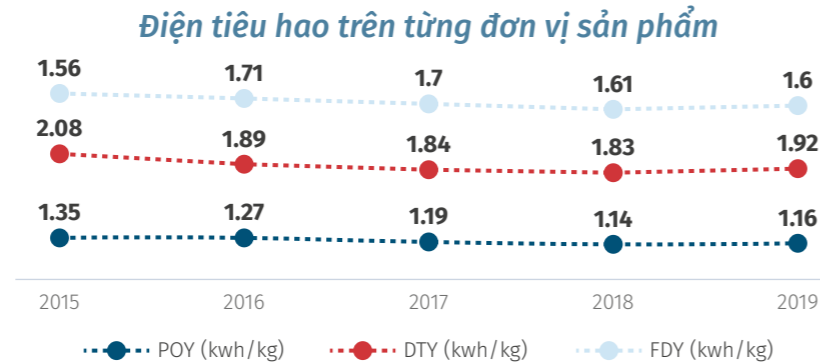
<https://www.convertworld.com/vi/nang-luong/j.html> (quy đổi 1 kcal về 1 kJ);

<http://www.saigonpetro.com.vn/linh-vuc-hoat-dong/95/diezen-do.html> (khối lượng riêng của dầu DO = 820-860 kg/m³ - QCVN 01:2015/BKHCN).

III.6.2...CƯỜNG ĐỘ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG (GRI 302-3)

Trong quá trình sản xuất của Công ty, nguồn năng lượng điện được sử dụng để tạo ra sản phẩm. Hiện tại, Công ty có 3 loại sợi sản phẩm chính: sợi POY, sợi DTY và sợi FDY. Công ty xây dựng hệ thống giám sát và đo đạt mức tiêu thụ năng lượng (kwh) trên từng đơn vị sản phẩm (kg).

Trong đó, điện tiêu hao cho từng đơn vị sản phẩm như sau:



Nhìn chung qua các năm, tổng lượng điện năng sử dụng giảm nhờ vào các kế hoạch tăng cường tiết kiệm điện và sử dụng điện một cách hợp lý, thực hiện đổi mới và nâng cấp máy móc, thiết bị phụ trợ với công nghệ tiết kiệm điện. Tuy nhiên, lượng điện năng tiêu thụ cho từng đơn vị sản phẩm thì có xu hướng nhẹ ở sản phẩm POY và DTY do Công ty chủ động chuyển đổi sản xuất các loại sợi có giá trị gia tăng cao như sợi recycle và sợi màu.



Công ty chủ động thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện đã đề ra năm 2019:

| STT | GIẢI PHÁP | TÌNH TRẠNG THỰC HIỆN | NGUYÊN NHÂN |
|-----|--|--|-------------|
| 1 | <ul style="list-style-type: none"> > Gắn biến tần cho quạt thổi AC 1, 2, 3 tại nhà máy Củ Chi. > Thay đèn cao 200w áp xung quanh nhà xưởng Củ Chi thành đèn Led 70w. | <ul style="list-style-type: none"> > Tiết kiệm được 20.879 kwh/năm. > Chi phí tiết kiệm được là 32 triệu đồng/năm. | |
| 2 | Thực hiện kiểm soát tắt mở đèn chiếu sáng máy DTY, điều khiển theo thời gian. | Thực hiện trên 38 máy, kết quả đánh giá tiết kiệm được 2kw/h. Tiết kiệm được 27,2 triệu đồng/năm | |

Giải pháp tiết kiệm điện năm 2020

Trong năm 2020, Công ty dự kiến sẽ thực hiện các biện pháp sau để tiết kiệm chi phí điện:

| STT | GIẢI PHÁP | HIỆU QUẢ |
|-----|--|---|
| 1 | Tại nhà máy Củ Chi: <ul style="list-style-type: none"> > Thực hiện gắn inverter cho hệ thống bơm phun sương AC 1,2,3. > Gắn biến tần cho bơm nước giải nhiệt máy lạnh số 1 | <ul style="list-style-type: none"> > Thực hiện tiết kiệm được 7kw/h. > Tiết kiệm được 16kw/h |
| 2 | Tại nhà máy Trảng Bàng: Gắn inverter cho motor bơm giải nhiệt máy lạnh DTY. | > Tiết kiệm được 30kw/h |
| 3 | Tại nhà máy Trảng Bàng: Thực hiện gắn inverter cho hệ thống motor hút dầu thải máy DTY TB 1,2. | <ul style="list-style-type: none"> > Kế hoạch thực hiện mỗi motor, sau khi gắn tiết kiệm được 2 kw/h. > Thực hiện 23 máy DTY, tổng 46 motors. > Dự kiến sẽ tiết kiệm được 92kw/h. |
| 4 | Tại nhà máy Trảng Bàng: Gắn inverter bơm nước lạnh máy lạnh POY TB3. | > Tiết kiệm được 38kw/h. |

III.7 / Phát thải (GRI 305)

Mục tiêu 2019:

- > Giảm thiểu phát thải;
- > Giảm phát thải khí nhà kính;

Kết quả 2019:

- > Hệ số phát thải carbon footprint của điện năng giảm 6%;
- > Hệ số phát thải carbon footprint của dầu DO giảm 75%;

Phương pháp quản trị (GRI 103)

1. Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề (GRI 103-1)

Trong quá trình sản xuất, ngành dệt may thường sử dụng nhiều hóa chất độc hại, chính vì thế nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước là rất lớn. Không chỉ thế, lượng phát thải CO₂ từ quá trình sản xuất các sản phẩm dệt may cũng không hề nhỏ. Theo số liệu năm 2006, trung bình mỗi người dân Mỹ tạo ra 19,8 tấn CO₂, trong đó có 1 tấn CO₂ là từ đóng góp của các sản phẩm dệt may.

Hiện nay, các công ty Việt Nam đã bắt đầu chú ý nhiều đến vấn đề tăng trưởng xanh, chú trọng giải quyết các vấn đề cơ bản tại doanh nghiệp: tiết giảm năng lượng, nhiên liệu trong sản xuất kinh doanh, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001 và sản xuất sạch hơn... để giảm thiểu những tác động tiêu cực đến môi trường.

Số liệu Carbon footprint của ngành dệt may được ước tính dựa trên việc tổng hợp tất cả các năng lượng được sử dụng tại từng bước của quá trình tạo ra vải. STK nằm trong một mắt xích trong chuỗi cung ứng dệt may với sản phẩm là xơ, sợi tổng hợp, loại sợi được làm từ các nhiên liệu hóa thạch, tiêu thụ rất nhiều năng lượng từ quá trình khai thác dầu mỏ dưới lòng đất cho đến sản xuất.

Phạm vi của chủ đề trọng yếu:

- + Phát thải khí nhà kính gián tiếp từ năng lượng;



2. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

Công ty thực hiện chính sách tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động sản xuất và sinh hoạt. Thay thế các thiết bị tiêu hao nhiều năng lượng sang các thiết bị tiết kiệm năng lượng (inverter và e-saving technology). Bộ phận Utility và bộ phận sản xuất trực tiếp giám sát và kiểm tra mức tiêu hao năng lượng tại Công ty và lập báo cáo trong các hoạt động sản xuất hàng ngày. Vì vậy, mức sử dụng năng lượng tại Công ty được quản lý chặt chẽ, góp phần giảm phát thải khí nhà kính (CO₂) và bảo vệ môi trường.

| | |
|---|---|
| Chính sách | Chính sách tiết kiệm điện, quy định tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, chính sách phát triển các biện pháp tiết kiệm điện, kế hoạch thực hiện tiết kiệm năng lượng 5 năm. |
| Cam kết | Công ty cam kết sử dụng hợp lý nguồn năng lượng, tiết kiệm năng lượng, góp phần giảm phát thải khí nhà kính CO ₂ . |
| Mục tiêu và chỉ tiêu | Giảm phát thải khí nhà kính CO ₂ và bảo vệ môi trường. |
| Trách nhiệm | Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành |
| Nguồn lực | Ban Điều Hành, bộ phận Tổng Vụ, bộ phận Utility, bộ phận ISO, bộ phận tài chính, bộ phận sản xuất. |
| Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại | Bộ phận Utility, bộ phận sản xuất. |
| Các biện pháp hành động cụ thể như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến | Xây dựng hệ thống đo lường năng lượng sử dụng tại Công ty. Tiết kiệm năng lượng thông qua áp dụng các sáng kiến thay đổi máy móc và thiết bị tiêu hao nhiều điện năng trong sản xuất. Xây dựng kế hoạch tiết kiệm năng lượng theo lộ trình 5 năm và thực hiện kiểm toán năng lượng. |

3. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

Với phương pháp quản trị được áp dụng, Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy Công ty đã cải thiện kết quả sử dụng năng lượng, cùng với chính sách tiết kiệm điện và kiểm soát chặt chẽ việc phát thải CO₂, kết quả của hệ số Carbon footprint trên từng kg sợi có giảm rõ rệt so với năm 2018.

III.7.1 PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH GIÁN TIẾP TỪ NĂNG LƯỢNG (GRI 305-2)

Công ty đảm bảo việc quản lý nghiêm ngặt xử lý khí thải theo đúng qui định của pháp luật hiện hành. Trên thực tế, vì Công ty không có phát sinh khí thải do không sử dụng lò hơi trong hoạt động sản xuất. Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty thực hiện đo kiểm khí thải tại khu vực ngoài trời và các khu vực sản xuất để có biện pháp khắc phục ngay khi có ô nhiễm về khí thải. Ngoài ra, còn thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về khí thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.

Một số biện pháp Công ty đã và đang tiếp tục thực hiện để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải:

- > Kiểm soát các loại xe hoạt động trong Công ty như xe container, xe tải, xe nâng, xe con của Công ty trong việc phát thải khói bụi. Có biện pháp cho ngưng hoạt động các loại xe trên nếu gây ra phát thải nhiều.
- > Tiết giảm sử dụng xăng, dầu DO.
- > Bảo trì thường xuyên đối với những xe cộ, máy móc, thiết bị sử dụng QLCTNH79 xăng, dầu DO để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải.

Trong 2019, hệ số cacbon footprint của Công ty giảm so với năm 2018. Tuy nhiên, hệ số carbon footprint về điện năng trên từng kg sợi có tăng so với năm 2018 (DTY tăng 5%, POY 2%) chủ yếu do Công ty linh hoạt trong việc sản xuất các loại sợi đặc biệt có giá trị gia tăng cao. Ngoài ra, chỉ số cacbon footprint cho dầu Diesel cũng giảm 75% so với năm 2018 chủ yếu do Công ty chủ động thay thế các xe nâng chạy dầu bằng xe nâng sử dụng điện để tăng cao hiệu suất nâng hàng và tính cơ động trong vận hành.

Số liệu cacbon footprint của STK trong năm 2019 như sau:

| | LƯỢNG TIÊU THỤ 2019 | NHIỆT TRỊ, GIÁ TRỊ THẤP (TJ/T) | HỆ SỐ PHÁT THẢI CO ₂ (CHO GIÁ TRỊ THẤP) | PHÁT THẢI 2016 | PHÁT THẢI ¹ 2017 | PHÁT THẢI 3 2018 | PHÁT THẢI 4 2019 | TĂNG/GIẢM % 2019/2018 |
|--|---------------------|-----------------------------------|---|----------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|--------------------------|
| Điện năng | 143.977 MWh/năm | | 0,6612 ² (tCO ₂ e/MWh) | 79.836 (tCO ₂ e/năm) | 96.261 (tCO ₂ e/năm) | 101.017 (tCO ₂ e/năm) | 95.197 (tCO ₂ e/năm) | -6% |
| <i>Trong đó, phát thải cacbon trên 1kg sợi</i> | | | | | | | | |
| - POY | 1,14 kwh/kg | | 0,6612 (tCO ₂ e/MWh) | 0,839724 (tCO ₂ e/kg) | 0,786828 (tCO ₂ e/kg) | 0,753768 (tCO ₂ e/kg) | 0,766992 (tCO ₂ e/kg) | +2% |
| - DTY | 1,83 kwh/kg | | 0,6612 (tCO ₂ e/MWh) | 1,249668 (tCO ₂ e/kg) | 1,216608 (tCO ₂ e/kg) | 1,209996 (tCO ₂ e/kg) | 1,269504 (tCO ₂ e/kg) | +5% |
| - FDY | 1,61 kwh/kg | | 0,6612 (tCO ₂ e/MWh) | 1,130652 (tCO ₂ e/kg) | 1,12404 (tCO ₂ e/kg) | 1,064532 (tCO ₂ e/kg) | 1,05792 (tCO ₂ e/kg) | -1% |
| Dầu Diesel để chạy xe nâng | 1,106 (t/năm) | 0,043 (TJ/t) ³ | 74,1 (tCO ₂ e/TJ) ⁴ | 95 (tCO ₂ e/năm) | 79,01 (tCO ₂ e/năm) | 14,26 (tCO ₂ e/năm) | 3,52 (tCO ₂ e/năm) | -75% |

Các thông số và kết quả quan trắc khí thải trong năm 2019:

Xem thêm [kết quả quan trắc chất lượng không khí](#) tại [Phụ Lục 1](#).

1 Công thức tính phát thải cacbon như sau:
- Đối với điện năng: Phát thải (tCO₂e/năm) = Tiêu thụ (Mwh/năm) * Hệ số phát thải CO₂ (tCO₂e/Mwh)
- Đối với dầu Diesel: Phát thải (tCO₂e/năm) = Tiêu thụ (t/năm) * Hệ số phát thải CO₂ (tCO₂e/TJ) * Nhiệt trị, giá trị thấp (TJ/t)

2 Hệ số phát thải (Emission factor- EF) áp dụng cho năm 2014, được công bố bởi DNA Việt Nam (thuộc Bộ TNMT) vào tháng 05/2016.

3 Nhiệt trị, giá trị thấp cho dầu Diesel lấy theo nguồn của IPCC 2006

4 Hệ số phát thải cho dầu Diesel lấy theo nguồn của IPCC 2006



III.8 / Nước thải và chất thải (GRI 306)

Mục tiêu 2019:

- > Không vi phạm luật môi trường về rác thải và nước thải;

Kết quả 2019:

- > Không ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về rác thải và xử lý nước thải;

Phương pháp quản trị (GRI 103)

1. Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề (GRI 103-1)

Công ty nhận thấy nguồn nước thải và rác thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày có sự ảnh hưởng rất lớn đến môi trường xung quanh và cộng đồng địa phương. Mọi ảnh hưởng từ nguồn nước thải và rác thải đều có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người lao động, cộng đồng địa phương nơi Công ty hoạt động và hủy hoại môi trường. Vì vậy, Công ty luôn chú trọng vấn đề quản lý nguồn nước thải và rác thải một cách nghiêm ngặt thông qua hệ thống thu gom rác thải, hệ thống xử lý nước thải tách biệt cũng như phương pháp lưu trữ và xử lý tại Công ty.

Phạm vi của chủ đề trọng yếu:

- + Tổng lượng nước thải theo chất lượng và địa điểm;
- + Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý;
- + Sự cố tràn đổ đáng kể;
- + Vận chuyển chất thải nguy hại;

2. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

Đối với nước thải:

Sợi Thế Kỷ xác định nguồn nước thải của Công ty xuất phát từ 2 nguồn: nước thải sinh hoạt từ nhân viên và nước thải sản xuất (nước thải từ phòng nhuộm, kiểm phẩm).

Đối với việc quản lý nguồn nước thải, Công ty đưa ra những phương pháp sau:

- > Xử lý nguồn nước thải theo qui định của pháp luật hiện hành.
- > Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải riêng biệt và được phép đấu nối đầu ra với hệ thống thoát nước mưa, nước thải của KCN.
- > Nhận diện các nguồn gây ô nhiễm môi trường, thường xuyên quan trắc các thông số chất lượng nước thải, đảm bảo xử lý chỉ tiêu chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn GRS.
- > Thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về nước thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.
- > Đo lượng nước thải ra hàng ngày, có ghi chép lưu hồ sơ báo cáo đầy đủ.
- > Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với rác thải:

Công ty nhận diện 2 nguồn chất thải là chất thải nguy hại và chất thải thông thường. Công ty rất chú trọng trong việc đào tạo và nâng cao ý thức cho người lao động về việc quản lý, phân loại rác thải tại nguồn cũng như quy trình lưu kho và vận chuyển chất thải để làm giảm ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người. Cụ thể, Công ty đã và đang áp dụng các biện pháp để xử lý các nguồn chất thải:

- > Đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp không nguy hại: Công ty thu gom về kho chứa theo đúng quy trình phân loại và quản lý rác thải, sau đó hợp đồng với các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.
- > Đối với chất thải nguy hại: Công ty có nhà rác nguy hại riêng với biển báo, ký hiệu nguy hại theo quy định. Công ty dán mã chất thải nguy hại và quản lý nghiêm ngặt cho từng loại chất thải, Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải này.

| | |
|---|---|
| Chính sách | Chính sách quản lý và xử lý rác thải tại Công ty, quy định tiêu chuẩn chất lượng nước giá trị C Cột B - QCVN 40:2011/BTNMT. |
| Cam kết | Công ty cam kết quản lý nguồn nước thải và rác thải chặt chẽ, không gây tác động tới môi trường. |
| Mục tiêu và chỉ tiêu | Bảo vệ sức khỏe người lao động và cộng đồng địa phương |
| Trách nhiệm | Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành |
| Nguồn lực | Ban Điều Hành, bộ phận Tổng Vụ, bộ phận Utility, bộ phận ISO, bộ phận sản xuất. |
| Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại | Bộ phận Utility, bộ phận Tổng Vụ. |
| Các biện pháp hành động cụ thể như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến | Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy; Xây dựng quy trình và chính sách thu gom rác thải sản xuất và sinh hoạt tại Công ty; Xây dựng quy trình thu gom và xử lý chất thải nguy hại; Định kỳ 3 tháng thức thiện báo cáo quan trắc môi trường; |

3. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

Với phương pháp quản trị được áp dụng, trong năm 2019, Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy Công ty không có ghi nhận bất kỳ sự cố tràn đổ hoặc rò rỉ nước thải và rác thải. Định kỳ, Công ty thực hiện báo cáo quản lý chất thải cho cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật hiện hành, Công ty cũng rất quan tâm đến việc tìm ra các giải pháp để hạn chế lượng hóa chất thải trong sản xuất thông qua mục tiêu phát triển các sản phẩm mới không sử dụng hóa chất và tăng cường tái sử dụng hoặc tái chế nguồn chất thải.

III.8.1... TỔNG LƯỢNG NƯỚC THẢI THEO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐỊA ĐIỂM (GRI 306-1)

Bảng thống kê lượng nước thải

| | | ĐVT | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 |
|------------------------|----------------|----------------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Lượng nước thải | Củ Chi | m ³ | 11.482 | 6.137 | 6.188 | 6.173 | 8.304 |
| | Trảng Bàng 1,2 | m ³ | 14.581 | 9.462 | 12.988 | 11.222 | 9.496 |
| | Trảng Bàng 3 | m ³ | 4.431 | 17.724 | 12.786 | 9.537 | 8.817 |
| | Tổng cộng | m ³ | 30.494 | 33.323 | 31.961 | 26.932 | 26.617 |
| Chi phí tiền nước thải | Củ Chi | Triệu VNĐ | 53,8 | 32,4 | 34,4 | 33,8 | 53,9 |
| | Trảng Bàng 1,2 | Triệu VNĐ | 217,9 | 127,9 | 108,6 | 87,2 | 72,9 |
| | Trảng Bàng 3 | Triệu VNĐ | 31,6 | 139,9 | 129,9 | 72,5 | 67,6 |
| | Tổng cộng | Triệu VNĐ | 303,4 | 300,4 | 273 | 193,6 | 194,5 |

Các thông số và kết quả quan trắc khí thải trong năm 2019:

Xem thêm [kết quả quan trắc chất lượng nước thải](#) tại [Phụ Lục 2](#).



III.8.2... TỔNG LƯỢNG CHẤT THẢI THEO LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ (GRI 306-2)

| TÊN CHẤT THẢI | MÃ CTNH | SỐ LƯỢNG (KG) | PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ | TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TIẾP NHẬN CTNH |
|---|----------|---------------|-------------------|--|
| Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu) | 18 02 01 | 44 | Thiêu đốt | Cty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM |
| Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại (bình mực máy in, máy fax) | 08 02 04 | 3 | Thiêu đốt | Cty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM |
| Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (Dầu thải) | 17 02 03 | 26 | Thiêu đốt | Cty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM |
| Bóng đèn huỳnh quang thải | 16 01 06 | 7 | PH-HR-C | Cty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM |
| Bao bì cứng thải bằng kim loại (Phuy sắt) | 18 01 02 | | Tái chế | Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và dịch vụ Đại Phúc |
| Bao bì cứng thải bằng thải bằng nhựa (Phuy nhựa) | 18 01 03 | 28.901 | Tái chế | Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và dịch vụ Đại Phúc |
| Tổng cộng | | 28.981 | | |

Tại STK, các loại rác thải từ các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Công ty đều được phân loại và giám sát một cách chặt chẽ theo quy trình phân loại thác thải ban hành của tiêu chuẩn GRS 4,0 – waste management, Công ty ký kết hợp đồng với các đơn vị xử lý chất thải, trong đó:

- > Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại - đơn vị đảm trách: Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP,HCM.
- > Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, rắn công nghiệp – đơn vị đảm trách: Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Huyện Củ Chi và Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và dịch vụ Đại Phúc.

Ngoài ra, hàng năm Công ty đều lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại đến Sở Tài Nguyên Môi Trường TP,HCM và Tây Ninh. Công ty đăng ký sở chủ nguồn chất thải nguy hại với mã số - QLCTNH79,002938,T (cấp lần 3).

III.8.3... SỰ CỐ TRẦN ĐÁNG KỂ (GRI 306-3)

Trong năm 2019, Công ty không ghi nhận bất kỳ sự cố tràn đổ hóa chất hoặc rò rỉ nước thải, Công ty tuân thủ việc lưu trữ, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng theo quy định của tiêu chuẩn GRS và luật môi trường hiện hành.

III.8.4... VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI NGUY HẠI (GRI 306-4)

Đối với chất thải nguy hại: Công ty có nhà rác nguy hại riêng với biển báo, ký hiệu nguy hại theo quy định, Công ty dán mã chất thải nguy hại và quản lý nghiêm ngặt cho từng loại chất thải. Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP,HCM) thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải này – Xem thêm mục [Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý \(GRI 306-2\)](#).

III.9 / Tuân thủ về môi trường (GRI 307)

Mục tiêu 2019:

- > Tuân thủ theo quy định và pháp luật hiện hành về môi trường;

Kết quả 2019:

- > Kết quả chỉ số của báo cáo quan trắc môi trường và báo cáo đo đạt môi trường lao động đều nằm trong khung tuân thủ theo quy định và luật môi trường;

Phương pháp quản trị (GRI 103)

1. Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề (GRI 103-1)

Nhận thức được trước bối cảnh những tác động từ biến đổi khí hậu và hoạt động của con người đối với môi trường cũng như các yếu tố liên quan đến môi trường. STK luôn không ngừng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBCNV Công ty, đặt nhiệm vụ bảo vệ môi trường lên hàng đầu và luôn nhận được sự quan tâm - chia sẻ của các cấp lãnh đạo và đội ngũ nhân viên Công ty.

Phạm vi của chủ đề trọng yếu:

- + Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường;

2. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

STK luôn không ngừng tham khảo, cập nhật các quy định, chính sách tuân thủ nghiêm ngặt về môi trường theo tiêu chuẩn luật hiện hành của nhà nước, Đồng thời, để nâng cao chất lượng trong việc quản lý và đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt trong tác động tới môi trường, TGD của STK còn đưa ra cam kết tuân thủ mục tiêu phát triển bền vững trong việc thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chính sách môi trường theo tiêu chuẩn GRS -V4,0 đảm bảo chuẩn mức tiêu thụ năng lượng, nguồn nước, khí thải và chất thải.

Chính sách

Chính sách môi trường theo tiêu chuẩn GRS 4,0, luật bảo vệ môi trường số: 55/2014/QH13.

Cam kết

Công ty cam kết các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ các yêu cầu của pháp luật và các yêu cầu khác về môi trường.

Mục tiêu và chỉ tiêu

Tạo ra sản phẩm thân thiện với môi trường, thỏa mãn nhu cầu khách hàng là tâm điểm của mỗi hành động và quyết định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trách nhiệm

Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành

Nguồn lực

Ban Điều Hành, bộ phận Tổng Vụ, và toàn thể CBCNV Công ty.

Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại

Bộ phận Tổng Vụ, ban an toàn - vệ sinh - lao động.

Các biện pháp hành động cụ thể như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Thúc đẩy cải tiến liên tục dựa trên các quy trình hữu hiệu, phương pháp và công cụ đo lường minh bạch kịp thời, biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn và sức khỏe cho người lao động.

Cung cấp nguồn lực, cải tiến kỹ thuật công nghệ và thiết bị, thực hiện kiểm toán năng lượng định kỳ nhằm tiết kiệm năng lượng, tài nguyên nước, nguyên vật liệu.

Đào tạo nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho tất cả CBCNV và truyền đạt Chính sách môi trường tới tất cả CBCNV Công ty và các bên liên quan.

3. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

Với phương pháp quản trị được áp dụng và nỗ lực không ngừng của tập thể STK, Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy các kết quả tiết kiệm điện, nước đều đạt kế hoạch đề ra trong năm 2019. Ngoài ra, các kết quả chỉ số đánh giá quan trắc và tác động tới môi trường của Công ty cũng ghi nhận sự tuân thủ và nằm trong giới hạn cho phép theo quy định hiện hành của cơ quan nhà nước về môi trường.

III.9.1.....KHÔNG TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG (GRI 307-1)

Thông qua các tham số tham chiếu kết quả trong các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý (4 lần/năm) và báo cáo đo kiểm môi trường định kỳ hàng năm của STK thì các chỉ số về môi trường vẫn nằm trong giới hạn quy định.

Trường hợp vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường: **không có**.

TRÁCH NHIỆM VỀ LAO ĐỘNG - XÃ HỘI - GRI 400



III.10 / Việc làm (GRI 401)

Mục tiêu 2019:

- > Đảm bảo chính sách phúc lợi cho người lao động;
- > Giảm tỷ lệ biến động nhân sự;

Kết quả 2019:

- > Tăng lương bình quân 7% cho người lao động;
- > Thưởng Tết hơn 2 tháng lương cho người lao động;
- > Tỷ lệ biến động nhân sự giảm 1,5% so với năm trước;

Phương pháp quản trị (GRI 103)

1. Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề (GRI 103-1)

Một trong những chiến lược tạo nên sự thành công của STK được đóng góp từ việc sử dụng và quản lý nguồn nhân lực một cách hiệu quả. Đồng thời, Công ty cũng xác định rõ vai trò quan trọng của việc phát triển nguồn nhân lực tại Công ty là động lực chính để hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp trong tương lai.

Phạm vi của chủ đề trọng yếu:

- + Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc;
- + Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian;
- + Nghỉ thai sản;

2. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

STK luôn chú trọng đến việc phát triển đội ngũ lao động chuyên nghiệp, có tay nghề và trình độ cao. Chính vì thế, trình độ học vấn và việc tuân thủ tinh thần kỷ luật lao động luôn là một trong các tiêu chí của chính sách tuyển dụng của Công ty.

Quy trình tuyển dụng được dựa trên nhu cầu sử dụng lao động thực tế của Công ty và khả năng đáp ứng các yêu cầu của vị trí tuyển dụng của ứng viên tham gia ứng tuyển, tuyệt đối không có trường hợp ngoại lệ. STK cam kết minh bạch trong quá trình tuyển dụng và đảm bảo môi trường làm việc công bằng, minh bạch với người ứng tuyển. Ngoài ra, Công ty còn nghiêm ngặt cam kết không sử dụng lao động trẻ em (dưới 18 tuổi).

| | |
|---|--|
| Chính sách | Kế hoạch tuyển dụng cho toàn Công ty 2019, chính sách và quy trình tuyển dụng tại Công ty, |
| Cam kết | Công ty cam kết minh bạch trong quá trình tuyển dụng và đảm bảo môi trường làm việc công bằng, minh bạch với người ứng tuyển, Tất cả lao động làm việc ở Công ty đều được tuân theo chế độ hợp đồng lao động của luật lao động Việt Nam, Tùy theo công việc, vị trí và đối tượng lao động, Công ty sẽ xác định loại hợp đồng có thời hạn nhất định hoặc không thời hạn theo luật lao động hiện hành, |
| Mục tiêu và chỉ tiêu | Duy trì nguồn nhân lực ổn định cho toàn Công ty |
| Trách nhiệm | Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành |
| Nguồn lực | Ban Điều Hành, phòng nhân sự, bộ phận tuyển dụng |
| Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại | Phòng nhân sự |
| Các biện pháp hành động cụ thể như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến | Xây dựng quy trình tuyển dụng minh bạch, Cải thiện chính sách phúc lợi và thăng tiến để duy trì nguồn nhân lực ổn định, Thực hiện công bằng dân chủ trong Công ty, Phối hợp với công đoàn xây dựng quy chế dân chủ và thảo ước lao động tập thể, |

3. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

Nhờ vào các chính sách lao động hợp lý và sự quan tâm của ban lãnh đạo Công ty, Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy tỷ lệ biến động nhân sự trong năm 2019 có giảm so với năm trước và tỷ lệ đáp ứng nhân sự cao hơn. Ngoài ra, các chính sách về lương thưởng, phúc lợi cũng được cải thiện so với năm trước, góp phần khích lệ, nâng cao đời sống của người lao động, tạo cơ hội cho người lao động làm việc cũng như gắn kết được lợi ích của doanh nghiệp với người lao động.

Tỷ lệ biến động nhân sự năm 2019: 21,6% giảm 1,5% so với năm 2018.

SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THÔI VIỆC (GRI 401-1)

Tổng số lượng nhân viên thuê mới trong kỳ báo cáo

| KHU VỰC | SỐ LƯỢNG | | | | | | TỶ LỆ | | | | | |
|--------------|----------|-------|-----|-----|-------|-----|-------|-------|-----|------|-------|-----|
| | NAM | | | NỮ | | | NAM | | | NỮ | | |
| | <30 | 30-50 | >50 | <30 | 30-50 | >50 | <30 | 30-50 | >50 | <30 | 30-50 | >50 |
| Đông Bắc Bộ | 1 | | | | | | 100% | | | | | |
| Tây Bắc Bộ | | | | | | | | | | | | |
| ĐB Sông Hồng | 2 | | | 1 | 1 | | 100% | | | 50% | 50% | |
| Bắc Trung Bộ | 7 | 3 | | 3 | | | 70% | 30% | | 100% | | |
| Nam Trung Bộ | 5 | | | | | | 100% | | | | 0 | |
| Tây Nguyên | 2 | 1 | | 1 | | | 66% | 34% | | 100% | | |
| Đông Nam Bộ | 114 | 45 | | 25 | 10 | | 71% | 29% | | 71% | 29% | |
| Miền Tây | 60 | 29 | | 10 | 2 | | 67% | 33% | | 83% | 17% | |
| Nước Ngoài | | | | 1 | | | | | | 100% | | |

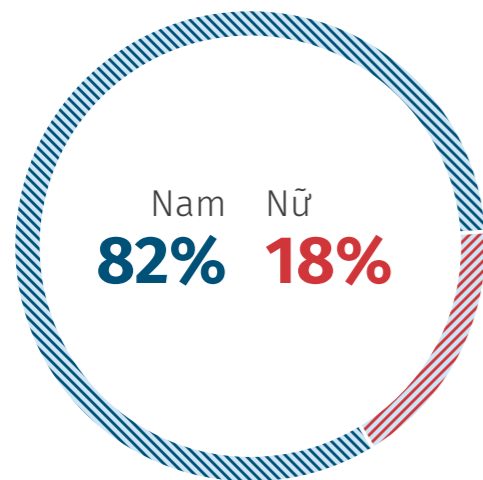
Tổng số lượng nhân viên thôi việc trong kỳ báo cáo

| KHU VỰC | SỐ LƯỢNG | | | | | | TỶ LỆ | | | | | |
|--------------|----------|-------|-----|-----|-------|-----|-------|-------|-----|------|-------|-----|
| | NAM | | | NỮ | | | NAM | | | NỮ | | |
| | <30 | 30-50 | >50 | <30 | 30-50 | >50 | <30 | 30-50 | >50 | <30 | 30-50 | >50 |
| Đông Bắc Bộ | | | | | | | | | | | | |
| Tây Bắc Bộ | | | | | | | | | | | | |
| ĐB Sông Hồng | 1 | 1 | | 1 | 2 | | 50% | 50% | | 33% | 67% | |
| Bắc Trung Bộ | 15 | 3 | | 3 | 1 | | 83% | 17% | | 75% | 25% | |
| Nam Trung Bộ | 7 | 2 | | 1 | | | 77% | 23% | | 100% | | |
| Tây Nguyên | 1 | 1 | | | | | 50% | 50% | | | | |
| Đông Nam Bộ | 117 | 61 | | 25 | 12 | | 66% | 34% | | 67% | 33% | |
| Miền Tây | 66 | 37 | | 16 | | | 64% | 36% | | 100% | | |
| Nước Ngoài | | | | | | | | | | | | |

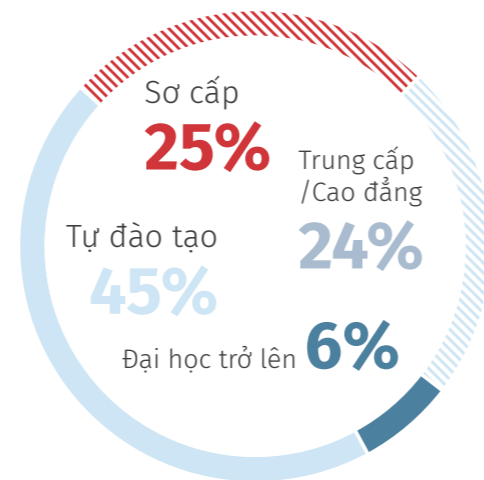
Thông tin tổng quan về lao động
chính thức đến hết 31/12/2019

963 người 

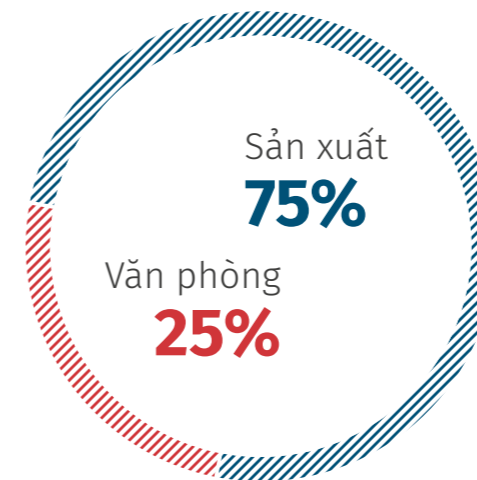
Giới tính



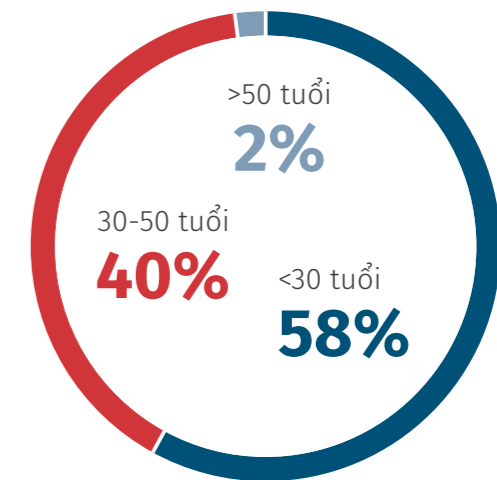
Trình độ



Cơ cấu nhân sự theo khối chức năng



Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi



III.10.2. PHÚC LỢI CUNG CẤP CHO NHÂN VIÊN TOÀN THỜI GIAN KHÔNG DÀNH CHO NHÂN VIÊN TẠM THỜI HOẶC BÁN THỜI GIAN (GRI 401-2)

Công ty không sử dụng lao động bán thời gian và lao động tạm thời. Công ty cam kết tất cả lao động làm việc ở Công ty đều được hưởng chính sách phúc lợi theo đúng quy định của Công ty, Cụ thể,

Giờ làm việc tại Công ty được đảm bảo là 08 giờ/ngày, 06 ngày/tuần. Khối văn phòng làm việc từ 08:00 đến 17:00 từ thứ 2 đến thứ 7. Đồng thời, do tính chất công việc, máy hoạt động 24/24 nên khối sản xuất sẽ làm việc cả ngày Chủ nhật, Lễ, Tết và thời gian làm việc được chia theo 3 ca. Công ty sẽ bố trí nghỉ bù bất cứ ngày khác trong tuần cho các lao động trên, không nhất thiết là Chủ nhật và đảm bảo chính sách chi trả thêm cho các ngày đó theo quy định của pháp luật. Trong một số thời điểm, do yêu cầu đẩy nhanh tiến độ sản xuất, thực hiện đơn hàng theo hợp đồng hoặc những yêu cầu phát sinh đột xuất khác thì việc làm thêm được thực hiện và đảm bảo theo các nguyên tắc sau: (1) trên cơ sở tự nguyện của người lao động; (2) không thường xuyên và không vượt quá 12 giờ/tuần; (3) Tổng thời gian không vượt quá 200 giờ/năm; (4) Tiền lương trong thời gian làm thêm sẽ được trả cao hơn so với thời gian làm chính thức và đảm bảo theo đúng luật định.

Lương cơ bản

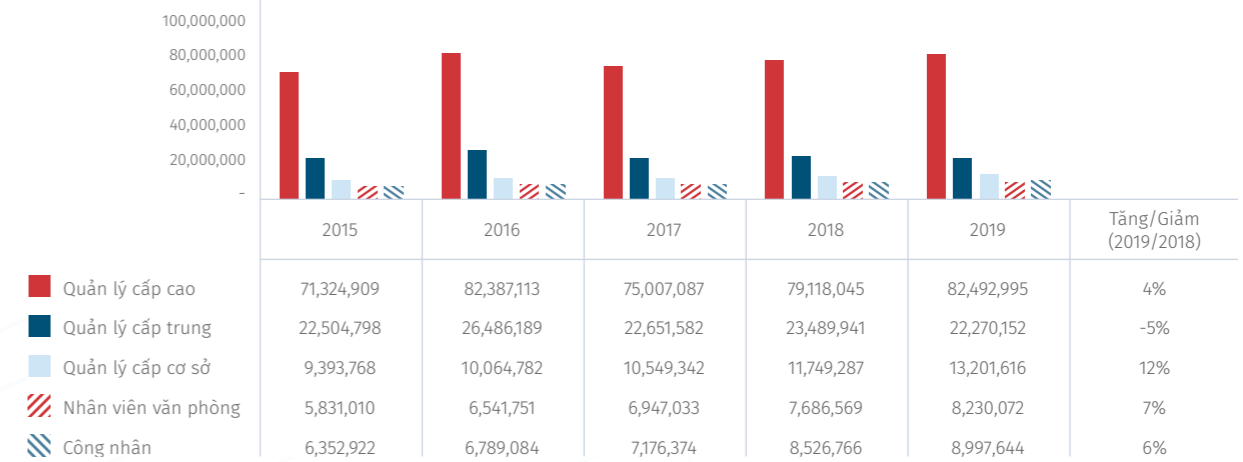
Công ty cam kết luôn căn cứ theo mức lương tối thiểu vùng theo từng năm để xây dựng, điều chỉnh hệ thống thang lương bằng lương phù hợp theo quy định của Nhà nước. Mức lương làm cơ sở tham gia bảo hiểm cho người lao động được căn cứ theo thang bảng lương của Công ty. Đồng thời, người lao động hàng năm luôn được thay đổi lương cơ bản kịp thời theo quy định của nhà nước.

| Khối văn phòng | Khối sản xuất |
|---|---|
| Tùy thuộc vào tính chất của từng vị trí công việc, Công ty sẽ xây dựng mức lương theo từng bậc tương ứng từng vị trí công việc. | Hưởng lương theo sản phẩm và theo hiệu suất làm việc, Đơn giá lương sản phẩm sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm. |

Lương thực lãnh

Công ty cam kết không áp dụng hình thức trừ lương nhân viên đối với các biện pháp kỷ luật lao động, ngoại trừ biện pháp chế tài bồi thường vật chất do gây ra thiệt hại theo phán quyết của Hội đồng kỷ luật công ty có sự tham gia của Ban chấp hành Công Đoàn cơ sở.

Thu nhập người lao động qua từng năm



Đánh giá sự thay đổi tình hình mức thu nhập bình quân của khối quản lý cấp cao và cấp trung tại doanh nghiệp trong 2019 có sự tăng trưởng bình quân 7% so với năm 2018, mức tăng trưởng chủ yếu là do biến động nhân sự thay đổi mới với các bậc lương mới cùng với chính sách nâng lương hàng năm của Công ty dẫn đến mức thu nhập bình quân của họ tăng trong năm 2019 so với năm 2018.

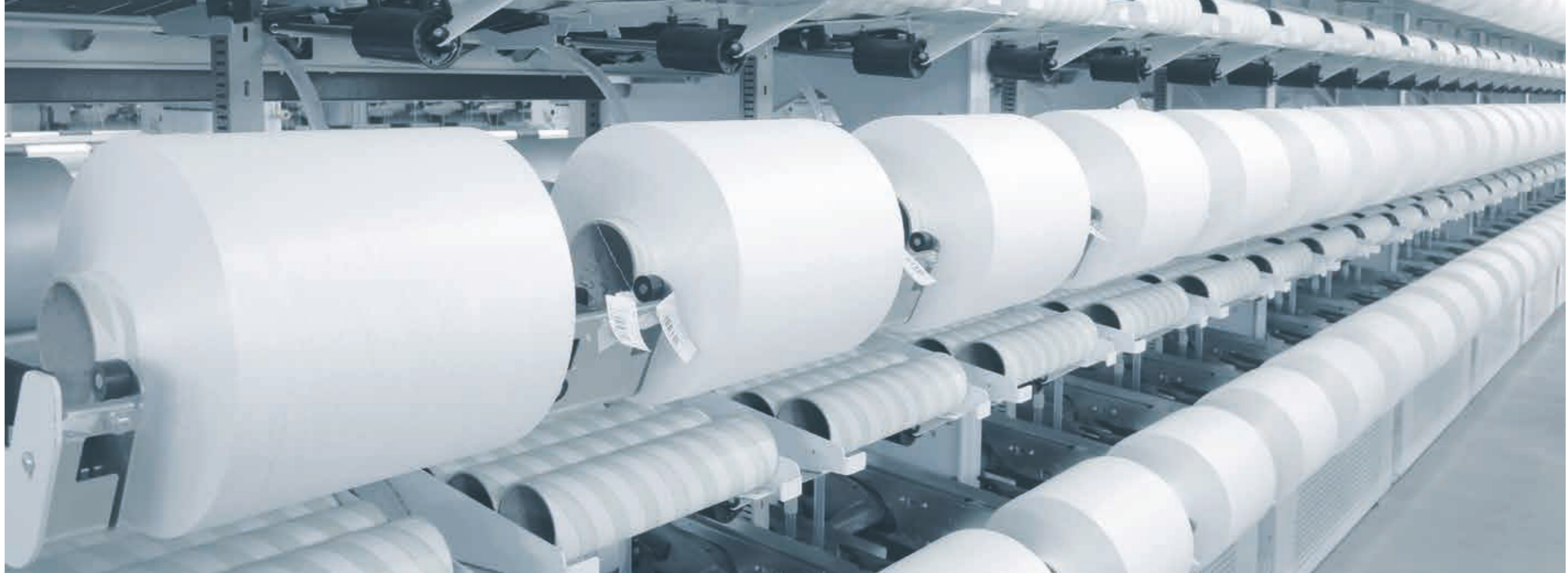
Tiền thưởng

Tiền thưởng cho người lao động được căn cứ theo quy chế trả lương thưởng của Công ty, được tính vào thu nhập hàng tháng nếu các cá nhân đạt được các tiêu chí thưởng theo quy chế, có các loại tiền thưởng như sau:

- > Thưởng tác nghiệp viên
- > Thưởng chấp hành nội quy
- > Thưởng hoàn thành nhiệm vụ
- > Thưởng bậc tay nghề
- > Thưởng theo doanh số bán hàng
- > Thưởng hiệu quả mua hàng
- > Thưởng cho vị trí bốc xếp/phụ kho/xe nâng
- > Thưởng các ngày Lễ

Ngoài tiền thưởng hàng tháng như trên, cuối năm Công ty sẽ trích thưởng cho CBCNV:

- > Thưởng Tết
- > Thưởng đột xuất theo hiệu quả hoạt động và kết quả doanh thu của Công ty trong năm



Chế độ bảo hiểm

Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo quy định của Nhà nước, tỷ lệ tham gia bảo hiểm của CBCNV Công ty là **100%**. Ngoài ra, Công ty thực hiện mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CB-CNV.

Phúc lợi

Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm chăm sóc đến đời sống của cán bộ công nhân viên làm việc tại Công ty thông qua việc hỗ trợ nhà trọ miễn phí cho CB-CNV, ưu tiên cho những trường hợp ở cách xa Công ty từ 30 km trở lên. Ngoài ra, Công ty còn đãi thọ bữa ăn giữa ca; bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các vị trí công việc có điều kiện làm việc nặng nhọc, độc hại; phép năm; khám sức khỏe định kỳ...và các loại phụ cấp: làm đêm, điện thoại, xăng...

Thỏa ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của Pháp luật là cầu nối hữu hiệu giữa người lao động và doanh nghiệp. Ngoài ra, các chế độ BHXH, BHYT được Công ty thực hiện đầy đủ cho người lao động thuộc diện bắt buộc đóng BHXH, chấp hành nghĩa vụ đóng BHXH đầy đủ và đúng hạn cho cơ quan BHXH Thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ tham gia các buổi thương lượng thỏa ước lao động tập thể và bảo hiểm của nhân viên tại Công ty là 100%.

Tại STK, tất cả chính sách lương, thưởng và phúc lợi đều được ban hành chi tiết, rõ ràng thành quy chế, thể hiện đầy đủ trong thỏa ước lao động tập thể, phù hợp với quy định hiện hành và được phổ biến công khai trong toàn Công ty.

III.10.4. NGHỈ THAI SẢN (GRI 401-3)

| | | |
|---|-----|------|
| Tổng số nhân viên được hưởng nghỉ thai sản | Nam | |
| | Nữ | 23 |
| Tổng số nhân viên đã nghỉ thai sản | Nam | |
| | Nữ | 23 |
| Tổng số nhân viên quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản | Nam | |
| | Nữ | 12 |
| Tổng số nhân viên quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản mà vẫn được tuyển dụng 12 tháng | Nam | |
| | Nữ | 12 |
| Tỷ lệ quay lại làm việc | Nam | |
| | Nữ | 52% |
| Tỷ lệ giữ chân nhân viên | Nam | |
| | Nữ | 100% |

III.11 / Giáo dục và đào tạo (GRI 404)

Mục tiêu 2019:

- > Tăng số giờ đào tạo trung bình ;
- > Xây dựng nhiều chương trình đào tạo nâng cao cho người lao động;
- > Tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động;

Kết quả 2019:

- > Số giờ đào tạo trung bình tăng 6% so với năm trước;
- > Tổ chức hơn 10 khóa đào tạo nâng cao tay nghề;
- > Tỷ lệ người lao động được đánh giá để phát triển nghề nghiệp 100%

Phương pháp quản trị (GRI 103)

1. Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề (GRI 103-1)

Nhằm mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng và dịch vụ tốt nhất, góp phần nâng cao trình độ và kỹ năng của người lao động, Công ty luôn chủ động cập nhật, cải tiến chất lượng và nội dung chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn mới của khách hàng cũng như nhu cầu sản xuất của Công ty.

Phạm vi của chủ đề trọng yếu:

- + Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên;
- + Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp
- + Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp;

2. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

Hàng năm, Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo và kết hợp với các đơn vị bên ngoài để xây dựng các khóa đào tạo cho toàn bộ CBCNV.

| | |
|---|--|
| Chính sách | Kế hoạch đào tạo năm 2019 |
| Cam kết | Công ty cam kết tạo điều kiện phát triển cho CBCNV thông qua việc nâng cao trình độ và kỹ năng tay nghề. |
| Mục tiêu và chỉ tiêu | Duy trì và phát triển nguồn nhân lực ổn định có tay nghề cao cho Công ty |
| Trách nhiệm | Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành |
| Nguồn lực | Ban Điều Hành, phòng nhân sự, bộ phận đào tạo |
| Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại | Phòng nhân sự |
| Các biện pháp hành động cụ thể như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến | Xây kế hoạch đào tạo cho từng năm. Cải thiện nội dung chương trình đào tạo phù hợp với Công ty. Kết hợp các đơn vị bên ngoài để phát triển thêm nhiều khóa đào tạo cho người lao động. |



3. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

Trong năm 2019, Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy hiệu quả cao từ các chương trình/khóa đào tạo mà Công ty đã tổ chức, thông qua hiệu suất làm việc của người lao động được nâng lên khá cao cùng với các kết quả vượt KPIs được đặt ra từ đầu năm.

III.11.1... SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH MỖI NĂM CHO MỖI NHÂN VIÊN (GRI 404-1)

Công ty tổ chức các khóa đào tạo cho toàn thể CBCNV trong năm. Vì vậy, số giờ đào tạo trung bình theo cấp bậc nhân viên và giới tính đều bằng nhau:

| | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 |
|--|-------------|-------|--------|--------|-------|
| Số lượng khóa đào tạo | 45 | 21 | 20 | 22 | 21 |
| Đào tạo nội bộ | 37 | 17 | 13 | 15 | 12 |
| Thuê ngoài | 8 | 4 | 7 | 7 | 9 |
| Ngân sách dành cho đào tạo (triệu đồng) | 809,7 | 439,8 | 175 | 184,8 | 205,8 |
| Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (triệu đồng) | 351,2 | 44,1 | 158,4 | 51,3 | 43,4 |
| Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (triệu đồng) (tính thêm lương cho nhân viên đào tạo) | 1,2 tỷ đồng | 900,5 | 821 | | 973,4 |
| Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách | 43% | 10% | 87% | 28% | 21% |
| Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm) | 188,27 | 207,2 | 222,34 | 130,83 | 138,4 |

III.11.2... CÁC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO KỸ NĂNG CHO NHÂN VIÊN VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ CHUYỂN TIẾP (GRI 404-2)

Công ty định kỳ hàng năm thực hiện các chương trình đào tạo với khung nội dung về kiến thức cơ bản về Công ty, văn hóa Công ty, sản phẩm của Công ty, ISO/5S/KAIZEN/LEAN/SAP/POC, an toàn lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp, ý thức nghề nghiệp, đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo trưởng ca.

Hình thức đào tạo: đào tạo nội bộ và thuê ngoài



Nhằm hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng trong quá trình sản xuất cũng như hiệu quả quản trị nhà máy. Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo cho tác nghiệp viên, công nhân, kỹ thuật viên khối sản xuất.

Ngoài các nội dung cơ bản được huấn luyện hàng năm, trong năm 2019 Công ty đã đưa vào những chương trình đào tạo đặc biệt như sau:

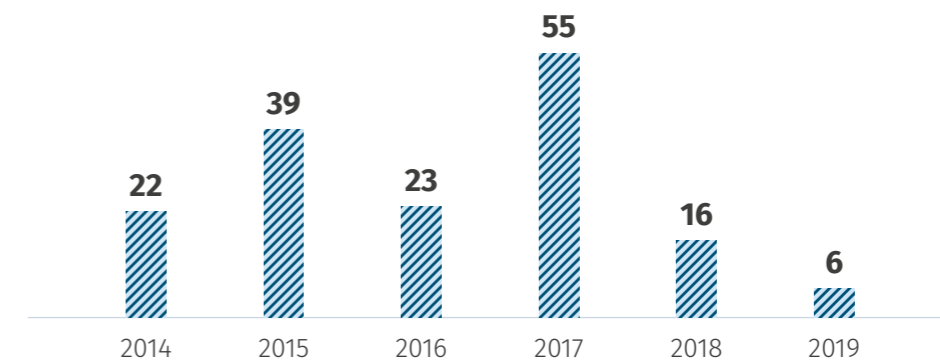
| TÊN KHÓA ĐÀO TẠO | ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÀO TẠO | THỜI GIAN ĐÀO TẠO (GIỜ) | SỐ LƯỢNG THAM GIA (NGƯỜI) | | | LOẠI | |
|---|---------------------|-------------------------|---------------------------|--------------|-----------|--------|------------|
| | | | QUẢN LÝ | NHÂN VIÊN VP | CÔNG NHÂN | NỘI BỘ | THUÊ NGOÀI |
| Lớp đào tạo hóa chất | CB - CNV | 240 | | | 60 | × | |
| Kỹ thuật An toàn hóa chất (nhóm 3) | CB - CNV | 744 | | | 31 | | × |
| Đào tạo sơ cấp cứu | CB - CNV | 400 | | 35 | 65 | | × |
| Đào tạo PCCC | CB - CNV | 400 | | 35 | 65 | | × |
| Đào tạo quy trình sản xuất POY | Kinh doanh | 25,5 | | 17 | | × | |
| Đào tạo quy trình sản xuất DTY | Kinh doanh | 25,5 | | 17 | | × | |
| Khóa đào tạo về biến tần (inverter) | Utility | 744 | 10 | | 21 | | × |
| "Hướng dẫn quy tắc xuất xứ hàng hóa, tra cứu thuế nhập khẩu; đọc hiểu quy tắc cụ thể mặt hàng và cách áp dụng hiệu quả các điều kiện ưu đãi thuế quan trong CPTPP áp dụng từ ngày 08/03/2019" | XNK + KD | 16 | 1 | 1 | | | × |
| Khóa tập huấn nghiệp vụ: "Cơ chế chứng nhận xuất xứ đối với doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng hóa vào Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ" | XNK | 16 | | 1 | | | × |
| Khóa học: "Hướng dẫn vận dụng Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến Bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)" | KD | 16 | | 1 | | | × |
| Khóa học: "Hướng dẫn về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, Cơ chế Rex và thuế XNK ưu đãi đặc biệt trong CPTPP" | XNK + KD | 32 | | 2 | | | × |

III.11.3... TỶ LỆ PHẦN TRĂM NHÂN VIÊN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP (GRI 404-3)

Về chính sách đề bạt: để có được một đội ngũ thừa hưởng và tiếp nối thành công của Công ty, STK luôn chú trọng khuyến khích và duy trì một chính sách đề bạt, bộ nhiệm CBCNV của Công ty một cách minh bạch và nghiêm túc. Nếu nhân viên có đủ năng lực và có thể ứng tuyển vào vị trí cao hơn thì phòng nhân sự sẽ kết hợp cùng cấp chủ quản trong việc theo dõi, định hướng và đánh giá năng lực của nhân viên, nếu kỹ năng của nhân viên đạt trên 70% tiêu chuẩn thì nhân viên đó sẽ được trải qua quá trình đào tạo, thử thách trong 2-3 tháng trước khi chính thức được bổ nhiệm vào vị trí cao hơn. Trong năm 2019 số lượng nhân viên được đề bạt lên các vị trí cao hơn là 6 người với 3 nam và 3 nữ.

Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp: **100%** (nam: 100%, nữ: 100%)

Số lượng nhân viên được đề bạt qua các năm (người)



III.12 / An toàn và sức khỏe nghề nghiệp (GRI 403)

Mục tiêu 2019:

- > Giảm số vụ tại nạn lao động và bệnh nghề nghiệp;
- > Đảm bảo tất cả người lao động được trang bị kiến thức an toàn-vệ sinh-lao động;
- > Đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động;

Kết quả 2019:

- > Số vụ tại nạn và bệnh nghề nghiệp: 0 vụ;
- > Tỷ lệ người lao động được huấn luyện AT-VS-LĐ: 100%;
- > Kết quả báo cáo đo đạt môi trường lao động đạt tiêu chuẩn theo quy định của nhà nước;

Phương pháp quản trị (GRI 103)

1. Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề (GRI 103-1)

Nhằm đảm bảo việc xây dựng và cung cấp môi trường làm việc an toàn, hiệu quả cho người lao động theo Bộ luật lao động Việt Nam hiện hành, thỏa ước quốc tế ILO và tiêu chuẩn GRS – V4,0 về các tiêu chuẩn nghiêm ngặt an toàn lao động và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Công ty đã ban hành và áp dụng chặt chẽ các chính sách về an toàn - vệ sinh - lao động.

Phạm vi của chủ đề trọng yếu:

- + Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động ;
- + Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc;
- + Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn;

2. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

- > Tuân thủ và đáp ứng các yêu cầu pháp luật Nhà nước liên quan sức khỏe, an toàn lao động cho toàn thể người lao động, các nhà cung ứng và các bên liên quan trong suốt quá trình hoạt động của Công ty.
- > Nhận diện, đánh giá và có biện pháp phòng tránh và kiểm soát các rủi ro trước khi bắt đầu mọi công việc.
- > Các thiết bị bảo hộ lao động được cung cấp cho người lao động đầy đủ.
- > Đảm bảo cung cấp các phương tiện hỗ trợ y tế cần thiết cho tất cả người lao động.
- > Cung cấp đầy đủ thiết bị, phương tiện đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ.
- > Đảm bảo người lao động được đào tạo, huấn luyện đầy đủ trước khi làm việc. Thường xuyên huấn luyện về sức khỏe, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, quản lý chất thải, vận chuyển và xử lý hóa chất và các nguyên vật liệu nguy hiểm cho người lao động và các cấp quản lý theo quy định pháp luật hiện hành.

- > Tuyên truyền chính sách đến tất cả mọi người.
- > Đảm bảo tính tuân thủ của mọi người, mọi cấp trong Công ty với chính sách này.
- > Định kỳ 6 tháng một lần, Tổng Giám Đốc sẽ xem xét đánh giá điều chỉnh, bổ sung những bất cập của chính sách cho phù hợp với Luật định.
- > Tham vấn các chính sách liên quan để các bên có thể kịp thời đóng góp và nâng cao tính hiệu quả áp dụng của các chính sách trong hoạt động sản xuất của Công ty.

| | |
|---|---|
| Chính sách | Chính sách an toàn – vệ sinh – lao động theo tiêu chuẩn GRS 4,0, quy định về an toàn lao động theo nghị định 44/2016/NĐ-CP |
| Cam kết | Công ty cam kết xây dựng môi trường làm việc an toàn và thoải mái nhất đối với người lao động, |
| Mục tiêu và chỉ tiêu | Giảm thiểu rủi ro về an toàn lao động cho người lao động khi làm việc tại Công ty |
| Trách nhiệm | Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành |
| Nguồn lực | Ban Điều Hành, phòng tổng vụ, cán bộ chuyên trách an toàn- vệ sinh- lao động, mạng lưới vệ sinh viên, |
| Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại | Phòng tổng vụ |
| Các biện pháp hành động cụ thể như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến | Thực hiện kiểm định an toàn máy móc, thiết bị định kỳ Huấn luyện an toàn - vệ sinh - lao động định kỳ cho toàn thể người lao động Tập huấn định kỳ sơ cấp cứu và phòng cháy chữa cháy cho toàn thể Công ty Xây dựng hệ thống chính sách và quy trình hướng dẫn an toàn - vệ sinh - lao động tại Công ty Cung cấp đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động |

3. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

Trong năm 2019, Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy các khoản ngân sách dành cho công tác chăm sóc sức khỏe người lao động và tuyên truyền được chú trọng nâng cao, góp phần cải thiện sức khỏe cho người lao động đang làm việc tại Công ty, đồng thời thể hiện sự quan tâm, chăm sóc của Ban lãnh đạo đến với toàn bộ tập thể CBCNV Sợi Thế Kỷ. Bên cạnh đó, Công ty ngày càng chú trọng và nâng cao hiệu quả của công tác huấn luyện và tuyên truyền ATLĐ cho người lao động tại Công ty kết hợp với công tác giám sát và quản lý chặt chẽ SOP theo tiêu chuẩn ISO và GRS nên số vụ tại nạn lao động ghi nhận qua các năm và số giờ làm thêm bình quân của người lao động đều có giảm đáng kể.

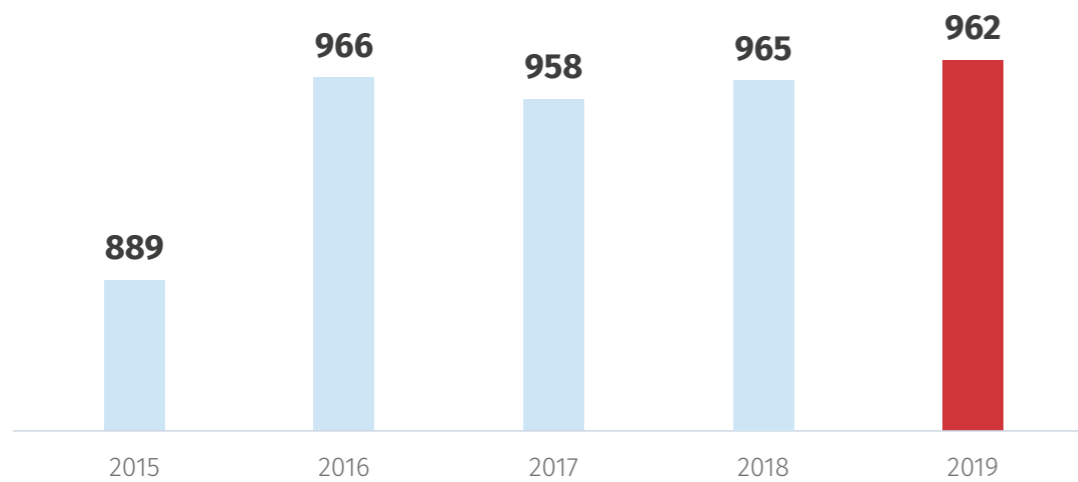
III.12.1... ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC LIÊN ỦY BAN AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP CHÍNH THỨC GIỮA BAN LÃNH ĐẠO VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG (GRI 403-1)

Tại STK, ban an toàn - vệ sinh - lao động của Công ty bao gồm cán bộ chuyên trách an toàn - vệ sinh - lao động và mạng lưới vệ sinh viên. Ban an toàn - vệ sinh - lao động có nhiệm vụ đảm bảo các công tác an toàn - vệ sinh - lao động tại Công ty tuân thủ theo các quy định và chính sách an toàn lao động. Ngoài ra, định kỳ ban an toàn - vệ sinh - lao động sẽ tổ chức các khóa tập huấn và tuyên truyền về an toàn tại nơi làm việc, diễn tập phòng cháy chữa cháy, sơ cấp cứu, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lập báo cáo công tác an toàn - lao động tại Công ty và gửi về Sở Lao Động Thương Binh Xã Hội TPHCM và Tây Ninh, nhằm báo cáo các hoạt động an toàn lao động và số trường hợp bị tai nạn lao động tại Công ty.

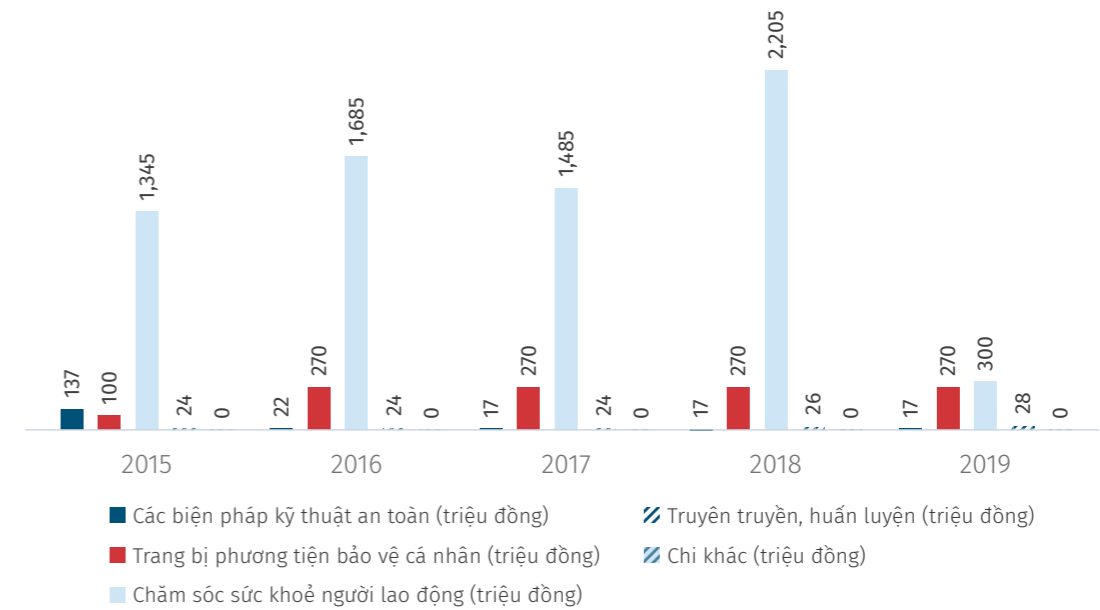
- + Mạng lưới an toàn vệ sinh viên: **96 người** (nam: 86 người, nữ: 10 người)
- + Tỷ lệ phần trăm người lao động mà công việc hoặc nơi làm việc của họ do tổ chức kiểm soát, được đại diện trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động: **10%**

III.12.2... LOẠI THƯƠNG TÍCH VÀ TỶ LỆ THƯƠNG TÍCH, BỆNH NGHỀ NGHIỆP, NGÀY CÔNG BỊ MẤT, TÌNH TRẠNG VẮNG MẶT VÀ SỐ VỤ TỬ VONG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG VIỆC (GRI 403-2)

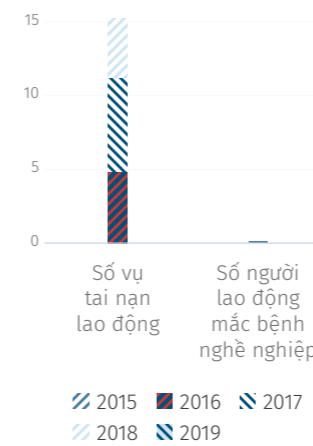
Tổng số CB-CNV được huấn luyện về vệ sinh lao động



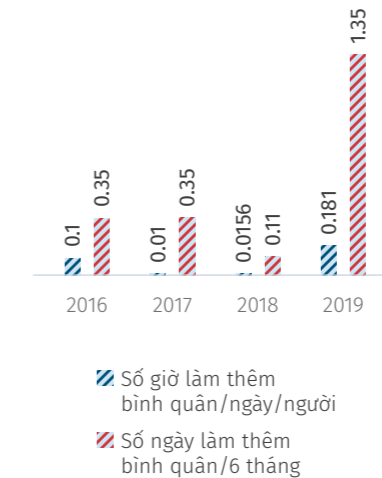
Tổng chi phí thực hiện kế hoạch an toàn-vệ sinh lao động (triệu đồng)



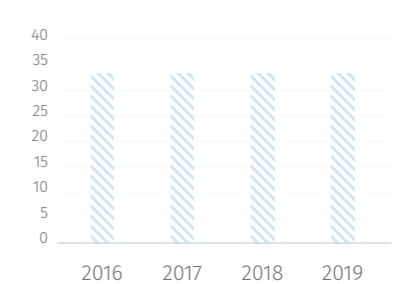
Số vụ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp (vụ)



Thời gian làm việc trung bình



Máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ



Trong đó:

| SỐ VỤ TẠI NẠN LAO ĐỘNG | LOẠI THƯƠNG TÍCH, TỶ LỆ THƯƠNG TÍCH | TỶ LỆ BỆNH NGHỀ NGHIỆP | TỶ LỆ NGÀY CÔNG BỊ MẤT | TỶ LỆ VẮNG MẶT | TỬ VONG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG VIỆC |
|------------------------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|----------------|---------------------------------|
| 0 vụ | Nam | Không có | 0% | 0% | 0 |
| | Nữ | Không có | 0% | 0% | 0 |

(Dựa theo báo cáo công tác an toàn-vệ sinh lao động của doanh nghiệp năm 2019 gửi Sở lao động-Thương binh và Xã hội TP.HCM và Tây Ninh-ngày 09-01-2020)



III.12.3. ĐO KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Nhằm mục tiêu bảo vệ sức khỏe cho người lao động đang làm việc tại Công ty, STK luôn chủ động thực hiện các biện pháp đo kiểm để phòng tránh bệnh nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Năm 2019, Công ty phối hợp với Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động thực hiện đo kiểm môi trường lao động nhằm kiểm tra và xác định các yếu tố môi trường có thể tác động đến sức khỏe của người lao động cũng như đề xuất các biện pháp làm giảm tác động của các nguy cơ đó đến môi trường làm việc của người lao động.

Phương pháp đo kiểm môi trường: Thực hiện đo đạt các chỉ số vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, nồng độ bụi, hơi khí độc tại các vị trí kỹ thuật theo thường quy kỹ thuật của Viện Y học Lao Động và Vệ sinh môi trường – nhà xuất bản Y học năm 2002.

Tiêu chuẩn áp dụng:

- > Tiêu chuẩn vệ sinh lao động Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT
- > Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5508:2009 - vi khí hậu nơi làm việc
- > Tiêu chuẩn QCVN 24:2016/BYT

Kết quả đo kiểm môi trường lao động Công ty 2019 ghi nhận:

Xem thêm [kết quả đo kiểm môi trường lao động – nồng độ bụi- vi khí hậu- ánh sáng- tiếng ồn- hơi khí độc bụi](#) tại [Phụ Lục 3](#).

III.12.4. CÁC CHỦ ĐỀ VỀ SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG THỎA THUẬN CHÍNH THỨC VỚI CÔNG ĐOÀN (GRI 403-4)

Thỏa ước lao động tập thể của Công ty có các nội dung đề cập đến vấn đề sức khỏe và an toàn lao động. Trong thỏa ước lao động tập thể, Công ty có 11% các đề mục đề cập đến sức khỏe và an toàn lao động trên tổng số các đề mục được đề cập trong thỏa ước lao động tập thể.

III.13 / An toàn và sức khỏe khách hàng (GRI 416)

Mục tiêu 2019:

- > Cung cấp sản phẩm chất lượng và an toàn sức khỏe cho khách hàng;

Kết quả 2019:

- > Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ:
 1. Không có các vụ việc không tuân thủ quy định dẫn đến phạt tiền hoặc xử phạt;
 2. Không có các vụ việc không tuân thủ quy định dẫn đến bị cảnh cáo;
 3. Không có các vụ việc không tuân thủ bộ luật tự nguyện;

Phương pháp quản trị (GRI 103)

1. Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề (GRI 103-1)

STK luôn không ngừng nâng cao và phát triển chất lượng của sản phẩm, dịch vụ hướng tới mục tiêu luôn mang đến cho khách hàng những sản phẩm dịch vụ chất lượng cao thông qua các kênh đầu tư và thường xuyên kiểm tra, nâng cấp cho hệ thống cơ sở vật chất của công ty cũng như trang thiết bị máy móc sản xuất tiên tiến theo các hệ tiêu chuẩn hiện đại Châu Âu từ nhà cung ứng chất lượng cao của Đức (Oerlikon Barmag), Công ty luôn sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào chất lượng cao do các nhà sản xuất có uy tín cung cấp và chủ động thay đổi nhà cung cấp để đáp ứng nhu cầu chất lượng thay đổi của khách hàng, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về sử dụng hóa chất cũng như các quy trình sản xuất nghiêm ngặt tại Công ty.

Phạm vi của chủ đề trọng yếu:

- + Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm và dịch vụ;
- + Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ;

2. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

Với chiến lược tập trung vào phân khúc sản phẩm chất lượng cao nên STK luôn chú trọng vào việc đầu tư máy móc và công nghệ. Máy móc thiết bị của Công ty được chế tạo bởi Tập đoàn hàng đầu châu Âu Oerlikon Barmag. Với công nghệ sản xuất mới nhất từ chất lượng Châu Âu, những máy móc thiết bị này sẽ đảm bảo cho chất lượng của sản phẩm được ổn định, giúp tiết kiệm năng lượng đáng kể, góp phần bảo vệ môi trường và gia tăng tính cạnh tranh của sản phẩm về mặt giá thành.

Công ty đưa hệ thống điều khiển trung tâm Plant Operation Center (“POC”) vào áp dụng trong sản xuất, POC có các ứng dụng như quản lý điều kiện sản xuất, kiểm soát hiệu quả sản xuất, kiểm soát chất lượng. Với các ứng dụng nêu trên Công ty có thể gia tăng hiệu quả sản xuất cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm hơn nữa, nhằm đem lại sự hài lòng tốt nhất cho khách hàng đồng thời giúp gia tăng năng suất lao động cho Công ty.

Áp dụng các phương thức quản trị hiện đại:

- > **ISO 9001- 2015, ISO 27001:** Đảm bảo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng qui trình đã thiết lập và chuẩn mực của ngành.
- > **GRS V4,0:** Nhằm để kiểm soát và đảm bảo quá trình sản xuất và kinh doanh sợi recycled thực hiện đúng, đầy đủ theo tiêu chuẩn.
- > **5S:** Giúp tạo dựng môi trường làm việc an toàn, thuận tiện, sạch sẽ, ngăn nắp và loại bỏ những thứ không cần thiết nhằm gia tăng hiệu quả công việc, giảm thời gian lãng phí, là nền tảng cơ bản để có thể thực hiện những phương thức khác ở mức cao hơn là Kaizen và sản xuất tinh gọn (“LEAN”).
- > **Kaizen:** Liên tục cải tiến qui trình hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả công việc và chất lượng sản phẩm.
- > **Sản xuất tinh gọn:** là phương pháp cải tiến có hệ thống, liên tục tập trung vào việc loại bỏ các lãng phí trong quá trình sản xuất, giúp tối ưu hóa nguồn lực, rút ngắn chu kỳ sản xuất đồng thời tăng khả năng đáp ứng một cách linh hoạt các yêu cầu không ngừng biến động và khắt khe của khách hàng.

| | |
|---|--|
| Chính sách | Quy trình và chính sách của hệ thống ISO 9001-2015, GRS v4,0, 5s, Reach 168, OEKO – TEX 100 |
| Cam kết | Công ty cam kết cung cấp sản phẩm chất lượng và an toàn tuyệt đối đến khách hàng |
| Mục tiêu và chỉ tiêu | Thỏa mãn nhu cầu khách hàng và nâng cao uy tín trên thị trường |
| Trách nhiệm | Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành |
| Nguồn lực | Ban Điều Hành, phòng tổng vụ, bộ phận ISO, bộ phận sản xuất |
| Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại | Phòng tổng vụ |
| Các biện pháp hành động cụ thể như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến | Định kỳ hàng năm đánh giá các chứng chỉ chất lượng và đảm bảo an toàn không sử dụng hóa chất độc hại trong sản phẩm. Thay thế và áp dụng hệ thống máy móc sản xuất hiện đại đạt chuẩn Châu Âu. Tuân thủ các quy trình quản lý an toàn chất lượng sản phẩm từ đầu vào trong qua trình sản xuất và trước khi đến tay khách hàng. |

3. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

Với nỗ lực từ đội ngũ sản xuất của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy tỷ lệ chất lượng của sản phẩm được cải thiện đáng kể cùng với việc giảm tiêu hao nguồn nguyên, vật liệu và khách hàng hài lòng hơn với tỷ lệ khiếu nại giảm, STK ghi nhận kết quả sản xuất, kinh doanh đạt mục tiêu kế hoạch đề ra đầu năm 2019.

III.13.1... ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA CÁC LOẠI SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ (GRI 416-1)

STK cam kết mang lại những sản phẩm chất lượng cao được thể hiện qua quy trình hoạt động chặt chẽ từ khâu kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, quản lý quá trình sản xuất, cho đến quá trình tái kiểm tra sản phẩm để đánh giá chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo đúng theo yêu cầu đơn đặt hàng.

CÔNG VIỆC KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG ĐƯỢC THỰC HIỆN Ở CÁC BỘ PHẬN SAU:

- > **Bộ phận thu mua:** thực hiện nghiệm thu tất cả NVL đầu vào để nhận dạng và loại trừ các NVL dị thường trước khi sản xuất, đánh giá chất lượng NVL trong quá trình sản xuất để kiến nghị nhà cung cấp xử lý các khuyết điểm nhỏ nhằm mang lại sự ổn định cho NVL cũng như là chất lượng sản phẩm, Bên cạnh đó, bộ phận thu mua còn phải đảm bảo NVL được mua phải tuân thủ theo bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (MSDS)
- > **Đối với nhà máy, Cơ điện, Bảo trì:** thực hiện kiểm soát chất lượng công việc và sản phẩm trong quá trình sản xuất để nhận dạng lỗi nhằm loại bỏ các sản phẩm không đạt chất lượng
- > **Bộ phận kiểm soát chất lượng (QC- Quality Control)** gồm hơn 180 nhân viên thực hiện kiểm tra chất lượng 100% cho bán thành phẩm POY và các sản phẩm cuối cùng như DTY và FDY, Ngoài ra bộ phận này còn chịu trách nhiệm kiểm soát các thông số kỹ thuật của máy móc

THÔNG QUA CÁC HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ:

- > **Reach 168:** Công ty đã được tổ chức SGS cấp giấy chứng nhận sản phẩm của STK tuân thủ các quy định về việc không sử dụng các chất độc hại theo quy định REACH do Cục Hóa Chất Châu Âu ban hành nhằm bảo vệ sức khỏe con người và môi trường trước các rủi ro gây ra bởi hóa chất.
- > **GRS:** Công ty cũng đạt được chứng chỉ The Global Recycle Standard (GRS), Đây là một tiêu chuẩn sản phẩm cho việc triển khai và xác minh thành phần của nguyên vật liệu tái chế trong sản phẩm cuối cùng, đồng thời vẫn đảm bảo những điều kiện nghiêm ngặt trong quá trình sản xuất. Để đạt được chứng chỉ này, STK đã thực hiện các tiêu chuẩn khắt khe về bảo vệ môi trường, an toàn lao động, sức khỏe con người, cam kết không sử dụng hóa chất độc hại.
- > **OEKO-TEX 100:** để nâng cao uy tín về chất lượng được đảm bảo, Công ty cũng đạt được chứng chỉ OEKO-TEX 100 cho hai sản phẩm sợi của Công ty là sợi DTY và sợi FDY. Đây là một hệ thống tiêu chuẩn độc lập - do hiệp hội quốc tế về nghiên cứu và kiểm nghiệm trong lĩnh vực dệt may (International Association for Research and Testing in the Field of Textile Ecology (Oeko-Tex) trụ sở chính tại Zurich (Thụy Sĩ) xây dựng. Kết quả kiểm nghiệm cho thấy sản phẩm sợi của STK đáp ứng được các yêu cầu liên quan đến sản phẩm không chứa hóa chất độc hại, thân thiện với môi trường và đảm bảo sức khỏe con người theo Tiêu chuẩn OEKO-TEX 100, STK cam kết thực hiện các tiêu chuẩn nghiêm ngặt trong việc bảo vệ môi trường, an toàn - sức khỏe của người lao động và tiêu dùng, Mọi kiểm nghiệm được thực hiện bởi các viện nghiên cứu, viện kiểm nghiệm độc lập, được lựa chọn có đủ kiến thức chuyên môn.

Tỷ lệ phần trăm các loại sản phẩm hoặc dịch vụ quan trọng đã được đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn để cải thiện: 100% các sản phẩm đều được đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn.



III.13.2... CÁC VỤ VIỆC KHÔNG TUÂN THỦ LIÊN QUAN ĐẾN TÁC ĐỘNG SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ (GRI 416-2)

Thực hiện tôn chỉ đặt việc phục vụ khách hàng lên hàng đầu trong Công ty, đội ngũ nhân viên STK luôn cố gắng hết mình để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Trong bối cảnh thị trường ngày càng khó khăn, Công ty đã nỗ lực cạnh tranh với đối thủ bằng chính dịch vụ vượt trội của mình không ngừng củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, mang lại cho khách hàng dịch vụ và những hậu mãi tốt nhất, Bên cạnh việc cam kết giao hàng nhanh, đúng và đủ số lượng, STK còn hỗ trợ tư vấn cho khách hàng về các quy cách sản phẩm sao cho phù hợp với nhu cầu của họ. Nhân viên bộ phận chăm sóc khách hàng và quản lý chất lượng của Công ty thường xuyên trực tiếp đến nhà máy của khách hàng để đánh giá kết quả sử dụng sản phẩm sợi của Công ty và đưa ra báo cáo đặc tính sản phẩm sợi.

Ngoài ra, bộ phận kinh doanh và chăm sóc khách hàng của Công ty thường xuyên định kỳ 6 tháng/lần thực hiện khảo sát, phỏng vấn về sự thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, đồng thời luôn không ngừng nỗ lực để đưa ra những giải pháp nhằm xử lý các khiếu nại của khách hàng một cách linh hoạt, nhanh chóng và hiệu quả nhất nhằm đảm bảo sự hài lòng của khách hàng được phục vụ một cách đầy đủ.

Trong năm 2019, các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ:

1. Các vụ việc không tuân thủ quy định dẫn đến phạt tiền hoặc xử phạt: không có;
2. Các vụ việc không tuân thủ quy định dẫn đến bị cảnh cáo: không có;
3. Các vụ việc không tuân thủ bộ luật tự nguyện: không có;



III.14 / Cộng đồng địa phương (GRI 413)

Mục tiêu 2019:

- > Phát triển cộng đồng địa phương;
- > Đảm bảo chống tham nhũng;

Kết quả 2019:

- > Trao học bổng cho các trường cao đẳng địa phương: 13 suất học bổng;
- > Số vụ tham nhũng: 0 vụ;

Phương pháp quản trị (GRI 103)

1. Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề (GRI 103-1)

Nhằm hướng tới phát triển cộng đồng địa phương và nâng cao mức sống cho người lao động địa phương, Công ty đã nỗ lực thực hiện các dự án phát triển cộng đồng địa phương nhằm nâng cao mức thu nhập và trình độ dân trí cho người dân, góp phần đóng góp vào công tác xóa đói-giảm nghèo tại địa phương, cải thiện cơ sở vật chất và điều kiện sống cho người dân địa phương.

Phạm vi của chủ đề trọng yếu:

- + Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển;
- + Những hoạt động có tác động tiêu cực tiềm ẩn và tác động tiêu cực thực tế đáng kể tới cộng đồng địa phương;

2. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

Hướng tới việc cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế bền vững và các hoạt động đóng góp cho lợi ích của cộng đồng và xã hội, hàng năm Công ty đều đề ra ngân sách cho việc phát triển các dự án cộng đồng như quỹ trao học bổng cho các học sinh-sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tại các trường trung cấp và cao đẳng tại địa phương, chương trình phát quà thiếu nhi và trao thưởng học sinh giỏi cho con, em CBCNV Công ty có thành tích học tập tốt, quỹ hỗ trợ và giúp đỡ người lao động có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương nơi Công ty hoạt động

| | |
|-----------------------------|---|
| Chính sách | Chính sách phát triển cộng đồng địa phương theo tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội của GRS v4,0 |
| Cam kết | Công ty cam kết thực hiện trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương , |
| Mục tiêu và chỉ tiêu | Nâng cao mức thu nhập, trình độ dân trí và điều kiện sống của người lao động địa phương |
| Trách nhiệm | Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành |



| | |
|---|---|
| Nguồn lực | Phòng tổng vụ, phòng nhân sự, công đoàn, bộ phận đào tạo |
| Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại | Phòng nhân sự, công đoàn |
| Các biện pháp hành động cụ thể như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến | Xây dựng các quỹ trợ cấp học bổng cho học sinh/sinh viên, Liên tục mở rộng quy mô sản xuất thông qua các dự án mới của Công ty, nhằm tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động địa phương, Ủng hộ và chủ động thực hiện các chính sách và quy định mới của nhà nước và cộng đồng địa phương, |

3. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

Các hoạt động đóng góp cho cộng đồng - địa phương trong năm 2019 được thực hiện tốt nhờ vào sự cam kết tuân thủ của Công ty đối với các chính sách và chủ trương của nhà nước. Ngoài ra, các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và địa phương còn được đẩy mạnh hơn thông qua hoạt động tài trợ cho các quỹ học bổng tại các trường học địa phương và tạo ra nhiều công ăn việc làm hơn cho người lao động địa phương từ các dự án mới của Công ty.

III.14.1... NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN (GRI 413-1)

Các đánh giá tác động xã hội, bao gồm đánh giá tác động về giới tính, dựa trên quy trình có sự tham gia của cộng đồng: người lao động địa phương được tham gia đối thoại định kỳ hàng quý tại Công ty, thông qua đó người lao động địa phương có thể đóng góp ý kiến và nhận xét về các tiêu chuẩn lao động - xã hội tại Công ty,

Các đánh giá tác động môi trường và theo dõi liên tục: định kỳ Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp tiến hành kiểm tra và đánh giá tác động môi trường của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng chủ động thực hiện báo cáo quan trắc môi trường để đảm bảo các hoạt động sản xuất và kinh doanh của mình không gây tác động đến môi trường và cộng đồng địa phương.

Công bố thông tin công khai về các kết quả đánh giá tác động môi trường và xã hội: các báo cáo và thông tin tác động về môi trường và xã hội đều được công bố minh bạch thông qua website Công ty ở mục phát triển bền vững, đồng thời các thông tin và đánh giá tác động về môi trường còn được trình bày trong báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững, được công bố đến các bên liên quan.

Các quy trình tiếp nhận và giải quyết khiếu nại chính thức cho cộng đồng địa phương: Công ty tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan trong đó có cộng đồng địa phương thông qua email và số điện thoại Công ty được công khai trên website Công ty. Mọi ý kiến đóng góp của các bên liên quan đều được Công ty tiếp nhận, xem xét và phản hồi đến các bên liên quan.

Trong năm 2019, Công ty tiếp tục xây dựng quỹ học bổng cho học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục tại địa phương chung tay cùng nhà nước xây dựng và nâng cao trình độ, xóa mù chữ và chất lượng giáo dục tại địa phương với kinh phí hơn 13 triệu đồng và hơn 13 suất học bổng tại các trường Trung Cấp Nghề Củ Chi, Cao Đẳng Nghề Tây Ninh.



Tuân thủ và ủng hộ chủ trương của nhà nước

Công ty cam kết và nghiêm túc thực hiện các chính sách và quy định của pháp luật ban hành, luôn tôn trọng và tuân thủ chủ trương của nhà nước đề ra. Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc không chấp hành các quy định chủ trương của nhà nước.

Đồng thời, TGD là người đại diện cao nhất của Công ty cam kết luôn nghiêm túc chấp hành và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chính sách xã hội, pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn khác trong doanh nghiệp, cụ thể:

- > Cam kết thực hiện chính sách lao động tự nguyện, không đặt cọc, thế thân;
- > Cam kết thực hiện chính sách không sử dụng lao động trẻ em;
- > Cam kết thực hiện chính sách tự do thành lập hiệp hội và Thương lượng tập thể;
- > Cam kết thực hiện chính sách không phân biệt đối xử, quấy rối tình dục và lạm dụng;
- > Cam kết chính sách về sức khỏe và an toàn lao động;
- > Cam kết thực hiện chính sách về lương-thưởng theo đúng quy định của luật pháp;
- > Cam kết về chính sách về giờ làm việc và thời gian nghỉ ngơi,

III.14.2... CHỐNG THAM NHŨNG - HỐI LỘ

Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đề cao các hoạt động chống tham nhũng và đảm bảo công bằng trong môi trường làm việc. Trong toàn bộ hệ thống hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc đạo đức cơ bản nhằm tạo ra sự liêm chính trong các hoạt động. Trong trường hợp bất kỳ nhân viên nào của Công ty bị phát hiện vi phạm hoặc nhận hối lộ của khách hàng và nhà cung ứng đều sẽ bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm khắc và sẽ không có bất kỳ sự khoan nhượng nào đối với bất kỳ hành vi hối lộ, mua chuộc hay những khoản lợi ích không chính đáng khác nếu nó đi ngược với các quy định pháp luật, và quy định của Công ty hay các quy tắc đạo đức tại những quốc gia mà chúng tôi hoạt động.

III.14.3... NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC TIỀM ẨN VÀ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC THỰC TẾ ĐÁNG KỂ TỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG;

Công ty cam kết không gây ra các tác động tiêu cực tiềm ẩn và tác động tiêu cực thực tế đáng kể tới cộng đồng địa phương nơi Công ty đang hoạt động.



III.15 / Văn hoá và truyền thống tại STK

Mục tiêu 2019:

- > Xây dựng môi trường văn hóa và truyền thống tốt đẹp;

Kết quả 2019:

- > Tiếp tục duy trì chương trình tôn chỉ và thuyết trình sách hàng tuần;
- > Xây dựng thêm hoạt động phản biện và thảo luận giữa các phòng ban;

Nhằm xây dựng một văn hóa luôn tục cầu tiến và không ngừng sáng tạo Công ty duy trì và liên tục cải thiện nội dung chương trình thuyết trình Tôn chỉ với 2 nội dung là **“Tâm nhìn- Sứ mệnh”** của các phòng ban và **“Thuyết trình sách”**. Mỗi sáng thứ hai hàng tuần, các phòng ban sẽ thay phiên thuyết trình về các hoạt động đã thực hiện của mình, qua đó các phòng ban có thể chia sẻ những khó khăn thách thức mà mình đang gặp phải cũng như những mong muốn phối hợp đối với các phòng ban khác, nhằm hướng tới việc thực hiện và hoàn thành mục tiêu chung của Công ty.

III.16 / Quy chuẩn văn hoá doanh nghiệp

Mục tiêu 2019:

- > Hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn trong Công ty;
- > Giúp đỡ và hỗ trợ các đồng nghiệp;

Kết quả 2019:

- > Trao tặng quà, học bổng cho con em công nhân có hoàn cảnh khó khăn: 100 suất học bổng và 500 phần quà;
- > Tặng quà cho nhân viên có hoàn cảnh khó khăn: 56 phần quà;

Nhằm nâng cao chất lượng đời sống của CBCNV đang làm việc tại Công ty, Ban điều hành Công ty luôn đảm bảo việc cân bằng giữa thời gian làm việc và nghỉ dưỡng của CBCNV. Trong năm 2019, Ban lãnh đạo Công ty đã phối hợp với tổ chức Công đoàn Công ty thực hiện các chương trình thiết thực quan tâm đến đời sống nhân viên như: chương trình trao tặng quà, học bổng cho con em công nhân có hoàn cảnh khó khăn luôn phấn đấu học tập và đạt kết quả cao trong các dịp Tết thiếu nhi, Trung thu và các dịp khác với kinh phí hơn 73,4 triệu đồng cùng 100 suất học bổng.

Ngoài ra, trong dịp cuối năm 2019, Công ty đã phối hợp với công đoàn Công ty để xây dựng kinh phí nhằm trao 56 phần quà cho các nhân viên đang công tác tại Công ty có hoàn cảnh khó khăn với kinh phí hơn 33,6 triệu đồng.

III.17 / Thị trường vốn xanh

Mục tiêu 2019:

- > Xây dựng các dự án xanh nhằm hướng tới phát triển bền vững;

Kết quả 2019:

- > Công ty có 3 dự án xanh:
 - + Sản xuất sợi màu;
 - + Tái chế sợi phế;
 - + Sản xuất sợi recycle;

Từ năm 2016, để hướng tới thị trường vốn xanh phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty, STK đã mạnh mẽ đầu tư và thực hiện các dự án xanh nhằm mục đích xây dựng và phát triển Công ty theo hướng tăng trưởng xanh, góp phần nâng cao giá trị phát triển kinh tế và bảo vệ và giảm tác động tới môi trường, Cụ thể:

SẢN XUẤT SỢI TÁI CHẾ

Từ quý 3/2016, STK đã triển khai việc sản xuất sợi tái chế (Recycled Yarn). Trong năm 2019, tỷ trọng sợi recycle trên doanh thu đạt 35%, vượt 7,5% so với kế hoạch đặt ra, góp phần tăng tỷ trọng sợi recycle trên doanh thu dự kiến năm 2025 (100%).

Sử dụng hạt nhựa tái chế để sản xuất sợi tái chế với chất lượng cao thân thiện với môi trường thông qua tiết giảm lượng chai nhựa thải ra môi trường, sử dụng cơ sở vật chất hiện hữu đóng góp vào chuỗi giá trị xanh. Thông qua việc sản xuất sợi tái chế Công ty đã tái sử dụng 1,34 tỷ chai nhựa, góp phần bảo vệ đại dương khỏi rác thải chai nhựa vốn đang là một trong những vấn đề môi trường đang được báo động khẩn cấp trên toàn cầu.

SẢN XUẤT SỢI MÀU

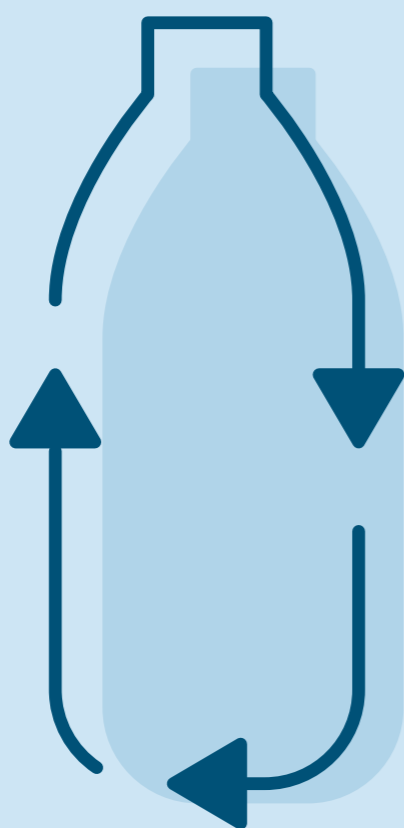
Công ty đã cho sản xuất thử nghiệm trong tháng 08-2019. Bước đầu Công ty đã cho chạy thử mẫu sợi dope dye màu đen và đang phát triển thêm màu xám và blue navy, phát triển mẫu chào cho khách hàng. Trong thời gian tới, Công ty sẽ từng bước cung ứng sản phẩm ra thị trường và mở rộng thêm mạng lưới tiêu thụ sản phẩm này.

Sản phẩm sợi màu (dope dyed) sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của thị trường, góp phần thay thế công nghệ nhuộm truyền thống và hạn chế sử dụng nguồn nước, hóa chất từ đó hạn chế xả nước thải độc hại ra môi trường để bảo vệ môi trường. Đây cũng là một xu hướng mà ngành thời trang trên thế giới (đặc biệt là các thương hiệu hàng đầu như Nike, Adidas, Puma, H&M, Inditex) đang hướng tới nhằm hạn chế phát thải hóa chất độc hại ra môi trường.

DỰ ÁN TRẮNG BÀNG 5

Dự án đã đi vào hoạt động từ quý 4 năm 2018.

Trong dự án TB5, Công ty đã mở rộng công suất tăng thêm 5% (tương ứng 3.300 tấn sợi DTY và 1.500 tấn hạt nhựa tái sinh/năm), góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận và giảm chi phí sản xuất của Công ty.



IV

BẢNG THAM CHIẾU CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO VỚI TIÊU CHUẨN GRI (GRI 102-55)

| TIÊU CHUẨN | THÔNG TIN CÔNG BỐ | TRANG |
|---|--|--------------------------|
| GRI | | |
| GRI 100: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG | | |
| HỒ SƠ TỔ CHỨC | | |
| 102-1 | Tên Tổ chức | 10 |
| 102-2 | Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ | 10 |
| 102-3 | Địa điểm của trụ sở chính | 10 |
| 102-4 | Các địa điểm hoạt động | 10 |
| 102-5 | Quyền sở hữu và hình thức pháp lý | 10 |
| 102-6 | Các thị trường phục vụ | 11 |
| 102-7 | Quy mô của tổ chức | 11 |
| 102-8 | Thông tin về nhân viên và người lao động khác | 97 |
| 102-9 | Chuỗi cung ứng | 47-48 |
| 102-10 | Những thay đổi đáng kể đối với tổ chức và chuỗi cung ứng của tổ chức | 47-48 |
| 102-11 | Phương pháp hoặc nguyên tắc phòng ngừa | 39 |
| 102-12 | Các sáng kiến bên ngoài | 27-30 |
| 102-13 | Quyền hội viên trong các hiệp hội | 27-30 |
| CHIẾN LƯỢC | | |
| 102-14 | Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao | Thông điệp Chủ tịch HĐQT |
| 102-15 | Các tác động, rủi ro và cơ hội chính | 39 |
| ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CHÍNH TRỰC | | |
| 102-16 | Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực của hành vi | 25 |
| 102-17 | Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về đạo đức | 25 |
| QUẢN TRỊ | | |
| 102-18 | Cơ cấu quản trị | 18-22 |
| 102-19 | Phân cấp thẩm quyền | 18-22 |
| 102-20 | Trách nhiệm của cấp điều hành đối với các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội | 20 |

| TIÊU CHUẨN | THÔNG TIN CÔNG BỐ | TRANG |
|--|---|-------------|
| 102-21 | Tham vấn các bên liên quan về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội | 26-33 |
| 102-22 | Thành phần của cấp quản lý cao nhất và các ủy ban | 18-22 |
| 102-23 | Chủ tịch của cấp quản lý cao nhất | 18-22 |
| 102-24 | Bổ nhiệm và lựa chọn cấp quản lý cao nhất | 18-22 |
| 102-25 | Xung đột lợi ích | 22 |
| 102-26 | Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong việc thiết lập các mục đích, giá trị và chiến lược | 34-39 |
| 102-27 | Kiến thức tổng hợp của cấp quản lý cao nhất | 18-19,20-22 |
| 102-28 | Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản lý cao nhất | 16-17 |
| 102-29 | Nhận diện và quản lý các tác động kinh tế, môi trường và xã hội | 33,37-39 |
| 102-30 | Hiệu quả của quy trình quản lý rủi ro | 39 |
| 102-31 | Rà soát các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội | 37-39 |
| 102-32 | Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong lập báo cáo phát triển bền vững | 20 |
| 102-33 | Truyền đạt các mối quan ngại cấp bách | 28-30 |
| 102-34 | Bản chất và tổng số các mối quan ngại cấp bách | 28-30 |
| 102-35 | Chính sách về thù lao | 22 |
| 102-36 | Quy trình xác định mức thù lao | 22 |
| 102-37 | Sự tham gia của bên liên quan vào việc xác định thù lao | 28 |
| 102-38 | Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm | 22 |
| 102-39 | Tỷ lệ của phần trăm gia tăng trong tổng thù lao hàng năm | 22 |
| SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN | | |
| 102-40 | Danh sách các nhóm liên quan | 20 |
| 102-41 | Các thỏa ước thương lượng tập thể | 70 |
| 102-42 | Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan | 26 |
| 102-43 | Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan | 27-30 |
| 102-44 | Các mối quan ngại và chủ đề chính | 31-33 |

| TIÊU CHUẨN | THÔNG TIN CÔNG BỐ | TRANG |
|---|--|--------|
| THÔNG LỆ BÁO CÁO | | |
| 102-45 | Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất | 39-40 |
| 102-46 | Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề | 33 |
| 102-47 | Danh mục các chủ đề trọng yếu | 39 |
| 102-48 | Trình bày lại thông tin | 39 |
| 102-49 | Các thay đổi trong báo cáo | 12 |
| 102-50 | Kỳ báo cáo | 09 |
| 102-51 | Ngày của báo cáo gần nhất | 09 |
| 102-52 | Chu kỳ báo cáo | 10 |
| 102-53 | Đầu mối liên hệ giải đáp thắc mắc về báo cáo | 10 |
| 102-54 | Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI | 09 |
| 102-55 | Mục lục GRI | 94-101 |
| 102-56 | Bảo đảm độc lập của bên thứ ba | 39-40 |
| GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ | | |
| 103-1 | Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề | 31 |
| GRI 200: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN KINH TẾ | | |
| GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ | | |
| 201-1 | Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ | 21-22 |
| 201-2 | Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu | |
| 201-3 | Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác | |
| GRI 202: SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG | | |
| 202-1 | Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng | 44 |
| GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP | | |
| 203-1 | Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ | |
| 203-2 | Tác động kinh tế gián tiếp đáng kể | 44-46 |

| TIÊU CHUẨN | THÔNG TIN CÔNG BỐ | TRANG |
|--|--|-------|
| GRI 204: THÔNG LỆ MUA SẴM | | |
| 204-1 | Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương | 46 |
| GRI 205: CHỐNG THAM NHŨNG | | |
| 205-1 | Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng | 89 |
| 205-2 | Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng | |
| 205-3 | Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và hành động đã thực hiện | |
| GRI 206: HÀNH VI CHỐNG CẠNH TRANH | | |
| 206-1 | Hành động pháp lý đối với hành vi chống cạnh tranh, thực hành độc quyền và chống độc quyền | 39 |
| GRI 300: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG | | |
| GRI 301: VẬT LIỆU | | |
| 301-1 | Vật liệu đã được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng | 47-48 |
| 301-2 | Vật liệu tái chế được sử dụng | 48 |
| 301-3 | Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm | 48 |
| GRI 302: NĂNG LƯỢNG | | |
| 302-1 | Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức | 54-55 |
| 302-3 | Cường độ sử dụng năng lượng | 56-57 |
| 302-4 | Giảm tiêu hao năng lượng | |
| 302-5 | Giảm nhu cầu năng lượng | |
| GRI 303: NƯỚC | | |
| 303-1 | Lượng nước đầu vào theo nguồn | 51-52 |
| 303-2 | Những nguồn nước chịu ảnh hưởng đáng kể bởi lượng nước đầu vào | |
| 303-3 | Tuần hoàn và tái sử dụng nước | 52 |

| TIÊU CHUẨN | THÔNG TIN CÔNG BỐ | TRANG |
|--|---|---------------------------------|
| GRI 304: ĐA DẠNG SINH HỌC | | |
| 304-1 | Các cơ sở hoạt động được sở hữu, cho thuê, quản lý trong, hoặc gần kề các khu vực được bảo tồn và các khu vực đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu được bảo tồn | Không áp dụng |
| 304-2 | Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học | |
| 304-3 | Các môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi | |
| 304-4 | Các loài trong Sách Đỏ của IUCN và các loài trong danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong các khu vực chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động | |
| GRI 305: PHÁT THẢI | | |
| 305-1 | Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1) | 58-59 |
| 305-2 | Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2) | Không áp dụng |
| 305-3 | Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3) | |
| 305-4 | Thâm dụng phát thải khí nhà kính (GHG) | |
| 305-5 | Giảm phát thải khí nhà kính (GHG) | 58-59 |
| 305-6 | Phát thải các chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS) | Không áp dụng |
| 305-7 | Nitrogen oxides (NOx) sulfur oxides (SOx), và các phát thải khí đáng kể khác | |
| GRI 306: NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI | | |
| 306-1 | Tổng lượng nước thải theo chất lượng và địa điểm | 62 |
| 306-2 | Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý | 62 |
| 306-3 | Sự cố tràn đáng kể | Không có trường hợp ghi nhận-63 |
| 306-4 | Vận chuyển chất thải nguy hại | 63 |
| 306-5 | Các khu vực chứa nước bị ảnh hưởng bởi việc thải nước và/hoặc dòng nước thải | Không có trường hợp ghi nhận |
| GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG | | |
| 307-1 | Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường | 65 |

| TIÊU CHUẨN | THÔNG TIN CÔNG BỐ | TRANG |
|--|---|---|
| GRI 308: ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MÔI TRƯỜNG | | |
| 308-1 | Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường | 46-47 |
| 308-2 | Các tác động môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện | Không có trường hợp ghi nhận |
| GRI 400: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN XÃ HỘI | | |
| GRI 401: VIỆC LÀM | | |
| 401-1 | Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc | 66-69 |
| 401-2 | Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian | 70-72 |
| GRI 402: MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG/QUẢN LÝ | | |
| 402-1 | Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động | Công ty cam kết thời gian thông báo theo quy định của luật lao động |
| GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP | | |
| 403-1 | Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động | 79 |
| 403-2 | Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc | 80 |
| 403-3 | Người lao động có tỷ lệ cao hoặc có nguy cơ cao mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp | Không có |
| 403-4 | Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn | 83 |
| GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | | |
| 404-1 | Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho nhân viên | 74 |
| 404-2 | Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp | 74-76 |
| 404-3 | Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp | 77 |

| TIÊU CHUẨN | THÔNG TIN CÔNG BỐ | TRANG |
|--|--|--|
| GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG | | |
| 405-1 | Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên | 66-69 |
| 405-2 | Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới | 70-72 |
| GRI 406: KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ | | |
| 406-1 | Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện | Không có trường hợp ghi nhận |
| GRI 407: TỰ DO LẬP HỘI/QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ | | |
| 407-1 | Các hoạt động và các nhà cung cấp mà ở đó quyền tự do lập hội/quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể có thể gặp rủi ro | Không có trường hợp ghi nhận |
| GRI 408: LAO ĐỘNG TRẺ EM | | |
| 408-1 | Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em | Công ty cam kết không sử dụng lao động <18 tuổi, 101 |
| GRI 409: LAO ĐỘNG CƯỠNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC | | |
| 409-1 | Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc | Không có trường hợp ghi nhận |
| GRI 411: QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA | | |
| 411-1 | Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa | Không có trường hợp ghi nhận |
| GRI 412: ĐÁNH GIÁ QUYỀN CON NGƯỜI | | |
| 412-1 | Những hoạt động cần phải rà soát về quyền con người hoặc đánh giá tác động | 70 |
| 412-2 | Đào tạo nhân viên về các quy trình hoặc chính sách về quyền con người | |
| 412-3 | Những hợp đồng và thỏa thuận đầu tư quan trọng có bao gồm các điều khoản về quyền của con người | |
| GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG | | |
| 413-1 | Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển | 88 |
| 413-2 | Những hoạt động có thể tác động tiêu cực hoặc đã gây tác động tiêu cực đáng kể với cộng đồng và địa phương | Không có trường hợp ghi nhận |

| TIÊU CHUẨN | THÔNG TIN CÔNG BỐ | TRANG |
|---|--|---------------------------------|
| GRI 414: ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MẶT XÃ HỘI | | |
| 414-1 | Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về xã hội | 47 |
| 414-2 | Các tác động xã hội tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện | Không có trường hợp ghi nhận |
| GRI 416: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG | | |
| 416-1 | Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ | 85 |
| 416-2 | Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động | Không có trường hợp ghi nhận-86 |
| GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU | | |
| GRI 417-1 | Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ | |
| GRI 417-2 | Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ | Không có trường hợp ghi nhận |
| GRI 417-3 | Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị | |
| GRI 418: QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG | | |
| GRI 418-1 | Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng | Không có trường hợp ghi nhận |
| GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ- XÃ HỘI | | |
| GRI 419-1 | Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội | Không có trường hợp ghi nhận |

Danh mục từ viết tắt

| | | | |
|-----------------|----------------------------|---------------------|---------------------------------|
| BHXH | Bảo hiểm xã hội | Spinning | Máy kéo sợi |
| BHYT | Bảo hiểm y tế | SSR | Điện trở |
| BKS | Ban kiểm soát | STK, CENTURY | Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ |
| BTNMT | Bộ Tài Nguyên Môi Trường | SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| CBCNV | Cán bộ công nhân viên | TB | Trảng Bàng |
| CC | Củ Chi | TCVN | Tiêu chuẩn Việt Nam |
| TB | Trảng Bàng | TCVS | Tiêu chuẩn vệ sinh |
| CTCP | Công ty cổ phần | TCVSLĐ | Tiêu chuẩn vệ sinh lao động |
| AT-VS-LĐ | An toàn, vệ sinh, lao động | TGD | Tổng Giám Đốc |
| DTY | Sợi xơ dài | TNCN | Thu nhập cá nhân |
| FDY | Sợi kéo duỗi hoàn toàn | TNDN | Thu nhập doanh nghiệp |
| FTA | Hiệp định thương mại tự do | TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| GTGT | Giá trị gia tăng | Winder | Máy cuốn sợi |
| HĐQT | Hội đồng quản trị | SGDCK | Sở Giao Dịch Chứng Khoán |
| Inverter | Máy biến áp | HOSE | Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM |
| KCN | Khu công nghiệp | QC | Quản lý chất lượng |
| LEAN | Sản xuất tinh gọn | SOP | Quy trình hoạt động chuẩn |
| POY | Sợi nguyên liệu | PDCA | Chu trình cải tiến liên tục |
| QCVN | Quy chuẩn Việt Nam | ESOP | Cổ phiếu ưu đãi |
| QĐ-BYT | Quy định Bộ Y Tế | | |